Hướng dẫn của OECD-FAO đối với Chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm

OECD

Food and Agriculture Organization of the United Nations

Hướng dẫn của OECD-FAO đối với chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm

Tài liệu này và các bản đồ được sử dụng trong đây sẽ không gây phương hại tới hiện trạng hay chủ quyền đối với bất cứ vùng lãnh thổ nào, cũng như sẽ không ảnh hưởng tới việc phân định các đường biên giới/ranh giới quốc tế, và tên gọi của bất cứ vùng lãnh thổ, thành phố hay khu vực nào. Tên gọi các nước và vùng lãnh thổ dùng trong ấn phẩm này sẽ tuân theo thông lệ của FAO.

Vui lòng trích dẫn như sau:
OECD/FAO (2022), *Hướng dẫn của OECD-FAO đối với Chuỗi Cung ứng Nông sản có trách nhiệm*, Nhà xuất bản OECD, Paris. *http://dx.doi.org/10.1787/9789264251052-en*
Nguyên bản tiếng Anh: OECD-FAO Guidance for Responsible Agricultural Supply Chains, OECD Publishing, Paris. *http://dx.doi.org/10.1787/9789264251052-en*

ISBN 978-92-64-25095-6 (print)
ISBN 978-92-64-25105-2 (PDF)

FAO :
ISBN 978-92-5-136054-5 (print and PDF)

Số liệu thống kê của Isreal được cung cấp và chịu trách nhiệm bởi các cơ quan liên quan có thẩm quyền của Isreal. Việc OECD sử dụng số liệu này không ảnh hưởng tới hiện trạng cao nguyên Golan, Đông Jerusalem và các khu định cư người Do Thái (Israeli) tại Bờ Tây theo các điều khoản của luật pháp quốc tế.

Ảnh bìa: Cover © pink_cotton_candy/iStock/Thinkstock.com

Corrigenda to OECD publications may be found on line at: *www.oecd.org/about/publishing/corrigenda.htm.*

Copyright: © OECD, FAO 2022

Quý vị có thể sao chép, tải về hoặc in nội dung của OECD để sử dụng riêng. Quý vị cũng có thể trích đoạn các ấn phẩm, cơ sở dữ liệu, và các sản phẩm đa phương tiện của OECD để đưa vào nội dung tài liệu, bài thuyết trình, blog, các trang web và tài liệu giảng dạy của mình, với điều kiện phải ghi nhận OECD là nguồn trích dẫn và chủ sở hữu quyền tác giả. Mọi yêu cầu sử dụng Hướng dẫn này vì mục đích công cộng hoặc thương mại và yêu cầu dịch thuật phải được gửi về địa chỉ rights@oecd.org. Các đề nghị xin phép sao chép một phần Hướng dẫn này để sử dụng vì mục đích công cộng hoặc thương mại sẽ được gửi trực tiếp tới Trung tâm Giải quyết các vấn đề về Quyền tác giả (Copyright Clearance Center - CCC) qua địa chỉ info@copyright.com hoặc Centre français d'exploitation du droit de copie (CFC) qua địa chỉ contact@cfcopies.com.

Lời mở đầu

Hướng dẫn của OECD-FAO đối với Chuỗi Cung ứng Nông sản có trách nhiệm (Hướng dẫn) được xây dựng với mục đích giúp doanh nghiệp tuân thủ các tiêu chuẩn hiện hành về kinh doanh có trách nhiệm trong các chuỗi cung ứng nông sản. Các tiêu chuẩn này bao gồm Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho các Doanh nghiệp Đa quốc gia, Nguyên tắc Đầu tư có trách nhiệm vào Nông nghiệp và các Hệ thống lương thực, và Bộ hướng dẫn Tự nguyện Quản lý có Trách nhiệm Việc chiếm giữ đất, Ngư trường và Rừng trong bối cảnh An ninh Lương thực Quốc gia. Tuân thủ các tiêu chuẩn này giúp doanh nghiệp giảm thiểu được những tác động bất lợi của những hoạt động đó và góp phần vào phát triển bền vững.

Hướng dẫn nhằm vào các doanh nghiệp hoạt động theo các chuỗi cung ứng nông sản, là các doanh nghiệp nước ngoài, trong nước, tư nhân, nhà nước, các doanh nghiệp nhỏ, vừa và quy mô lớn. Hướng dẫn bao gồm các lĩnh vực nông nghiệp thượng nguồn và hạ nguồn từ cung ứng tới sản xuất, xử lý sau thu hoạch, chế biến, vận chueyenr, tiếp thị, phân phối và bán lẻ. Hướng dẫn này cũng đề cập tới một số lĩnh vực rủi ro phát sinh liên quan tới các chuỗi cung ứng nông sản gồm: quyền con người, quyền lao động, sức khỏe và an toàn, an ninh lương thực và dinh dưỡng, việc chiếm giữ và tiếp cận tài nguyên, phúc lợi động vật, bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững, quản trị, công nghệ và đổi mới.

Hướng dẫn gồm bốn phần:

- *một chính sách mẫu của doanh nghiệp, nêu rõ các tiêu chuẩn mà doanh nghiệp cần tuân thủ để xây dựng các chuỗi cung ứng nông sản có tách nhiệm*
- *một khuôn khổ thẩm định dựa trên rủi ro, mô tả năm (5) bước doanh nghiệp cần tuân thủ để nhận diện, đánh giá, giảm thiểu và giải trình về cách thức giải quyết các tác động bất lợi từ hoạt động của doanh nghiệp*
- *mô tả các rủi ro chính mà doanh nghiệp phải đối mặt cùng với các biện pháp giảm thiểu những rủi ro này*
- *hướng dẫn doanh nghiệp tiếp xúc với người dân bản địa.*

Hướng dẫn này được OECD và FAO xây dựng trong hai năm với sự tham gia của nhiều bên có quyền lợi liên quan. Hướng dẫn được thông qua bởi Ủy ban Đầu tư của OECD, Ủy ban Nông nghiệp của OECD, và Nội các của Tổng Thư ký FAO. Hội đồng OECD cũng thông qua một Khuyến nghị về Hướng dẫn này vào ngày 13 tháng 7 năm 2016. Mặc dù không ràng buộc về mặt pháp lý, song Khuyến nghị đó thể hiện quan điểm và cam kết chính trị chung của các Quốc gia Thành viên và các Quốc gia Phi Thành viên tuân thủ của OECD.

OECD cũng đã xây dựng hướng dẫn riêng để giúp các doanh nghiệp xây dựng các chuỗi cung ứng có trách nhiệm trong các lĩnh vực khác gồm: khai thác mỏ, đặc biệt là khoáng sản từ những địa bàn có xung đột và rủi ro cao; dệt may và giày dép; và tài chính.

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt 9

Lời mở đầu 11

Khuyến nghị của Hội đồng về Hướng dẫn của OECD-FAO đối với Chuỗi cung ứng Nông sản có trách nhiệm 13

1. **Giới thiệu** 15

Tổng quan 15
Mục đích 15
Phạm vi 16
Người sử dụng 18
Quy trình 18
Các khái niệm cơ bản 19
Cấu trúc 23

2. **Chính sách mẫu của doanh nghiệp về chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm** 25

1. Các tiêu chuẩn RBC xuyên suốt 25
2. Quyền con người 26
3. Quyền lao động 27
4. Sức khỏe và an toàn 27
5. An ninh lương thực và dinh dưỡng 28
6. Quyền chiếm hữu và tiếp cận tài nguyên 28
7. Phúc lợi động vật 28
8. Bảo vệ môi trường và sử dụng bề vững tài nguyên 28
9. Quản trị 29
10. Công nghệ và đổi mới sáng tạo 29

3. **Khung 5 bước tiến hành thẩm định dựa trên rủi ro dọc chuỗi cung ứng nông sản** 31

Bước 1. Thiết lập các hệ thống mạnh mẽ trong doanh nghiệp để quản lý các chuỗi cung ứng có trách nhiệm 31
Bước 2. Nhận diện, đánh giá và xác định các rủi ro ưu tiên trong chuỗi cung ứng 33
Bước 3. Thiết kế và thực hiện chiến lược ứng phó với các rủi ro đã được nhận diện 36
Bước 4. Xác minh các kết quả thẩm định chuỗi cung ứng 37
Bước 5. Báo cáo kết quả thẩm định chuỗi cung ứng 38

Các chú thich 40

Tài liệu tham khảo 47

Phụ lục A. **Các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro trong chuỗi cung ứng nông sản** 49

1. Các tiêu chuẩn RBC xuyên suốt 49
2. Quyền con người 54
3. Quyền lao động 55

4. Sức khỏe và An toàn 58

5. An ninh lương thực và dinh dưỡng 59
6. Quyền chiếm giữ và tiếp cận tài nguyên 61
7. Phúc lợi động vật 63
8. Bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững 65
9. Quản trị 67
10. Công nghệ và Đổi mới Sáng tạo 69

Chú thích của Phụ lục A 70
Tài liệu tham khảo trong Phụ lục A 76

Phụ lục B. **Tiếp xúc với người bản địa** 78

Định nghĩa người bản địa 78
Thực hiện FPIC 80
Xử lý tình huống không đồng thuận hoặc từ chối tham gia 81
Trích dẫn từ các công cụ và tiêu chuẩn hiện hành 81
Hướng dẫn thêm về FPIC 84
Chú thích của Phụ lục B 85

Bảng

A.1. Đặc điểm của các cơ chế khiếu nại hiệu quả 54

Hình

1.1. Các khâu trong chuỗi cung ứng và các doanh nghiệp tham gia 20
1.2. Rủi ro ở một số khâu trong chuỗi cung ứng nông sản 20

Hộp

1.1. Mô tả các tiêu chuẩn then chốt được xem xét trong Hướng dẫn này 17
1.2. Giải quyết các tác động bất lợi 21
1.3. Khuôn khổ thẩm định 5 bước 22
3.1. Ví dụ về các tình huống phải thẩm định tăng cường: Cảnh báo đèn đỏ 35

Theo dõi các ấn phẩm của OECD trên:

http://twitter.com/OECD_Pubs

http://www.facebook.com/OECDPublications

http://www.linkedin.com/groups/OECD-Publications-4645871

http://www.youtube.com/oecdilibrary

http://www.oecd.org/oecddirect/

Follow FAO on:

Food and Agriculture Organization of the United Nations

twitter.com/FAOstatistics
twitter.com/FAOKnowledge
twitter.com/FAOnews

www.facebook.com/UNFAO

www.linkedin.com/company/fao

plus.google.com/+UNFAO

www.instagram.com/unfao

www.youtube.com/user/FAOoftheUN

Danh mục các từ viết tắt

CAO	Văn phòng Cố vấn Tuân thủ của IFC và MIGA
CBD	Công ước về Đa dạng Sinh học
CEDAW	Công ước xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ
CFS	Ủy ban An ninh Lương thực Thế giới
CFS-RAI	Bộ Nguyên tắc Đầu tư có trách nhiệm vào Nông nghiệp và các Hệ thống lương thực của Ủy ban An ninh Lương thực Thế giới
CSR	Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp
EIA	Đánh giá Tác động Môi trường
ESHRIA	Đánh giá tác động xã hội, môi trường và Quyền con người
EU	Liên minh Châu Âu
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hiệp quốc
FDI	Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài
FPIC	Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước, và được cung cấp thông tin
ICESCR	Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn Hóa
IFAD	Quỹ Quốc tế cho Phát triển Nông nghiệp
IFC	Công ty Tài chính Quốc tế
IFPRI	Viện Nghiên cứu Chính sách Lương thực Quốc tế
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế

ITPGR	Hiệp ước Quốc tế về tài nguyên gien thực vật cho Nông nghiệp và Thực phẩm
MIGA	Cơ quan Bảo lãnh Đầu tư Đa phương
MNE	Doanh nghiệp Đa quốc gia
NCP	Đầu mối Liên hệ Quốc gia
NGO	Tổ chức Phi Chính phủ
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
OIE	Tổ chức Sức khỏe Động vật Thế giới
PRAI	Bộ Nguyên tắc Đầu tư Nông nghiệp có Trách nhiệm tôn trọng quyền, sinh kế và tài nguyên do FAO, Quỹ Quốc tế về Phát triển Nông nghiệp (IFAD), Hội nghị của Liên hiệp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) và Ngân hàng Thế giới xây dựng
RBC	Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm
VGGT	Bộ Hướng dẫn Tự nguyện Quản lý có Trách nhiệm Việc chiếm giữ đất, Ngư trường và Rừng trong bối cảnh An ninh Lương thực Quốc gia
UN	Liên hiệp quốc
UNCTAD	Hội nghị Liên hiệp quốc về Thương mại và Phát triển
US	Mỹ/Hoa Kỳ
USD	Đô la Mỹ
WB	Ngân hàng Thế giới
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới

Lời tựa

Hướng dẫn của OECD-FAO đối với Chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm đáp ứng nhu cầu quan trọng đặt ra về hướng dẫn hành vi kinh doanh có trách nhiệm mang tính thực tế cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Đầu tư vào nông nghiệp ngày càng phát triển trong những năm gần đây và dự kiến sẽ tiếp tục gia tăng khi lĩnh vực này mở rộng để đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn. Cùng với sự gia tăng trong đầu tư vào lĩnh vực này là nhận thức về vấn đề đầu tư có trách nhiệm. Các tiêu chuẩn kinh doanh có trách nhiệm trong các chuỗi cung ứng nông sản là vô cùng cần thiết để đảm bảo lợi ích của nó sẽ lan rộng hơn và ngành nông nghiệp tiếp tục thực hiện trọn vẹn các chức năng của mình gồm an ninh lương thực, giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế.

Hướng dẫn của OECD-FAO được soạn thảo trong khoảng thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 9/2015 dưới sự hướng dẫn của Nhóm Tư vấn gồm nhiều bên, trong đó có đại diện đến từ các Quốc gia Thành viên và Quốc gia Phi Thành viên của OECD, khu vực tư nhân và xã hội dân sự. Chủ tịch Nhóm Tư vấn là David Hegwood, Trưởng nhóm Chiến lược và Tiếp cận Toàn cầu, Phòng An ninh Lương thực của USAID. Ba Phó Chủ tịch đại diện cho các nhóm bên liên quan là Mella Frewen, Tổng Giám đốc FoodDrink Europe; Bernd Schanzenbaecher, Người sáng lập và Giám đốc quản lý EBG Capital; và Kris Genovese, Nghiên cứu viên cao cấp tại Trung tâm Nghiên cứu các Tập đoàn Đa quốc gia (SOMO) và Điều phối viên của OECD Watch.

Trong quá trình làm việc, Nhóm Tư vấn đã tổ chức ba cuộc họp trực tiếp và ba cuộc tham vấn trực tuyến. Cuộc họp đầu tiên diễn ra ngày 16/10/2013 và các cuộc họp tiếp theo được tổ chức vào các ngày 26/6/2014 và ngày 16/3/2015. Ngày 18/6/2015, Nhóm Tư vấn đã họp với Nhóm Tư vấn về Huy động sự tham gia có ý nghĩa của các bên liên quan trong lĩnh vực khai thác mỏ để thảo luận về vấn đề đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin. Các cuộc tham vấn trực tuyến của Nhóm được tổ chức vào các ngày 10/2/2014, 28/5/2014 và 7/1/2015. Một phiên tham vấn công khai trực tuyến đã được tổ chức tháng 1 và tháng 2 năm 2015 để lấy ý kiến của nhiều bên liên quan khác nhau về dự thảo Hướng dẫn.

Hướng dẫn này của OECD-FAO cũng được hưởng lợi từ các kết luận đưa ra tại Diễn đàn Toàn cầu về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm tổ chức năm 2014 và 2015. Ngày 27/6/2014, một phiên họp đặc biệt về chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm đã được tổ chức, xác định các rủi ro cơ bản mà doanh nghiệp phải đối mặt khi đầu tư vào các chuỗi cung ứng nông sản, đồng thời bàn về các biện pháp mà nhà nước và doanh nghiệp có thể áp dụng để giảm thiểu các rủi ro đó đồng thời đảm bảo các hoạt động đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp đem lại lợi ích cho nước đầu tư, nước tiếp nhận đầu tư và cả nhà đầu tư. Một phiên thảo luận diễn ra ngày 19/6/2015 đã tìm hiểu vai trò và trách nhiệm của các loại hình doanh nghiệp hoạt động bên cạnh chuỗi cung ứng nông sản, cùng như các hình thức mà doanh nghiệp có thể hợp tác để tiến hành thẩm định rà soát rủi ro.

Sự đa dạng về quan điểm được thể hiện trong Nhóm Tư vấn đã góp phần tạo nên một tài liệu hướng dẫn trong đó nhấn mạnh sự tôn trọng quyền của tất cả các bên có quyền lợi liên quan bị tác động bất lợi bởi các hoạt động dọc chuỗi cung ứng nông sản, xác định vai trò

và trách nhiệm của các doanh nghiệp hoạt động trong các chuỗi cung ứng này, đồng thời đề xuất các phương pháp tiếp cận thực tế nhằm giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp. Chúng tôi tin tưởng rằng, Hướng dẫn này của OECD-FAO sẽ là một công cụ hữu ích giúp các doanh nghiệp tiến hành hoạt động thẩm định. Chúng tôi cũng kỳ vọng rằng Hướng dẫn này sẽ thúc đẩy việc tuân thủ các chuẩn mực hiện hành mà chúng tôi đã cân nhắc khi xây dựng.

David Hegwood

Chủ tịch Nhóm Tư vấn Hỗn hợp,
Trưởng nhóm Chiến lược và Tiếp cận Toàn cầu, Phòng An ninh Lương thực, USAID

Khuyến nghị của Hội đồng về Hướng dẫn của OECD-FAO đối với Chuỗi Cung ứng Nông sản có trách nhiệm

13 tháng 7 năm 2016

HỘI ĐỒNG,

LIÊN QUAN ĐẾN Điều 5(b) của Công ước về Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế ngày 14 tháng 12 năm 1960;

LIÊN QUAN ĐẾN Tuyên bố về Đầu tư Quốc tế và Doanh nghiệp Đa quốc gia [C(76)99/FINAL], Quyết định của Hội đồng về Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho Doanh nghiệp Đa quốc gia [C(2000)96/FINAL] (sau đây là "Quyết định về Bộ Hướng dẫn "), Công ước về chống hối lộ công chức nước ngoài trong các giao dịch kinh doanh quốc tế, Khuyến nghị của Hội đồng về Hướng dẫn Thẩm định các chuỗi cung ứng khoáng sản có trách nhiệm từ các khu vực có xung đột và rủi ro cao [C/MIN(2011)12/FINAL được sửa đổi bởi C(2012)93], và Khuyến nghị của Hội đồng về Khung chính sách cho Đầu tư [C(2015)56/REV1];

NHẮC LẠI mục đích chung của các chính phủ khi khuyến nghị tuân thủ Bộ Hướng dẫn cho các Doanh nghiệp đa quốc gia (sau đây gọi là "Bộ hướng dẫn") là để thúc đẩy hành vi kinh doanh có trách nhiệm;

TIẾP TỤC NHẮC LẠI rằng Quyết định về Bộ hướng dẫn quy định rằng Ủy ban Đầu tư sẽ cùng với các Đầu mối Liên lạc Quốc gia theo đuổi một chương trình nghị sự chủ động hợp tác với các bên có quyền lợi liên quan thúc đẩy sự tuân thủ hiệu quả của các doanh nghiệp đối với các nguyên tắc và tiêu chuẩn có trong Bộ Hướng dẫn đối với các sản phẩm, khu vực, lĩnh vực hoặc ngành cụ thể;

CÂN NHẮC những nỗ lực của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là của Ủy ban An ninh Lương thực Thế giới và Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hiệp quốc (FAO), thúc đẩy hoạt động đầu tư có trách nhiệm vào nông nghiệp và các hệ thống lượng thực và quản lý có trách nhiệm việc chiếm giữ đất, ngư trường và rừng.

NHẬN THỨC rằng xây dựng các chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững;

NHẬN THỨC rằng các chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức xã hội dân sự và tổ chức quốc tế có thể dựa vào năng lực và vai trò của mình để xây dựng các chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm, đem lại lợi ích cho toàn xã hội;

NHẬN THẤY thẩm định là quá trình diễn ra liên tục, chủ động và thích ứng, giúp doanh nghiệp đảm bảo việc tuân thủ tiêu chuẩn được chính phủ hậu thuẫn của các chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm liên quan tới quyền con người, quyền lao động, sức khỏe

và an toàn, an ninh lương thực và dinh dưỡng, quyền chiếm giữ, phúc lợi động vật, bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững, quản trị, công nghệ và đổi mới;

LIÊN QUAN đến Hướng dẫn của OECD-FAO đối với Chuỗi cung ứng Nông sản có trách nhiệm [C(2016)83/ADD1] (sau đây gọi là "Hướng dẫn"), có thể được sửa đổi cho phù hợp bởi Ủy ban Đầu tư và Ủy ban Nông nghiệp hợp tác với FAO;

NHẬN THẤY Hướng dẫn này đề xuất một chính sách mẫu cho doanh nghiệp trong đó phác thảo nội dung các tiêu chuẩn hiện hành của chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm và khuôn khổ thẩm định gồm năm (5) bước mô tả các công việc mà doanh nghiệp cần tuân thủ để nhận diện, đánh giá, giảm thiểu và giải trình về cách thức giải quyết các tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn đi kèm với hoạt động của doanh nghiệp hoặc của các mối quan hệ kinh doanh của họ;

Về đề xuất của Ủy ban Đầu tư và Ủy ban Nông nghiệp:

I. **KHUYẾN NGHỊ** các Quốc gia Thành viên và Quốc gia Phi Thành viên tuân thủ Khuyến nghị này (gọi chung là "Bên Tuân thủ") và cả các Đầu mối Liên hệ Quốc gia theo Bộ Hướng dẫn, nếu có thể, (gọi tắt là "NCP"), tích cực thúc đẩy việc sử dụng Hướng dẫn bởi các doanh nghiệp hoạt động trên hoặc từ lãnh thổ của mình nhằm mục đích đảm bảo doanh nghiệp tuân thủ các tiêu chuẩn đã được quốc tế thỏa thuận đối với hành vi kinh doanh có trách nhiệm trong các chuỗi cung ứng nông sản để ngăn ngừa tác động bất lợi phát sinh từ hoạt động của doanh nghiệp và để góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững, nhất là giảm nghèo, an ninh lương thực và bình đẳng giới;

II. Đặc biệt **KHUYẾN NGHỊ**, các Bên Tuân thủ phải có biện pháp tích cực để hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động trên hoặc từ lãnh thổ của mình thông qua chính sách mẫu của doanh nghiệp và lồng ghép vào hệ thống quản lý doanh nghiệp khung 5 bước tiến hành thẩm định dựa trên rủi ro trong các chuỗi cung ứng nông sản được nêu trong Hướng dẫn này;

III. **KHUYẾN NGHỊ** các Bên Tuân thủ và các NCP của mình, với sự hỗ trợ của Ban Thư ký OECD thông qua các hoạt động của Ban với Liên hiệp quốc và các tổ chức phát triển quốc tế, đảm bảo tuyên truyền phổ biến rộng rãi nhất có thể Hướng dẫn này và thúc đẩy việc sử dụng tích cực Hướng dẫn bởi các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm các doanh nghiệp nông trại, thượng nguồn và hạ nguồn, các cộng đồng bị ảnh hưởng và các tổ chức xã hội dân sự, và định kỳ báo cáo lên Ủy ban Đầu tư và Ủy ban Nông nghiệp về các hoạt động tuyên truyền và thực thi Hướng dẫn;

IV. **ĐỀ NGHỊ** các Bên tuân thủ và Tổng thư ký phổ biến Khuyến nghị này;

V. **ĐỀ NGHỊ** các Bên Không tuân thủ cân nhắc và tuân thủ Khuyến nghị hiện nay;

VI. **CHỈ THỊ** Ủy ban Đầu tư và Ủy ban Nông nghiệp giám sát việc thực hiện Khuyến nghị và báo cáo lên Hội đồng chậm nhất là năm năm sau khi thông qua và vào thời điểm thích hợp sau đó.

1. Giới thiệu

Tổng quan

Nông nghiệp,[1] với hơn 570 triệu trang trại trên thế giới, là lĩnh vực tiếp tục thu hút đầu tư. Điều này đặc biệt đúng đối với khu vực Nam Á và châu Phi cận Sahara, tại đây tỷ lệ vốn nông nghiệp tính theo đầu người lao động tương đối thấp ở mức là USD 1.700 và USD 2.200 tương ứng với mỗi khu vực, so với USD 16.500 ở châu Mỹ La Tinh và Caribe và USD 19.000 ở châu Âu và Trung Á (FAO, 2012 và 2014). Trong thập kỷ tới, giá nông sản được dự báo sẽ vẫn ở mức cao hơn so với những năm trước đợt tăng giá đột biến 2007-08 vì nhu cầu lương thực tăng do dân số ngày càng tăng, thu nhập cao hơn và thay đổi chế độ ăn. Nhu cầu đối với các mặt hàng nông sản phi lương thực cũng đang tăng lên (OECD/FAO, 2015).

Các doanh nghiệp hoạt động theo chuỗi cung ứng nông sản có thể góp phần đáng kể vào phát triển bền vững bằng cách tạo việc làm và nâng cao năng lực chuyên môn, công nghệ và tài chính để tăng cường sản xuất nông nghiệp bền vững và nâng cấp chuỗi cung ứng. Điều này có thể tăng cường an ninh lương thực và dinh dưỡng, đồng thời giúp đạt được các mục tiêu phát triển của nước sở tại. Các nguyên tắc kinh doanh có trách nhiệm (RBC)[2] được quốc tế thống nhất nhằm mục tiêu đảm bảo đóng góp của doanh nghiệp vào sự phát triển bền vững. Các nguyên tắc này đã được một số lượng lớn các doanh nghiệp áp dụng. Rủi ro của việc không tuân thủ các nguyên tắc này có thể trở nên trầm trọng hơn khi các chủ thể mới, chẳng hạn như các tổ chức đầu tư, tham gia ngày càng nhiều vào chuỗi cung ứng nông sản và khi ngày càng nhiều nhà đầu tư nhắm đến các thị trường mới, kể cả các quốc gia có khuôn khổ quản trị yếu kém.

Hướng dẫn các doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng nông sản phương thức tuân thủ các tiêu chuẩn kinh doanh có trách nhiệm hiện hành[3] là việc làm cần thiết để đảm bảo ngăn ngừa các tác động bất lợi và đảm bảo những khoản đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp đem lại lợi ích cho doanh nghiệp,[4] nhà nước và cộng đồng, góp phần phát triển bền vững, đặc biệt là giảm đói nghèo, vì an ninh lương thực và bình đẳng giới. Mục tiêu của Hướng dẫn này về Chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm (sau đây gọi tắt là "Hướng dẫn") là các doanh nghiệp trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp, trong đó có các nhà sản xuất quy mô nhỏ cũng như các đối tượng khác tham gia thông qua các mối quan hệ kinh doanh,[5] như quỹ đầu tư, quỹ đầu tư quốc gia hoặc ngân hàng.[6]

Mục đích

Mục đích của Hướng dẫn này là giúp các doanh nghiệp tuân thủ các tiêu chuẩn RBC hiện có đối các chuỗi cung ứng nông sản[7], bao gồm cả Hướng dẫn của OECD dành cho Doanh nghiệp đa quốc gia (Bộ Hướng dẫn của OECD). Mục đích là ngăn ngừa các nguy cơ tác động bất lợi đối với môi trường, xã hội và quyền con người, cung cấp tài liệu bổ sung hữu ích cho công việc của các Đầu mối Liên hệ Quốc gia (NCP) với trách nhiệm nâng cao hiệu quả của Bộ Hướng dẫn của OECD (xem Hộp 1.1). Nó cũng có thể giúp các chính phủ, đặc biệt là các NCP, trong nỗ lực thúc đẩy Bộ Hướng dẫn của OECD và làm rõ các tiêu chuẩn hiện có trong lĩnh vực nông nghiệp.

Hướng dẫn này tham chiếu tới các tiêu chuẩn hiện hành để giúp các doanh nghiệp tuân thủ các tiêu chuẩn đó và thực hiện thẩm định dựa trên rủi ro. Hướng dẫn cũng tham chiếu tới một số phần trong Bộ Hướng dẫn của OECD và các chuẩn mực khác liên quan nhất tới

chuỗi cung ứng nông sản và không có ý định thay thế các tiêu chuẩn đó. Vì thế, trước khi đưa ra bất cứ khiếu nại tuân thủ nào, doanh nghiệp phải đề cập trực tiếp tới mỗi trong số các tiêu chuẩn này. Không phải tất cả các Bên tuân thủ Tuyên ngôn về Đầu tư Quốc tế và Doanh nghiệp Đa quốc gia mà Bộ Hướng dẫn của OECD là một phần không thể tách rời của Tuyên ngôn đó, hoặc không phải tất cả các thành viên của FAO đều công nhận các tiêu chuẩn được xem xét trong Hướng dẫn này.

Phạm vi

Hướng dẫn này xem xét các tiêu chuẩn hiện hành có liên quan tới hành vi kinh doanh có trách nhiệm trong các chuỗi cung ứng nông sản, bao gồm:

- Bộ Hướng dẫn của OECD dành cho các Doanh nghiệp Đa quốc gia (Bộ Hướng dẫn của OECD)
- Các Nguyên tắc Đầu tư có trách nhiệm vào Nông nghiệp và các Hệ thống Lương thực của ủy ban An ninh Lương thực Thế giới (Bộ Nguyên tắc CFS-RAI)
- Bộ Hướng dẫn Tự nguyện áp dụng về Quản lý có Trách nhiệm Việc chiếm giữ đất, Ngư trường và Rừng trong bối cảnh An ninh Lương thực Quốc gia của Ủy ban An ninh Lương thực Thế giới (VGGT)
- Bộ Nguyên tắc Đầu tư Nông nghiệp có Trách nhiệm tôn trọng Quyền, Sinh kế và tài nguyên do FAO, Quỹ Quốc tế về Phát triển Nông nghiệp (IFAD), Hội nghị của Liên hiệp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) và Ngân hàng Thế giới xây dựng
- Các Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền con người [Thực thi Khuôn khổ 'Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục' của LHQ] (Các Nguyên tắc Hướng dẫn của LHQ)
- Tuyên bố Ba bên của Tổ chức Lao động Quốc tế về các nguyên tắc liên quan đến Doanh nghiệp Đa quốc gia và Chính sách xã hội (Tuyên bố của ILO về MNE)
- Công ước về Đa dạng Sinh học (CBD), bao gồm Hướng dẫn Tự nguyện của Akwé: Kon
- Công ước về tiếp cận thông tin, sự tham gia của cộng đồng trong việc ra quyết định và tiếp cận công lý trong các vấn đề môi trường của Ủy ban Kinh tế Liên hợp quốc về Châu Âu (Công ước Aarhus)

Các tiêu chuẩn trên đáp ứng ba tiêu chí sau do Nhóm tư vấn thiết lập[8]: đã được thương lượng và/hoặc xác nhận thông qua một quy trình liên chính phủ; có liên quan đến chuỗi cung ứng nông sản; và đặc biệt hướng tới cộng đồng doanh nghiệp/nhà đầu tư. Hộp 1.1 sẽ mô tả chi tiết bốn (4) tiêu chuẩn then chốt được cân nhắc trong Hướng dẫn này. Hướng dẫn cũng xem xét các tiêu chuẩn sau đây không đáp ứng các tiêu chí nêu trên nhưng đang được sử dụng rộng rãi ở mức độ phù hợp với các tiêu chuẩn được liệt kê ở trên

- Tiêu chuẩn Thực hiện của Tổ chức Tài chính Quốc tế
- Nguyên tắc của Hiệp ước Toàn cầu của LHQ.

Các văn kiện bổ sung chẳng hạn như các hiệp ước của LHQ về Quyền con người cũng được tham chiếu trong trường hợp có liên quan tới việc thực hiện các tiêu chuẩn nói trên. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng có thể tham chiếu tới các tiêu chuẩn khác không được nêu trong Hướng dẫn này cũng như tham chiếu các công cụ và hướng dẫn cụ thể hơn, với danh mục có sẵn trên mạng.[9]

Hộp 1.1. Mô tả các tiêu chuẩn then chốt được xem xét trong Hướng dẫn này

Bộ hướng dẫn của OECD dành cho các Doanh nghiệp Đa quốc gia *(Bộ hướng dẫn của OECD)*: Bộ Hướng dẫn của OECD là một trong 4 phần của Tuyên ngôn 1976 của OECD về Đầu tư quốc tế và Doanh nghiệp Đa quốc gia, theo đó các bên Tuân thủ cam kết đảm bảo một môi trường đầu tư quốc tế cởi mở và minh bạch, đồng thời khuyến khích sự đóng góp tích cực của các doanh nghiệp đa quốc gia (MNE) vào sự phát triển kinh tế xã hội. Hiện tại có 46 nước/quốc gia là Bên Tuân thủ Tuyên ngôn - 34 thành viên của OECD và 12 nền kinh tế phi thành viên của OECD.[1] Bộ Hướng dẫn của OECD đã được sửa đổi nhiều lần, gần đây nhất là vào năm 2011. Đây là bộ khuyến nghị toàn diện nhất được chính phủ ủng hộ về những khía cạnh tạo nên RBC. Các khuyến nghị bao gồm chín lĩnh vực RBC chính gồm: công bố thông tin, quyền con người, việc làm và quan hệ lao động, môi trường, hối lộ và tham nhũng, lợi ích của người tiêu dùng, khoa học và công nghệ, cạnh tranh và thuế. Đây là những khuyến nghị được các chính phủ dành riêng cho các MNE hoạt động trên lãnh thổ và từ lãnh thổ của các Bên Tuân thủ. Mỗi Bên Tuân thủ phải thành lập một NCP để nâng cao hiệu quả của bộ Hướng dẫn bằng cách thực hiện các hoạt động quảng bá, giải quyết các thắc mắc và góp phần giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến việc thực hiện Bộ Hướng dẫn trong các trường hợp cụ thể. Bộ Hướng dẫn là công cụ quốc tế đầu tiên tích hợp trách nhiệm tôn trọng quyền con người của doanh nghiệp được nêu trong Nguyên tắc hướng dẫn của LHQ và trách nhiệm lồng ghép nội dung thẩm định dựa trên rủi ro vào các lĩnh vực cơ bản của đạo đức kinh doanh liên quan đến các tác động bất lợi.[2]

Các Nguyên tắc Đầu tư Có trách nhiệm vào nông nghiệp và các Hệ thống lương thực *(Bộ Nguyên tắc CFS-RAI)*: Các nguyên tắc này được xây dựng trên cơ sở thương lượng giữa các chính phủ do Ủy ban An ninh Lương thực Thế giới chủ trì (CFS) từ năm 2012 đến 2014, có sự tham gia của các tổ chức dân sự xã hội, khu vực tư nhân, các trường đại học, các nhà nghiên cứu, và các tổ chức quốc tế. Bộ nguyên tắc được CFS thông qua ngày 15/10/2014 tại phiên họp lần thứ 41 của Ủy ban. Đây là các nguyên tắc áp dụng tự nguyện không mang tính ràng buộc, đề cập tới toàn bộ các loại hình đầu tư trong nông nghiệp và hệ thống lương thực. Mười nguyên tắc cốt lõi trong đó leien quan tới: an ninh lương thực và dinh dưỡng; xóa đói và phát triển kinh tế bền vững và bao trùm; bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ; thanh thiếu niên; chiếm giữ đất, ngư trường và rừng và tiếp cận nước sạch; quản lý bền vững tài nguyên; di sản văn hóa, tri thức truyền thông, đa dạng và đổi mới; nông nghiệp an toàn và lành mạnh; các cơ cấu, quy trình quản trị và cơ chế khiếu nại bao trùm và minh bạch; tác động và trách nhiệm giải trình. Ngoài ra, còn có thêm một phần mô tả vai trò và trách nhiệm của các bên có quyền lợi liên quan.

Bộ Hướng dẫn Tự nguyện áp dụng về Quản lý có Trách nhiệm Việc chiếm giữ đất, Ngư trường và Rừng trong bối cảnh An ninh Lương thực Quốc gia của Ủy ban An ninh Lương thực Thế giới *(VGGT)*: VGGT là bộ hướng dẫn toàn cầu đầu tiên về quản lý quyền chiếm giữ. Bộ hướng dẫn được xây dựng trên cơ sở thương lượng giữa các chính phủ do CFS chủ trì, có sự tham gia của các tổ chức dân sự xã hội, khu vực tư nhân, các trường đại học, các nhà nghiên cứu, và các tổ chức quốc tế. CFS thông qua văn kiện này tại Phiên họp (Đặc biệt) thứ 38 của Ủy ban ngày 11/5/2012. VGGT đã được quốc tế công nhận và được G20 và Tuyên bố Rio +20 khuyến khích sử dụng. Ngày 21/12/2012, Đại hội đồng LHQ đã hoan nghênh kết quả của Phiên họp (Đặc biệt) lần thứ 38 của CFS khi thông qua VGGT; khuyến khích các quốc gia cân nhắc nghiêm túc việc thực thi Bộ hướng dẫn này; và yêu cầu các cơ quan liên quan của LHQ đảm bảo nhanh chóng quảng bá và phân phối Bộ Hướng dẫn.[3] Đây cũng là một tài liệu tham khảo để nâng cao hiệu quả quản lý việc chiếm giữ đất, ngư trường và rừng hỗ trợ cho an ninh lương thực và góp phần vào các nỗ lực xóa đói giảm nghèo của quốc gia và toàn cầu. Nhận thức được vai trò trung tâm của đất đai trong phát triển, Bộ Hướng dẫn thúc đẩy các việc chiếm giữ an toàn và tiếp cận công bằng đối với đất đai, ngư trường và rừng. Các nguyên tắc và thông lệ đươc quốc tế chấp nhận được trình bày tại đây là kim chỉ nam cho quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách và luật pháp về quản lý quyền chiếm giữ. Bộ Hướng dẫn này kế thừa và phát huy *Bộ hướng dẫn Áp dụng tự nguyện hỗ trợ việc thực hiện một cách tiến bộ quyền có đủ lương thực trong bối cảnh An ninh Lương thực Quốc gia*, được Hội đồng FAO thông qua tháng 11/2004.

Hộp 1.1. Mô tả các tiêu chuẩn then chốt được xem xét trong Hướng dẫn này *(tt.)*

Các Nguyên tắc Đầu tư có trách nhiệm trong nông nghiệp tôn trọng quyền, sinh kế và tài nguyên *(PRAI)*: Nhóm công tác liên cơ quan (IAWG) gồm IFAD, FAO, UNCTAD và Ngân hàng Thế giới đã tổ chức hội nghị bàn tròn tại Đại hội đồng Liên hợp quốc vào tháng 9/2009 về 'Thúc đẩy đầu tư quốc tế có trách nhiệm vào nông nghiệp' để trình bày bảy nguyên tắc và sau đó xuất bản một phiên bản tóm tắt vào tháng 2/2010. Bảy nguyên tắc tập trung vào: quyền đất đai và tài nguyên; an toàn thực phẩm; minh bạch, quản trị tốt và môi trường thuận lợi; tham vấn và tham gia; đầu tư doanh nghiệp nông nghiệp có trách nhiệm; bền vững xã hội; và bền vững môi trường [4]. Tại Hội nghị thượng đỉnh Seoul vào tháng 11/2010, G20 đã khuyến khích 'tất cả các quốc gia' và các công ty ủng hộ Bộ Nguyên tắc Đầu tư Nông nghiệp Có trách nhiệm" như một phần của kế hoạch hành động nhiều năm về phát triển. IAWG đã đệ trình báo cáo về PRAI và một bản Kế hoạch Hành động về các Phương án Thúc đẩy Đầu tư có Trách nhiệm vào Nông nghiệp lên G20 vào năm 2011 và G8 vào năm 2012[5]. G20 đã đồng ý với cách tiếp cận song song để vừa thí điểm PRAI và vừa sử dụng các bài học kinh nghiệm để cung cấp thông tin cho các quá trình tham vấn khác nhau. Tháng 10/2012, IAWG đã đệ trình một báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch hành động của trong đó tham chiếu cụ thể đến việc thử nghiệm thực địa PRAI tại các nước và các doanh nghiệp chủ nhà.[6] Gần đây, Báo cáo Giải trình Saint Petersburg năm 2013 về các cam kết phát triển G20 đã "hoan nghênh tiến độ của các dự án thí điểm kiểm tra PRAI tại thực địa ở một số nước Châu Phi và Đông Nam Á '.

1. Vào tháng 2/2016, các nước này gồm Ác-hen-ti-na, Brazil, Colombia, Costa Rica, Ai cập, Jordan, Latvia, Lithuania, Morocco, Peru, Romania, và Tunisia.
2. Thẩm định áp dụng cho tất cả các chương trong Bộ hướng dẫn, trừ các chương về thuế, cạnh tranh và công nghệ.
3. *www.un.org/News/Press/docs//2012/ga11332.doc.htm*.
4. Tại toàn văn PRAI tại địa chỉ *www.responsibleagroinvestment.org*.
5. Nhóm công tác liên cơ quan về Trụ cột An ninh Lương thực của Kế hoạch Hành động Phát triển nhiều năm của G20 'Phương án thúc đẩy đầu tư có trách nhiệm vào nông nghiệp, báo cáo gửi nhóm công tác cao cấp, tháng 9/2011.
6. Nhóm công tác liên cơ quan (IAWG) về Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm vào nông nghiệp, Báo cáo tổng hợp về thử nghiệm thực địa Bộ nguyên tắc Đầu tư có trách nhiệm trong nông nghiệp, tháng 10/2012.

Người sử dụng dự kiến

Mặc dù thừa nhận rằng nông dân là những nhà đầu tư lớn nhất trong lĩnh vực nông nghiệp chính yếu, nhưng Hướng dẫn này cũng nhắm đến tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong chuỗi cung ứng nông sản như được trình bày chi tiết trong Hình 1.1, bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, tư nhân và nhà nước, doanh nghiệp vừa, nhỏ và lớn, tất cả đều được gọi chung là 'doanh nghiệp' trong suốt Hướng dẫn này[10]. Các chính phủ, đặc biệt là các NCP, cũng có thể sử dụng Hướng dẫn này để hiểu rõ hơn và thúc đẩy các tiêu chuẩn hiện có trong chuỗi cung ứng nông sản. Hơn nữa, nó có thể giúp các cộng đồng bị ảnh hưởng hiểu được những gì họ cần kỳ vọng từ các tác nhân nêu trên và qua đó đảm bảo rằng quyền của họ được tôn trọng.

Quy trình

Hướng dẫn này do FAO và OECD xây dựng thông qua một quá trình tham vấn toàn diện dẫn dắt bởi một Nhóm tư vấn gồm nhiều bên được thành lập vào tháng 10/2013[11]. Nhóm tư vấn gồm đại diện từ các Quốc gia Thành viên và Quốc gia Phi Thành viên của OECD, các tổ chức đầu tư, các công ty chế biến thực phẩm, tổ chức của người nông dân,

các tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức quốc tế. Nhiệm vụ của Nhóm Tư vấn gồm:

- Đưa ra các đóng góp nội dung trong quá trình xây dựng Hướng dẫn.
- Hỗ trợ quá trình tham vấn rộng rãi với các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm góp ý và tham gia các quy trình phối hợp nhiều bên nhất là các cuộc họp của Nhóm Công tác mở về CFS-RAI.
- Đóng góp nội dung vào các biện pháp để tiếp tục xúc tiến và thực hiện có hiệu quả Hướng dẫn này.

Các Ban thư ký của FAO và OECD đã điều phối quá trình tham vấn cùng với Nhóm Tư vấn, với sự chỉ đạo của Chủ tịch và các Phó chủ tịch của Nhóm. Quá trình này được trao đổi và tham vấn thường xuyên với Nhóm Công tác của OECD về Hoạt động Kinh doanh có Trách nhiệm - cơ quan trực thuộc Ủy ban Đầu tư, và Nhóm Công tác về các Chính sách và Thị trường Nông nghiệp - cơ quan trực thuộc của Ủy ban Nông nghiệp của OECD.

Các khái niệm cơ bản

Chuỗi cung ứng nông sản

Chuỗi cung ứng nông sản là hệ thống gồm tất cả các hoạt động, tổ chức, tác nhân, công nghệ, thông tin, tài nguyên và dịch vụ liên quan đến sản xuất nông sản thực phẩm cho thị trường tiêu dùng. Chuỗi cung ứng nông sản bao gồm các lĩnh vực nông nghiệp thượng nguồn và hạ nguồn từ việc cung cấp các đầu vào nông nghiệp (như hạt giống, phân bón, thức ăn gia súc, thuốc hoặc thiết bị) đến sản xuất, xử lý sau thu hoạch, chế biến, vận chuyển, tiếp thị, phân phối và bán lẻ. Chuỗi cũng bao gồm các dịch vụ hỗ trợ như dịch vụ khuyến nông, nghiên cứu và phát triển, và thông tin thị trường. Như vậy, chuỗi sẽ bao gồm rất nhiều loại hình doanh nghiệp, từ các hộ nhỏ, tổ chức nông dân, hợp tác xã và các công ty khởi nghiệp đến các doanh nghiệp đa quốc gia hoạt động thông qua các công ty mẹ hoặc các công ty con tại địa phương, các doanh nghiệp và quỹ nhà nước, các tổ chức tài chính và quỹ tư nhân. Một số đã tham gia lĩnh vực này trong những năm gần đây.

Đối với các sản phẩm và khu vực địa lý khác nhau, thì cấu trúc của các chuỗi cung ứng và các doanh nghiệp tham gia ở mỗi giai đoạn sẽ khác nhau đáng kể[12]. Vì thế, việc lập bản đồ các doanh nghiệp hoạt động dọc theo chuỗi cung ứng nông sản cần được thực hiện theo từng trường hợp, nhằm hiểu rõ hơn các mối quan hệ và thông tin cũng như dòng tài chính giữa các doanh nghiệp này và để thiết kế tốt hơn các hoạt động kiểm toán. Vì mục đích của Hướng dẫn này, Hình 1.1 dưới đây đề xuất một cấu trúc đã được đơn giản hóa của chuỗi cung ứng.

Các doanh nghiệp liên quan với nhau dựa trên các mối quan hệ và hình thức thỏa thuận đa dạng. Các doanh nghiệp hạ nguồn có thể quan hệ theo nhiều hình thức khác nhau với doanh nghiệp nông trại để đảm bảo việc tiếp cận nông sản. Các doanh nghiệp này có thể áp đặt các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật đối với người sản xuất mà không có sự tham gia nào ngoài hợp đồng mua bán. Nhưng họ cũng có thể tham gia tích cực hơn, đặc biệt là thông qua hợp đồng canh tác theo hợp đồng, để điều phối việc sản xuất và đảm bảo chất lượng và an toàn.[13] Các doanh nghiệp tài chính có thể tham gia gián tiếp hơn bằng cách cấp vốn cho các doanh nghiệp nông trại và hạ nguồn, thông qua các khoản đầu tư mới hoặc mua lại và sáp nhập. Trong thực tế, rất khó phân định các nhóm doanh nghiệp này. Ví dụ, các hợp tác xã thường sở hữu hoặc quản lý thiết bị nông nghiệp cũng như các tài sản hạ nguồn (ví dụ: nhà máy đường), vì thế họ không chỉ là các doanh nghiệp nông trại mà còn là doanh nghiệp hạ nguồn.

Hình 1.1. Các khâu trong chuỗi cung ứng nông sản và các doanh nghiệp tham gia

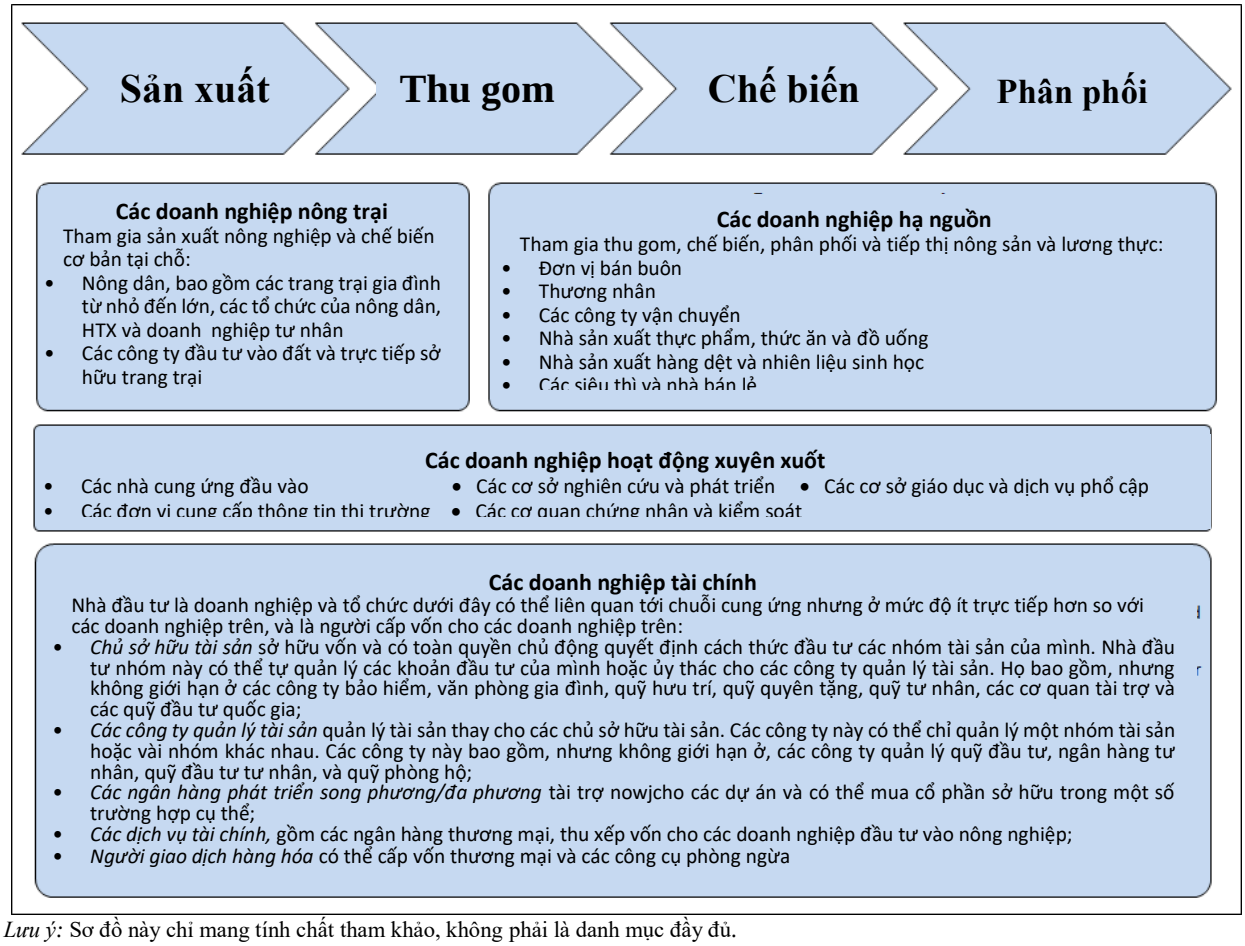

Lưu ý: Sơ đồ này chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là danh mục đầy đủ.

Hình 1.2. Rủi ro ở một số khâu trong chuỗi cung ứng nông sản

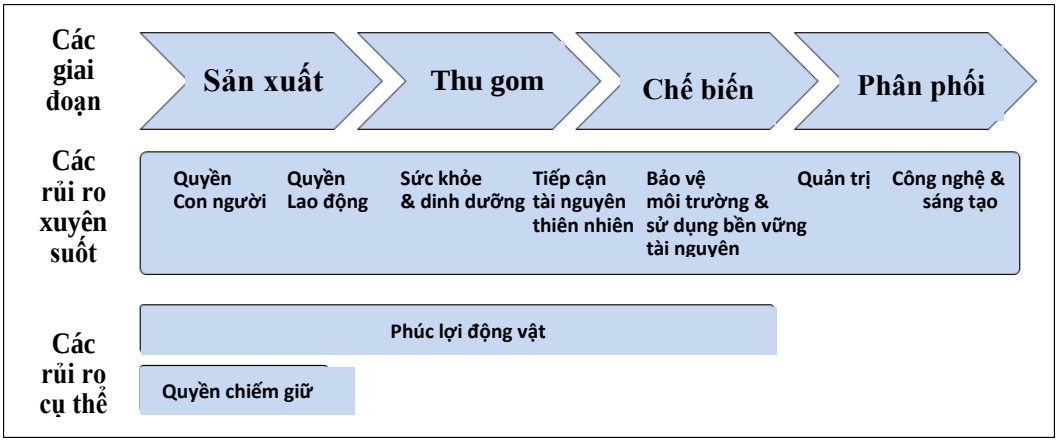

Tùy thuộc vào tình hình của mình trong chuỗi cung ứng, doanh nghiệp có thể tập trung vào những rủi ro cụ thể (Hình 1.2). Ví dụ, các doanh nghiệp nông trại có thể gặp rủi ro cao hơn liên quan đến việc chiếm giữ. Do đó, doanh nghiệp cần đặc biệt chú trọng vào việc tham vấn một cách thiện chí, hiệu quả và có ý nghĩa với các chủ thể quyền chiếm giữ.

Thẩm định

Thẩm định được hiểu là quy trình mà thông qua đó doanh nghiệp có thể nhận diện, đánh giá, giảm thiểu, ngăn ngừa và giải trình về cách thức doanh nghiệp giải quyết các tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn trong hoạt động như một phần không thể thiếu của các cơ chế ra quyết định kinh doanh và quản lý rủi ro[14]. Thẩm định liên quan đến các tác động bất lợi do doanh nghiệp gây ra hoặc góp phần gây ra cũng như những tác động bất lợi có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của họ thông qua một mối quan hệ kinh doanh (xem Hộp 1.2 để biết thêm chi tiết).

Hộp 1.2. Giải quyết các tác động bất lợi

Theo Bộ Hướng dẫn của OECD, các doanh nghiệp cần 'tránh gây ra hoặc góp phần gây ra các tác động bất lợi đối với những vấn đề mà mà Bộ hướng dẫn quy định, thông qua các hoạt động của doanh nghiệp, và giải quyết khi các tác động đó xảy ra.' Doanh cũng 'nên tìm cách ngăn ngừa hoặc giảm thiểu những tác động bất lợi mà họ không góp phần gây ra, nhưng lại liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của họ thông qua một mối quan hệ kinh doanh. Điều này không nhằm mục đích chuyển giao trách nhiệm từ đơn vị gây ra tác động bất lợi sang cho doanh nghiệp mà nó có mối quan hệ kinh doanh.' Ví dụ: một tổ chức tài chính có thể góp phần vào tác động bất lợi gây ra bởi một công ty mà tổ chức tài chính đó đầu tư hoặc nắm đa số cổ phần hoặc quyền kiểm soát.

Doanh nghiệp "*gây ra*" tác động bất lợi khi có mối quan hệ nhân quả giữa hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp và tác động bất lợi đó. Nguyên nhân có thể liên quan tới việc hành động hoặc không hành động của của doanh nghiệp. "*Góp phần gây ra*" tác động bất lợi nên được hiểu là đóng góp đáng kể, nghĩa là một hoạt động nào đó của doanh nghiệp khiến cho, tạo điều kiện hoặc khuyến khích một thực thể khác gây ra tác động bất lợi. Doanh nghiệp cũng có thể góp phần gây ra tác động bất lợi nếu hoạt động của doanh nghiệp kết hợp với hoạt động của một đơn vị khác dẫn đến tác động bất lợi. '*Liên quan trực tiếp'* là một khái niệm bao quát đề cập tới các tác động bất lợi liên quan đến các mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp. Thuật ngữ mối quan hệ kinh doanh chỉ các mối quan hệ của một doanh nghiệp với các đối tác kinh doanh của mình, các đơn vị trong chuỗi cung ứng và bất kỳ thực thể nào khác ngoài nhà nước hoặc của nhà nước liên quan trực tiếp tới hoạt động kinh doanh, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp. Trong Hướng dẫn này, các đơn vị mà doanh nghiệp có mối quan hệ kinh doanh được gọi là 'đối tác kinh doanh'.

Bộ Hướng dẫn của OECD nhấn mạnh rằng 'doanh nghiệp nên khuyến khích, nếu có thể, các đối tác kinh doanh, bao gồm cả nhà cung ứng và nhà thầu phụ của mình, áp dụng các nguyên tắc RBC phù hợp với Bộ Hướng dẫn của OECD". Bộ Hướng dẫn cũng nói thêm rằng 'một doanh nghiệp, nên chủ động hoặc phối hợp với các đơn vị khác, nếu thích hợp, sử dụng ảnh hưởng[1] của mình để tác động đến đơn vị gây ra tác động bất lợi về quyền con người nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tác động đó". Các yếu tố quyết định hành động phù hợp bao gồm: ảnh hưởng của doanh nghiệp đối với đơn vị liên quan, tính chất quan trọng của mối quan hệ đó đối với doanh nghiệp, mức độ nghiêm trọng của tác động và liệu việc chấm dứt mối quan hệ với đơn vị đó có gây ra tác động bất lợi tới vấn đề quyền con người không."

Do đó, các doanh nghiệp nên sử dụng ảnh hưởng của mình đối với các đơn vị liên quan trực tiếp tới hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của mình để hỗ trợ họ thực hiện Hướng dẫn này. Ví dụ: nếu các đối tác kinh doanh của doanh nghiệp sử dụng nguồn cung ứng hoặc liên kết với bất kỳ đối tác kinh doanh nào vi phạm quyền sở hữu hợp pháp, thì doanh nghiệp nên làm việc với họ để tìm ra hành động khắc phục và trong chừng mực có thể, chấm dứt mối quan hệ kinh doanh đó, nếu họ không có biện pháp khắc phục.

1. Ảnh hưởng được cho là tồn tại khi doanh nghiệp có khả năng tạo ra thay đổi trong các thông lệ sai trái của đơn vị tạo ra tác động.

Nguồn: Bộ Hướng dẫn của OECD, II.A.11-13; II.A, đoạn 14; và IV.43; OECD (2014).

Doanh nghiệp đánh giá rủi ro bằng cách xác định các tình huống thực tế trong hoạt động và các mối quan hệ kinh doanh của mình, đánh giá các thực tế đó dựa trên các quyền và nghĩa vụ hiện hành theo luật và tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, các khuyến nghị RBC của các tổ chức quốc tế, các công cụ do chính phủ hậu thuẫn, các sáng kiến tự nguyện của tư nhân và các chính sách và hệ thống nội bộ của riêng doanh nghiệp. Thẩm định có thể giúp doanh nghiệp và các đối tác kinh doanh của họ đảm bảo việc tuân thủ luật pháp quốc tế và trong nước và các tiêu chuẩn RBC.

Bản chất và mức độ thẩm định có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như quy mô doanh nghiệp, bối cảnh hoạt động, mô hình kinh doanh, vị trí của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng và tính chất của sản phẩm hoặc dịch vụ và mức độ nghiêm trọng của các tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn[15]. Mặc dù có thể không có năng lực thực hiện thẩm định như khuyến nghị trong Hướng dẫn này, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là các chủ thể quyền quy mô nhỏ, vẫn được khuyến khích tiếp tục tham gia vào các nỗ lực thẩm định của khách hàng để nâng cao năng lực và khả năng tiến hành thẩm định khi thích hợp trong tương lai

Bộ Hướng dẫn của OECD khuyến nghị doanh nghiệp tiến hành thẩm định dựa trên rủi ro, nghĩa là bản chất và mức độ của thẩm định phải tương ứng với loại và mức độ của nguy cơ rủi ro tác động bất lợi nào[16]. Mức độ nghiêm trọng của các tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn sẽ quyết định quy mô và độ phức tạp của các hoạt động thẩm định cần thiết. Các lĩnh vực rủi ro cao hơn sẽ được thẩm định tăng cường. Khi doanh nghiệp "có số lượng lớn các nhà cung ứng, khuyến khích doanh nghiệp xác định những lĩnh vực chung mà rủi ro tác động bất lợi là đáng kể nhất và dựa trên đánh giá rủi ro này, xác định các nhà cung ứng sẽ được ưu tiên thẩm định" [17]. Việc áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro không được cấm doanh nghiệp tham gia vào các bối cảnh nhất định hoặc với các đối tác kinh doanh nhất định, nhưng phải hỗ trợ họ quản lý hiệu quả rủi ro và các tác động bất lợi trong các bối cảnh rủi ro cao.

Mục 3 sẽ trình bày về các hợp phần của quá trình thẩm định có thể được lồng ghép vào khung 5 bước dưới đây (Hộp 1.3).

Hộp 1.3. Khuôn khổ thẩm định năm (5) bước

- Bước 1: Thiết lập các hệ thống mạnh mẽ trong doanh nghiệp để quản lý các chuỗi cung ứng có trách nhiệm.
- Bước 2: Nhận diện, đánh giá và xác định các rủi ro ưu tiên trong chuỗi cung ứng.
- Bước 3: Thiết kế và thực hiện chiến lược ứng phó với các rủi ro đã được nhận diện trong chuỗi cung ứng
- Bước 4: Xác minh kết quả thẩm định chuỗi cung ứng.
- Bước 5: Báo cáo kết quả thẩm định chuỗi cung ứng.

Nguồn: OECD (2013), *Hướng dẫn của OECD về Thẩm định các Chuỗi cung ứng khoáng sản có trách nhiệm từ vùng có xung đột hoặc rủi ro cao: Sửa đổi lần 2*, NXB OECD, Paris, http://dx.doi.org/10.1787/9789264185050-en.

Vì một doanh nghiệp có thể liên quan tới nhiều khâu khác nhau trong chuỗi cung ứng, nên việc đảm bảo sự phối hợp trơn tru giữa các phòng ban của doanh nghiệp có thể hỗ trợ việc thực hiện thẩm định. Đối với các vấn đề cạnh tranh và quyền riêng tư của dữ liệu, các doanh nghiệp có thể tiến hành thẩm định bằng cách cộng tác trong ngành để đảm bảo quy trình này góp phần củng cố các mục tiêu sau đồng thời cắt giảm chi phí nhờ vào đó:

- hợp tác toàn ngành, chẳng hạn thông qua các sáng kiến do một tổ chức của ngành đề xuất và quản lý để hỗ trợ và nâng cao việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế[18]
- chia sẻ chi phí trong ngành cho các nhiệm vụ thẩm định cụ thể
- phối hợp giữa các thành viên trong ngành sử dụng các nhà cung ứng giống nhau
- hợp tác giữa các phân đoạn khác nhau trong chuỗi cung ứng, chẳng hạn các doanh nghiệp thượng nguồn và hạ nguồn.

Quan hệ đối tác với quốc tế và các tổ chức xã hội dân sự cũng có thể hỗ trợ quá trình thẩm định. Đáng tin cậy nhất là các chương trình định hướng ngành vì các sáng kiến này không chỉ liên quan đến doanh nghiệp mà cả các tổ chức xã hội dân sự, công đoàn và các chuyên gia có liên quan và cho phép xây dựng sự đồng thuận giữa họ. Tuy nhiên, các doanh nghiệp vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân về hoạt động thẩm định của mình.

Cấu trúc

Cấu trúc của Hướng dẫn này dựa trên Hướng dẫn của OECD đối với việc Thẩm định các chuỗi cung ứng khoáng sản có trách nhiệm từ các khu vực có xung đột và rủi ro cao,[19] trong đó làm rõ hơn các nội dung nêu trong Bộ hướng dẫn của OECD đối với một lĩnh vực cụ thể trên cơ sở đề xuất các bước thẩm định cụ thể và các biện pháp giảm thiểu rủi ro. Sau phần giới thiệu này, Hướng dẫn hiện tại bao gồm các Phần sau:

- Phần 1. Chính sách mẫu của doanh nghiệp phác thảo nội dung các tiểu chuẩn hiện nay đối với một chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm.
- Phần 2. Khuôn khổ thẩm định dựa trên rủi ro theo chuỗi cung ứng nông sản.
- Phụ lục A. Mô tả các rủi ro và các biện pháp giảm thiểu rủi ro dọc chuỗi cung ứng nông sản, dựa trên các tiêu chuẩn hiện tại.
- Phụ lục B. Hướng dẫn tương tác với người bản địa.

2. Chính sách mẫu của doanh nghiệp về chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm

Chính sách mẫu của doanh nghiệp quy định các tiêu chuẩn mà doanh nghiệp cần tuân thủ để xây dựng các chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm. Cụ thể là, chính sách trình bày các phần nội dung trong các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan đối với chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm.[20] Một số tiêu chuẩn trong đây, như g quyền con người và quyền lao động, an toàn thực phẩm đã được lồng ghép vào pháp luật của nhiều quốc gia.

Doanh nghiệp có thể thông qua y nguyên chính sách mẫu này, hoặc có thể điều chỉnh và lồng ghép một số phần có liên quan trong chính sách mẫu vào các chính sách hiện hành của doanh nghiệp về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, về tính bền vững, quản lý rủi ro, hoặc các phương án tương tự khác. Việc sử dụng đại từ nhân xưng “chúng tôi" là để chỉ cam kết của doanh nghiệp. Khi xây dựng chính sách của mình, doanh nghiệp cũng nên đảm bảo tuân thủ với các luật hiện hành trong nước và cân nhắc các tiêu chuẩn quốc tế khác có liên quan. Thông qua một chính sách về chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm là bước đầu tiên của khuôn khổ thẩm định dựa trên rủi ro được mô tả trong Phần 3 bàn về phương thức thực hiện chính sách.

Nhận thức được những nguy cơ tác động bất lợi đáng kể phát sinh dọc theo chuỗi cung ứng nông sản, và nhận thức về trách nhiệm của mình trong việc tôn trọng quyền con quyền và khả năng đóng góp vào phát triển bền vững, đặc biệt là xóa đói giảm nghèo, an ninh lương thực và dinh dưỡng, và bình đẳng giới, chúng tôi cam kết thông qua, thực hiện, phổ biến rộng rãi và lồng ghép các chính sách sau đây về chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm vào trong các hợp đồng và thỏa thuận sẽ ký kết với đối tác kinh doanh. Chúng tôi sẽ khuyến khích, nếu có thể, các đối tác kinh doanh của mình áp dụng chính sách này và nếu họ gây ra hoặc góp phần gây ra các tác động bất lợi, chúng tôi sẽ sử dụng ảnh hưởng của mình để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu những tác động này.

1. Các tiêu chuẩn RBC xuyên suốt

Đánh giá tác động

Trong quá trình ra quyết định, chúng tôi sẽ liên tục đánh giá và giải quyết các tác động thực tế và tiềm ẩn trong toàn bộ vòng đời của các hoạt động, quy trình, hàng hóa và dịch vụ của mình để phòng tránh các tác động bất lợi hoặc giảm thiểu chúng, khi không thể tránh được. Đánh giá tác động cần có sự tham gia của tất cả các nhóm bên liên quan thông qua đại diện của họ.[21]

Công bố thông tin

Chúng tôi sẽ công bố kịp thời và chính xác các thông tin liên quan đến các yếu tố rủi ro có thể thấy trước và phản ứng của chúng tôi đối với các tác động cụ thể về môi trường, xã hội và quyền con người mà cộng đồng bị ảnh hưởng phải chịu, ở tất cả các giai đoạn trong chu kỳ đầu tư[22]. Chúng tôi cũng sẽ cung cấp thông tin chính xác, có thể xác minh và đủ rõ ràng để cho phép người tiêu dùng đưa ra quyết định có cơ sở.[23]

Tham vấn

Chúng tôi sẽ tổ chức các cuộc tham vấn thiện chí, hiệu quả và có ý nghĩa với các cộng đồng thông qua tổ chức đại diện của chính họ trước khi bắt đầu bất kỳ hoạt động nào có thể ảnh hưởng đến họ và chúng tôi sẽ tiếp tục tổ chức tham vấn các đối tượng này trong và sau khi kết thúc hoạt động. Chúng tôi sẽ lưu tâm những rủi ro khác nhau mà phụ nữ và nam giới có thể phải đối mặt.[24]

Chúng tôi sẽ tổ chức các cuộc tham vấn hiệu quả và có ý nghĩa với người dân bản địa thông qua các cơ quan đại diện của họ để đạt được sự đồng thuận tự nguyện, báo trước và có thông tin của họ[25] phù hợp với việc đạt được các mục tiêu của Tuyên bố Liên hợp quốc về Quyền của Người bản địa và có xem xét thích đáng quan điểm và hiểu biết cụ thể của các quốc gia riêng lẻ.[26]

Chia sẻ lợi ích

Chúng tôi sẽ đảm bảo rằng các hoạt động của mình đóng góp vào sự phát triển nông thôn bền vững và bao trùm[27], kể cả thông qua, khi thích hợp, việc thúc đẩy chia sẻ công bằng và bình đẳng các lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ với các cộng đồng bị ảnh hưởng theo các điều khoản được hai bên đồng ý, phù hợp với các điều ước quốc tế, nếu áp dụng với các bên tham gia hiệp ước ví dụ khi sử dụng nguồn gen cho thực phẩm và nông nghiệp.[28]

Các cơ chế khiếu nại

Chúng tôi sẽ cung cấp các cơ chế khiếu nại hợp pháp, dễ tiếp cận, có thể đoán định, công bằng và minh bạch ở cấp hoạt động trên cơ sở tham vấn với người sử dụng tiềm năng. Chúng tôi cũng sẽ hợp tác trong các cơ chế khiếu nại phi tư pháp khác. Các cơ chế khiếu nại đó có thể cho phép khắc phục khi hoạt động của chúng tôi đã gây ra hoặc góp phần gây ra các tác động bất lợi do không tuân thủ các tiêu chuẩn RBC.[29]

Giới

Chúng tôi sẽ giúp loại bỏ các phân biệt đối xử với phụ nữ, tăng cường sự tham gia có ý nghĩa của họ vào quá trình ra quyết định và trong các vai trò lãnh đạo, đảm bảo cơ hội phát triển và thăng tiến nghề nghiệp cho họ, tạo điều kiện thuận lợi để họ tiếp cận bình đẳng và kiểm soát được các nguồn tài nguyên, đầu vào, công cụ sản xuất, dịch vụ tư vấn và tài chính, đào tạo tập huấn, thị trường và thông tin.[30]

2. Quyền con người

Trong khuôn khổ các quyền con người được quốc tế công nhận[31], các nghĩa vụ quốc tế về quyền con người của các quốc gia nơi chúng tôi hoạt động, cũng như các luật và quy định liên quan trong nước, chúng tôi sẽ:

- Tôn trọng quyền con người[32], nghĩa là tránh vi phạm quyền con người của người khác và giải quyết các tác động bất lợi đến quyền con người mà chúng tôi có liên quan.
- Trong bối cảnh các hoạt động của chúng tôi, tránh gây ra hoặc góp phần gây ra các tác động bất lợi về quyền con người và giải quyết các tác động đó khi chúng xảy ra. [33]
- Tìm cách ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các tác động bất lợi về quyền con người liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của chúng tôi bởi một mối quan hệ kinh doanh, ngay cả khi chúng tôi không góp phần gây ra những tác động đó. [34]

- Thực hiện thẩm định về quyền con người phù hợp với quy mô, tính chất và bối cảnh hoạt động của chúng tôi và mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ tác động bất lợi đến quyền con người[35].
- Chủ động, hoặc hợp tác thông qua các quy trình hợp pháp, khắc phục các tác động bất lợi về quyền con người khi nhận thấy chúng tôi đã gây ra hoặc góp phần gây ra các tác động này[36].
- Trong bối cảnh các hoạt động của chúng tôi, đảm bảo rằng quyền con người của tất cả mọi người đều được tôn trọng, không có bất kỳ hình thức phân biệt nào, như chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc quốc gia hoặc xã hội, tài sản, nơi sinh hoặc các tình trạng khác.[37]

3. Quyền lao động

Trong hoạt động của mình, chúng tôi sẽ tôn trọng các tiêu chuẩn lao động cốt lõi quốc tế, cụ thể là quyền tự do lập hội và quyền thương lượng tập thể, bao gồm cả lao động nhập cư, xóa bỏ mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc, xóa bỏ một cách hiệu quả lao động trẻ em và xóa bỏ phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp[38].

Trong hoạt động của mình, chúng tôi cũng sẽ:

- Đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.
- Đảm bảo mức lương, phúc lợi và điều kiện làm việc phù hợp, ít nhất là đủ để thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của người lao động và gia đình của họ, và nỗ lực cải thiện điều kiện làm việc. [39]
- Thúc đẩy an ninh việc làm và hợp tác trong các kế hoạch của chính phủ để thực hiện một số hình thức bảo vệ thu nhập cho người lao động bị chấm dứt việc làm. [40]
- Phân đấu ngăn chặn việc lạm dụng lao động nhập cư. [41]
- Áp dụng các phương pháp tiếp cận, biện pháp và quy trình để tăng cường sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ vào các vai trò lãnh đạo và ra quyết định[42].

Chúng tôi sẽ góp phần vào vào việc hiện thực hóa quyền làm việc[43], bằng cách:

- nỗ lực tăng cơ hội việc làm, cả trực tiếp và gián tiếp[44]
- đảm bảo đào tạo phù hợp cho tất cả các cấp độ nhân viên, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và các chính sách phát triển của nước sở tại, bằng cách tăng năng suất của thanh niên và/hoặc khả năng tiếp cận của họ với việc làm tốt và các cơ hội kinh doanh[45]
- đảm bảo chính sách thai sản tại nơi làm việc[46].

4. Sức khỏe và an toàn

Chúng tôi sẽ thúc đẩy sức khỏe cộng đồng[47] bằng cách:

- áp dụng các thực hành thích hợp để ngăn ngừa các mối đe dọa đối với tính mạng, sức khỏe và phúc lợi của con người trong hoạt động của chúng tôi, cũng như các mối đe dọa đến từ việc tiêu thụ, sử dụng hoặc thải bỏ hàng hóa và dịch vụ của chúng tôi, bao gồm cả việc tuân thủ các thông lệ tốt về an toàn thực phẩm[48]
- đóng góp vào việc bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của các cộng đồng bị ảnh hưởng trong suốt vòng đời hoạt động của chúng tôi.[49]

5. An ninh lương thực và dinh dưỡng

Chúng tôi sẽ cố gắng đảm bảo rằng các hoạt động của mình góp phần vào củng cố an ninh lương thực và dinh dưỡng. Chúng tôi sẽ chú ý đến việc nâng cao tính sẵn có, khả năng tiếp cận, sự ổn định và việc sử dụng các loại thực phẩm an toàn, bổ dưỡng và đa dạng[50]

6. Quyền chiếm giữ và tiếp cận tài nguyên

Chúng tôi sẽ tôn trọng các chủ thể quyền chiếm giữ hợp pháp[51] và các quyền của họ đối với tài nguyên, bao gồm các quyền của nhà nước, tư nhân, cộng đồng, tập thể, người bản địa và theo tập quán có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của chúng tôi. Tài nguyên bao gồm đất, ngư trường, rừng và nước.

Trong phạm vi cao nhất có thể, chúng tôi cam kết minh bạch và công bố thông tin về các khoản đầu tư bằng đất của chúng tôi, bao gồm minh bạch hóa của các điều khoản hợp đồng thuê/nhượng quyền, tuân thủ các hạn chế về quyền riêng tư. [52]

Chúng tôi sẽ ưu tiên các thiết kế dự án thay thế khả thi để tránh hoặc giảm thiểu, trong trường hợp không thể tránh được, việc dịch chuyển vật chất và/hoặc kinh tế các chủ thể quyền chiếm giữ hợp pháp, trong khi vẫn cân bằng các chi phí và lợi ích về môi trường, xã hội và tài chính, đặc biệt chú ý đến các tác động bất lợi đối với người nghèo và dễ bị tổn thương.

Chúng tôi nhận thức rằng, căn cứ vào pháp luật trong nước và phù hợp với bối cảnh quốc gia, quyền chiếm giữ chỉ được nhà nước tước đoạt trong trường hợp bắt buộc phải làm như vậy vì mục đích công cộng và phải đảm bảo bồi thường nhanh chóng, đầy đủ và hiệu quả. [53]

Khi chủ thể quyền chiếm giữ hợp pháp bị ảnh hưởng tiêu cực, chúng tôi sẽ tìm cách đảm bảo rằng họ nhận được sự đền bù nhanh chóng, đầy đủ và hiệu quả cho các quyền chiếm giữ bị tác động tiêu cực bởi hoạt động của chúng tôi.[54]

7. Phúc lợi động vật

Chúng tôi ủng hộ phúc lợi động vật trong hoạt động của mình,[55] bằng cách:

- phấn đấu đảm bảo thực hiện ‘năm quyền tự do’ của động vật, là các quyền không bị đói, khát và suy dinh dưỡng, khó chịu về thể chất và nhiệt, đau đớn, thương tích và bệnh tật, sợ hãi và đau khổ, và tự do biểu đạt các kiểu hành vi bình thường[56]
- đảm bảo tiêu chuẩn cao về quản lý và kỹ năng chăn nuôi, phù hợp với quy mô hoạt động của chúng tôi, tuân thủ các nguyên tắc của OIE hoặc hơn.[57]

8. Bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững

Cùng với các cơ quan chính phủ có trách nhiệm và các bên thứ ba nếu cần, chúng tôi sẽ thiết lập và duy trì một hệ thống quản lý môi trường và xã hội phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của chúng tôi và tương xứng với mức độ rủi ro và tác động môi trường và xã hội tiềm ẩn.[58]

Chúng tôi sẽ liên tục cải thiện hoạt động môi trường của mình bằng cách:

- ngăn ngừa, giảm thiểu và khắc phục ô nhiễm và các tác động tiêu cực đến không khí, đất đai, đất trồng, nước, rừng và đa dạng sinh học, và giảm phát thải khí nhà kính

- tránh tạo ra hoặc hoặc giảm bớt việc tạo ra các chất thải nguy hại và không nguy hại, thay thế hoặc giảm sử dụng các chất độc hại[59], và tăng cường sử dụng hiệu quả hoặc đảm bảo xử lý chất thải an toàn
- đảm bảo sử dụng sử dụng tài nguyên bền vững và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng[60]
- giảm thất thoát và lãng phí lương thực và thúc đẩy tái chế
- thúc đẩy các thực hành nông nghiệp tốt, bao gồm duy trì hoặc cải thiện độ phì nhiêu của đất và tránh xói mòn đất
- hỗ trợ và bảo tồn đa dạng sinh học, nguồn gen và các dịch vụ hệ sinh thái; tôn trọng các khu bảo tồn,[61] tôn trọng các khu có giá trị bảo tồn cao và các loài có nguy cơ tuyệt chủng; và kiểm soát và giảm thiểu sự lây lan của các loài ngoại lai xâm lấn
- tăng khả năng chống chịu của nông nghiệp và hệ thống lương thực, các môi trường sống hỗ trợ và các sinh kế liên quan đến tác động của biến đổi khí hậu thông qua các biện pháp thích ứng.[62]

9. Quản trị

Chúng tôi sẽ ngăn chặn và tránh khỏi bất kỳ hình thức tham nhũng và hành vi gian lận nào.[63] Chúng tôi sẽ tuân thủ cả nội dung và tinh thần của các luật và quy định về thuế của các quốc gia nơi chúng tôi hoạt động.[64]

Chúng tôi sẽ không tham gia hoặc thực hiện các thỏa thuận chống cạnh tranh giữa các đối thủ cạnh tranh và sẽ hợp tác với các cơ quan điều tra cạnh tranh. [65]

Trong phạm vi áp dụng của các nguyên tắc này đối với doanh nghiệp, chúng tôi sẽ hành động nhất quán với các Nguyên tắc có trong Khuyến nghị của Hội đồng OECD về Nguyên tắc Quản trị Công ty[66]

10. Công nghệ và đổi mới sáng tạo

Chúng tôi sẽ góp phần vào quá trình xây dựng và phổ biến các công nghệ phù hợp, nhất là các công nghệ thân thiện với môi trường và các công nghệ tạo công ăn việc làm trực tiếp và gián tiếp[67].

3. Khung 5 (năm) bước tiến hành thẩm định dựa trên rủi ro dọc chuỗi cung ứng nông sản

Các doanh nghiệp nên áp dụng khuôn khổ năm bước sau đây để tiến hành thẩm định dựa trên rủi ro dọc theo chuỗi cung ứng nông sản: (i) thiết lập các hệ thống mạnh mẽ của doanh nghiệp để quản lý các chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm; (ii) nhận diện, đánh giá và xác định các rủi ro ưu tiên trong chuỗi cung ứng; (iii) thiết kế và thực hiện chiến lược ứng phó với các rủi ro đã xác định; (iv) xác minh kết quả thẩm định chuỗi cung ứng; và (v) báo cáo kết quả thẩm định chuỗi cung ứng. Bước thứ nhất bao gồm việc thông qua một chính sách RBC của doanh nghiệp, có thể dựa trên chính sách mẫu của doanh nghiệp nêu trong Phần 2 Hướng dẫn này. Mọi doanh nghiệp đều phải tiến hành thẩm định, song việc thực hiện khung năm bước này nên được điều chỉnh cho phù hợp với vị trí và loại hình tham gia của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng, bối cảnh và địa điểm hoạt động cũng như quy mô và năng lực của họ. Trong phạm vi có thể, phần này sẽ phân biệt trách nhiệm của các loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp nông trại, doanh nghiệp hạ nguồn và doanh nghiệp tài chính) ở mỗi bước.

Bước 1. Thiết lập các hệ thống mạnh mẽ trong doanh nghiệp để quản lý chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm

1.1 Thông qua một chính sách của doanh nghiệp về RBC dọc chuỗi cung ứng hoặc lồng ghép chính sách đó vào các quy trình hiện hành (sau đây gọi là 'chính sách RBC của doanh nghiệp')

Chính sách này phải kết hợp các tiêu chuẩn tiến hành thẩm định, được rút ra từ các tiêu chuẩn quốc tế và chính sách mẫu của doanh nghiệp ở trên. Nó có thể là một chính sách duy nhất hoặc gồm một số chính sách độc lập (ví dụ: chính sách của doanh nghiệp về quyền con người) và có thể bao gồm cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn đặc thù hiện hành của ngành, chẳng hạn như các chương trình chứng nhận[68]. Nếu đã và đang áp dụng nhiều chính sách lâu dài, doanh nghiệp có thể tiến hành phân tích khoảng trống để so sánh với chính sách mẫu của doanh nghiệp nêu trong Phần 2 và trên cơ sở đó cập nhận các chính sách hiện hành của doanh nghiệp cho phù hợp.

Chính sách RBC của doanh nghiệp phải:

- được cấp cao nhất của doanh nghiệp thông qua. Cần phải chỉ định cán bộ cấp cao chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện chính sách.
- dựa trên các thông tin được cung cấp bởi các chuyên gia có liên quan trong và ngoài doanh nghiệp, cũng như trên cơ sở tham vấn các bên liên quan nếu có thể.
- quy định các kỳ vọng của doanh nghiệp về hành vi kinh doanh có trách nhiệm của các nhân viên, đối tác kinh doanh và các bên khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp.
- được công khai và thông báo cho tất cả nhân viên, đối tác kinh doanh và các bên liên quan khác của doanh nghiệp

- được phản ánh trong các chính sách và quy trình hoạt động cần thiết để biến nó thành một phần của doanh nghiệp [69]
- được rà soát và điều chỉnh thường xuyên trên cơ sở nhữngnhiều biết ngày càng rõ ràng hơn về rủi ro trong chuỗi cung ứng và các tiêu chuẩn quốc tế.

Mặc dù nguy cơ tác động bất lợi có thể phát sinh tại một số khâu cụ thể trong chuỗi cung ứng, như sản xuất và chiến biến đối với chiếm giữ đất đai và phúc lợi động vật, song chính sách RBC của doanh nghiệp phải bao trùm các rủi ro phát sinh trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nội bộ để hỗ trợ việc thẩm định chuỗi cung ứng

Ban lãnh đạo cấp cao phải có tầm nhìn và tích cực tham gia thực hiện và đảm bảo tuân thủ chính sách RBC của doanh nghiệp. Nhân viên và đối tác kinh doanh của doanh nghiệp cần được tập huấn và có động lực tuân thủ chính sách này. Cần chỉ định một cá nhân có các kỹ năng chuyên môn và văn hóa liên quan chịu trách nhiệm về việc thẩm định, với sự hỗ trợ của một nhóm nếu cần thiết. Cần phân bổ nguồn tài chính thỏa đáng. Một cơ chế báo cáo nội bộ cũng cần được thiết lập, duy trì và thông tin trong doanh nghiệp tại những thời điểm quan trọng. Các thông lệ RBC phải được thực hiện nhất quán trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Các biện pháp này cần được điều chỉnh theo mục đích, hoạt động, sản phẩm và quy mô của doanh nghiệp, có tính đến khả năng tài chính của đơn vị.

1.3. Thiết lập hệ thống kiểm soát và minh bạch dọc chuỗi cung ứng

Giám sát thực hiện chính sách RBC của doanh nghiệp có ý nghĩa vô cùng quan trọng để đảm bảo sự tin cậy và tính hiệu quả của chính sách đó và để duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các bên liên quan, trong đó có chính phủ. Điều này đòi hỏi:

- Thiết lập các thủ tục thẩm tra nội bộ để định kỳ thực hiện các đánh giá độc lập và minh bạch việc tuân thủ chính sách. Các thủ tục đó có thể bao gồm một hệ thống truy xuất nguồn gốc[70] nhằm ngụ ý việc: xây dựng các tài liệu nội bộ về quá trình thẩm định, các phát hiện và quyết định sau đó; duy trì các tài liệu nội bộ về hàng tồn kho và các giao dịch liên quan có thể sử dụng để xác định hồi tố các tác nhân trong chuỗi cung ứng; thực hiện và nhận thanh toán thông qua ngân hàng chính thức và đảm bảo rằng tất cả các giao dịch mua hàng buộc phải sử dụng tiền mặt đều có tài liệu hỗ trợ có thể xác minh đi kèm; và lưu trữ thông tin thu thập được trong khoảng vài năm. Các doanh nghiệp thượng nguồn nên duy trì cân bằng khối lượng hoặc khả năng truy xuất nguồn gốc phân tách vật lý[71], chẳng hạn thông qua chuỗi hành trình sản phẩm. Trong khi đó các doanh nghiệp hạ nguồn nên xác định các nhà cung cấp thượng nguồn và các nước đặt hàng của các nhà cung cấp phụ thượng nguồn của mình. Thông tin thẩm định được chuyển tiếp từ các doanh nghiệp thượng nguồn đến các doanh nghiệp hạ nguồn có thể gia tăng tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy xuất nguồn gốc.
- Thiết lập các mối quan hệ kinh doanh lâu dài là một biện pháp tốt nhất để duy trì dòng thông tin liên tục. Các kênh trao đổi thông tin với các bên liên quan có thể giúp cảnh báo khi có sai lệch về chính sách và các tiêu chuẩn liên quan. Việc tiến hành kiểm toán định kỳ, theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị sau đó và đánh giá tác động về môi trường, xã hội và quyền con người (ESHRIAs)[72] có thể giúp đánh giá việc tuân thủ nhưng không thể thay thế cho các nguồn thông tin nói trên.

1.4. Tăng cường tương tác với các đối tác kinh doanh

Chính sách RBC của doanh nghiệp phải được thể hiện bằng một chính sách về RBC trong các hợp đồng và thỏa thuận ký với đối tác kinh doanh. Chính sách đó phải được điều

chỉnh cho phù hợp với năng lực của doanh nghiệp. Những mối quan hệ lâu dài với đối tác kinh doanh có thể góp phần gia tăng ảnh hưởng khuyến khích họ áp dụng chính sách đó và nâng cao tính minh bạch. Các kế hoạch thực hiện được xây dựng có phối hợp với các đối tác kinh doanh và sự tham gia của chính quyền địa phương và trung ương, các tổ chức quốc tế và xã hội dân sự, cũng có thể cải thiện việc tuân thủ, đặc biệt thông qua các khóa tập huấn nâng cao năng lực. Ví dụ, doanh nghiệp có thể xây dựng năng lực cho các nông dân quy mô nhỏ có thể gặp khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt và tốn kém.

1.5. Thiết lập cơ chế khiếu nại ở cấp hoạt động thông qua tham vấn và phối hợp với các bên có quyền lợi liên quan

Một cơ chế khiếu nại[73] có thể giúp cảnh báo cho doanh nghiệp về những sai lệch so với các tiêu chuẩn liên quan và giúp doanh nghiệp nhận diện các rủi ro, bằng cách cải thiện hiệu quả trao đổi thông tin với các bên liên quan. Cơ chế này có thể được thiết lập ở cấp độ một dự án, một doanh nghiệp hoặc một ngành. Có thể được sử dụng như một hệ thống nhận biết rủi ro và cảnh báo sớm và là một cơ chế ngăn chặn xung đột và đưa ra giải pháp khắc phục. Ví dụ, các cơ chế khiếu nại thuộc các hệ thống quan hệ lao động hiện tại và các thỏa thuận thương lượng tập thể có thể trở thành các cơ chế hiệu quả và đáng tin cậy để đảm bảo việc tôn trọng quyền lao động.

Các cơ chế khiếu nại phải dễ tiếp cận đối với người lao động và tất cả những ai thực sự hoặc có khả năng bị ảnh hưởng bởi tác động bất lợi do doanh nghiệp không duy trì các tiêu chuẩn RBC. Doanh nghiệp nên công khai về các cơ chế này cũng như phương thức tiếp cập cơ chế, nên tích cực khuyến khích việc sử dụng, phải đảm bảo người sử dụng cơ chế khiếu nại sẽ được ẩn danh và không bị trả thù, và thường xuyên kiểm tra tính hiệu quả của các cơ chế này. Doanh nghiệp nên có một sổ đăng ký công khai các khiếu nại đã tiếp nhận, và các bài học kinh nghiệm rút ra từ đây phải được tiếp thu trong các chính sách RBC của doanh nghiệp, quan hệ với các đối tác kinh doanh và hệ thống giám sát.

Các cơ chế khiếu nại phải bổ sung cho cơ chế tư pháp và phi tư pháp khác, chẳng hạn như các Đầu mối Liên hệ Quốc gia (NCP) doanh nghiệp cũng cần tương tác.

Bước 2. Nhận diện, đánh giá và xác định các rủi ro ưu tiên trong chuỗi cung ứng

2.1. Lập bản đồ chuỗi cung ứng

Bước này đòi hỏi việc nhận diện các tác nhân liên quan khác nhau, bao gồm, tên của các nhà cung ứng và đối tác kinh doanh trực tiếp và địa điểm hoạt động. Ví dụ, cần phải có các thông tin chi tiết sau đây đối với các doanh nghiệp nông trại: tên đơn vị sản xuất; địa chỉ và trang web; thông tin liên lạc của người quản lý tại thực địa; chủng loại, số lượng, ngày tháng và phương pháp sản xuất; số lượng người lao động phân tách theo giới tính; danh sách các thực hành quản lý rủi ro; các tuyến đường vận chuyển; và các đánh giá rủi ro đã được thực hiện.

Có thể, các doanh nghiệp cách xa khâu sản xuất vài cấp độ, đặc biệt là các doanh nghiệp tài chính và các doanh nghiệp tiếp xúc trực tiếp với người tiêu dùng, sẽ không thể lập sơ đồ ban đầu tất cả các nhà cung ứng và đối tác kinh doanh của mình. Tuy nhiên, cần giải quyết điều này một cách có hệ thống để có được một bức tranh toàn cảnh hoàn chỉnh về các mối quan hệ kinh doanh của mình. Mức độ thông tin thu thập được về các đối tác kinh doanh phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng của rủi ro và mức độ liên kết chặt chẽ của họ với các rủi ro đã xác định.

2.2. Đánh giá rủi ro tác động bất lợi về môi trường, xã hội và quyền con người[74] của các trong hoạt động, quy trình, hàng hóa và dịch vụ của doanh nghiệp và các đối tác kinh doanh trong toàn bộ vòng đời

Những đánh giá này cần nhận diện toàn bộ mức độ các tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn trong chuỗi cung ứng do doanh nghiệp gây ra hoặc góp phần gây ra hoặc liên kết trực tiếp tới hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp thông qua một mối quan hệ kinh doanh. Nội dung đánh giá phải bao trùm các tác động môi trường, xã hội và quyền con người. Đánh giá này có thể là một yêu cầu và được điều chỉnh bởi luật pháp trong nước. Phạm vi và tần suất đánh giá phải phản ánh được mức độ nghiêm trọng của rủi ro và hiệu quả quản lý rủi ro của các đối tác kinh doanh. Đánh giá có thể phục vụ mục đích công bố thông tin nhưng cũng có thể có tác dụng trong việc giải quyết các rủi ro cụ thể theo cách thực tế hơn và hướng tới tương lai, tăng cường đối thoại với nhà cung ứng và cải thiện hiệu quả hoạt động của họ.

Dựa trên các tiêu chuẩn hiện có, Phụ lục A (Phần 1.3) trình bày chi tiết về các giai đoạn đánh giá cũng như những tác động cần được đánh giá. Bên cạnh đó, quá trình đánh giá cần nhận diện thêm các yếu tố sau:[75]

- các chủ thể quyền và các bên có quyền lợi liên quan, đặc biệt là phụ nữ, có thể liên tục bị ảnh hưởng bởi các hoạt động[76]
- bất kỳ đối tác kinh doanh nào có nguy cơ không thực hiện tốt việc thẩm định
- bất kỳ cảnh báo "cờ đỏ" nào được mô tả trong Hộp 3.1. Trong những tình huống đó, cần thẩm định tăng cường, và nội dung thẩm định có thể bao gồm xác minh thực tế các tình huống định tính đối với các địa điểm, sản phẩm hoặc đối tác kinh doanh được cảnh báo
- các chi tiết không thống nhất có cơ sở giữa hoàn cảnh thực tế của hoạt động và chính sách RBC của doanh nghiệp

Có một vài **loại đánh giá** có thể giúp nhận diện các cảnh báo cờ đỏ. Đối với các địa bàn rủi ro cụ thể, đánh giá rủi ro bối cảnh giúp phân loại các khu vực và quốc gia sử dụng nguồn cung ứng theo các tiêu chí rủi ro thấp, trung bình hoặc cao thông qua việc xem xét các khuôn khổ pháp lý, bối cảnh chính trị, quyền tự do dân sự và môi trường kinh tế xã hội. Đánh giá rủi ro tại chỗ giúp tìm hiểu hoàn cảnh hoạt động thực tế của các đối tác kinh doanh để đánh giá phạm vi, mức độ nghiêm trọng và khả năng xảy ra rủi ro ở một địa điểm cụ thể. Đánh giá sẽ là cơ sở sơ tuyển các đối tác kinh doanh mới. Đối với các đối tác kinh doanh hoạt động trong bối cảnh rủi ro thấp, nên áp dụng đánh giá rủi ro tiêu chuẩn. Đánh giá rủi ro nâng cao nên được áp dụng với tất cả các đối tác kinh doanh hoạt động trong bối cảnh rủi ro trung bình và cao. Đánh giá có thể bao gồm cả việc tham vấn với các bên liên quan, giám sát bởi bên thứ ba, chẳng hạn như các tổ chức xã hội dân sự, và tổ chức các chuyến thực địa tới các trang trại và/hoặc cơ sở chế biến.

Đánh giá rủi ro phải là một **quá trình liên tục** để duy trì bức tranh trung thực về rủi ro theo thời gian, có tính tới những thay đổi trong hoàn cảnh. Trong những tình huống sau đây, phải thực hiện lại các đánh giá rủi ro: tìm nguồn cung ứng từ thị trường mới; khi môi trường hoạt động của một đối tác kinh doanh có thay đổi (ví dụ: thay đổi trong chính phủ); nhà cung ứng bắt đầu tìm nguồn cung ứng từ các khu vực rủi ro trung bình hoặc cao; bắt đầu một mối quan hệ kinh doanh mới; thay đổi quyền sở hữu của một đối tác kinh doanh; phát triển một sản phẩm mới; hoặc thay đổi mô hình kinh doanh.

Hộp 3.1. Ví dụ về các tình huống phải tiến hành thẩm định tăng cường: Cảnh báo đèn đỏ

- **Khu vực cảnh báo – Khi lên kế hoạch hoạt động hoặc các sản phẩm nông nghiệp có nguồn gốc từ những khu vực sau:**
  - có xung đột hoặc bị coi là địa bàn rủi ro cao[1]
  - bị coi là địa bàn quản trị yếu kém[2]
  - chính quyền quốc gia hoặc chính quyền địa phương không tuân thủ các tiêu chuẩn RBC đã được quốc tế thống nhất hoặc không hỗ trợ doanh nghiệp để đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn này, chẳng hạn đề xuất các khu đất nông nghiệp mà cộng đồng địa phương có quyền chiếm giữ hợp pháp mà không tham vấn với họ hoặc các khu đất trong khu bảo tông
  - có báo cáo về vi phạm quyền con người hoặc quyền lao động
  - khi quyền chiếm giữ khó xác định hoặc có tranh chấp
  - khi cộng đồng phải đối mặt với tình trạng mất an ninh lương thực hoặc thiếu nước
  - bị tác động bởi suy thoái môi trường hoặc được xác định là khu bảo tồn.
- **Sản phẩm cảnh báo**
  - Việc sản xuất hàng hóa nông nghiệp được biết là có những tác động bất lợi đến môi trường, xã hội hoặc quyền con người trong những hoàn cảnh nhất định.
  - Nông sản thực phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn sức khỏe và an toàn thực phẩm.
- **Các đối tác kinh doanh cảnh báo**
  - Các đối tác kinh doanh được biết là không tuân thủ các tiêu chuẩn trong Hướng dẫn này.
  - Họ được biết là sử dụng nông sản có nguồn gốc từ một địa điểm bị cảnh báo trong 12 tháng qua.
  - Họ có cổ đông hoặc lợi ích khác trong các doanh nghiệp không tuân thủ các tiêu chuẩn trong Hướng dẫn này hoặc cung cấp các sản phẩm nông nghiệp có xuất xứ từ từ hoặc hoạt động ở một địa điểm có nguy cơ.

1. Các khu vực xung đột và rủi ro cao là những khu vực có xung đột vũ trang, bạo lực trên diện rộng hoặc các nguy cơ gây hại cho con người. Xung đột vũ trang có thể diễn ra dưới nhiều hình thức, chẳng hạn như xung đột mang tính quốc tế hoặc phi quốc tế, có thể liên quan đến hai hoặc nhiều quốc gia hoặc có thể bao gồm chiến tranh giải phóng, nổi dậy hoặc nội chiến, v.v. Các khu vực có nguy cơ cao có thể bao gồm các khu vực bất ổn về chính trị hoặc đàn áp, yếu kém về thể chế, mất an ninh, sụp đổ của cơ sở hạ tầng dân sự và bạo lực lan rộng. Đặc điểm của những khu vực như vậy thường là vi phạm nhân quyền phổ biến và vi phạm luật pháp trong nước hoặc quốc tế (OECD, 2013).
2. Điều này có thể bao gồm các khu vực có hiệu suất thấp trong Chỉ số Quản trị Toàn cầu của Ngân hàng Thế giới hoặc Chỉ số Cảm nhận của Tổ chức Minh bạch Quốc tế. Nó cũng có thể bao gồm các quốc gia chưa cam kết hoặc mới bắt đầu thực hiện các quy định của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

Đánh giá rủi ro tùy thuộc vào **loại hình doanh nghiệp**:

- Các doanh nghiệp nông trại có thể thành lập các nhóm đánh giá thực địa để tạo ra và chia sẻ các thông tin có thể xác minh, đáng tin cậy và cập nhật về tình hình sản xuất nông nghiệp về chất lượng. Các doanh nghiệp này phải đảm bảo tôn trọng những chủ thể quyền chiếm giữ hợp pháp đất đai, bằng cách tổ chức các phiên tham vấn thiện chí, hiệu quả và có ý nghĩa với cộng đồng địa phương. Nếu tham gia sản xuất chăn nuôi, doanh nghiệp cần hỗ trợ phúc lợi động vật trong quá trình hoạt động của mình. Doanh nghiệp cần chia sẻ kết quả đánh giá rủi ro của mình với các doanh nghiệp ở hạ nguồn.

- Các doanh nghiệp hạ nguồn không chỉ nên nhận diện các rủi ro trong hoạt động của mình mà còn phải nỗ lực hết sức để đánh giá những rủi ro mà các nhà cung ứng của mình phải đối mặt. Họ có thể đánh giá các rủi ro đó bằng cách đánh giá kết quả thẩm định mà các nhà cung ứng thực hiện hoặc đánh giá trực tiếp hoạt động của các nhà cung ứng, ví dụ trực tiếp đến thăm nông trại. Tham gia các chương trình phát động trong toàn ngành nhằm đánh giá sự tuân thủ các tiêu chuẩn RBC của các đối tác kinh doanh và cung cấp thông tin liên quan có thể hỗ trợ các đánh giá này.

- Các doanh nghiệp tài chính có thể có hàng trăm đến hàng nghìn khách hàng. Không phải lúc nào cũng có thể đánh giá rủi ro của từng khách hàng. Theo Bộ Hướng dẫn của OECD, mọi doanh nghiệp đều phải nhận diện các lĩnh vực chung chứa đựng những rủi ro tác động bất lợi đáng kể nhất để ưu tiên thẩm định cho phù hợp. Thế nào là phạm vi trách nhiệm thẩm định phù hợp của một tổ chức tài chính phụ thuộc vào bản chất hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của tổ chức đó.[77]

Bước 3. Thiết kế và thực hiện chiến lược ứng phó với các rủi ro đã nhận diện

3.1. Báo cáo các phát hiện sau đánh giá rủi ro lên quản lý cấp cao được chỉ định

3.2. Thông qua một kế hoạch quản lý rủi ro

Kế hoạch này có thể bao gồm các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro được đề xuất trong Phụ lục A. Kế hoạch cũng có thể đề ra các kịch bản tình huống khác nhau tùy vào mức độ liên đới của doanh nghiệp với các tác động bất lợi đó có chặt chẽ hay không (xem Hộp 1.2 để biết thêm chi tiết):

- Nếu doanh nghiệp đang thực sự gây ra các tác động bất lợi, thì doanh nghiệp phải có biện pháp khắc phục[78] các tác động bất lợi thực tế đó và ngăn chặn các tác động bất lợi tiềm ẩn. Điều này có thể dẫn đến việc tạm ngừng hoạt động trong thời gian thực hiện các nỗ lực có thể đo lường để ngăn chặn các tác động bất lợi trong tương lai, hoặc ngừng hoạt động vĩnh viễn nếu không thể giảm thiểu những tác động này.

- Nếu doanh nghiệp đang góp phần gây ra các tác động bất lợi, thì doanh nghiệp nên dừng việc đóng góp đó và dùng ảnh hưởng của mình để giảm thiểu bất kỳ tác động bất lợi nào còn lại. Điều này có thể dẫn đến việc tạm ngừng hoạt động. Doanh nghiệp cũng nên thực hiện các biện pháp phòng ngừa để đảm bảo rằng các hoạt động bất lợi này sẽ không tái diễn.

- Nếu doanh nghiệp không góp phần gây ra tác động bất lợi, nhưng tác động đó liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp bởi một mối quan hệ kinh doanh, thì doanh nghiệp nên dùng ảnh hưởng của mình để giảm thiểu hoặc ngăn ngừa tác động bất lợi. Điều này có thể dẫn đến việc chấm dứt quan hệ với đối tác kinh doanh sau những nỗ lực giảm thiểu rủi ro không thành công hoặc khi việc giảm thiểu

rủi ro được coi là không khả thi hoặc không thể chấp nhận được. Để xác định biện pháp phản ứng phù hợp, cần xem xét các yếu tố sau: mức độ nghiêm trọng và khả năng xảy ra của tác động bất lợi, khả năng tác động và/hoặc gây ảnh hưởng tới đối tác kinh doanh hoặc các tác nhân có liên quan khác (VD chính phủ), và ý nghĩa quan trọng của đối tác kinh doanh đó đối với doanh nghiệp.

Doanh nghiệp thuộc mọi loại hình đều có thể trực tiếp gây ra, góp phần gây ra hoặc liên quan trực tiếp đến các tác động bất lợi. Dưới đây là các ví dụ sau minh họa những gì có thể xảy ra trong thực tế:

- *Trực tiếp gây ra:* Ba loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp nông trại, doanh nghiệp hạ nguồn và doanh nghiệp tài chính, có thể trực tiếp gây ra những tác động bất lợi. Tuy nhiên, có những loại tác động bất lợi chỉ có thể do các doanh nghiệp nông trại trực tiếp gây ra và các doanh nghiệp hạ nguồn gây ra ở mức độ thấp hơn, ví dụ tác động tới quyền sử dụng đất và phúc lợi động vật. Nếu, kết quả đánh giá rủi ro phát hiện thấy một doanh nghiệp nông trại vi phạm quyền đất đai của những chủ thể quyền hợp pháp, thì doanh nghiệp đó phải có biện pháp khắc phục cho những tác động này, ví dụ: trả lại đất cho người có quyền hợp pháp hoặc đảm bảo rằng họ được đền bù công bằng và nhanh chóng.
- *Góp phần gây ra*: Nếu một nhà bán lẻ thực phẩm có quy mô đưa ra các yêu cầu khắt khe về thời hạn giao hàng đối với các sản phẩm nông nghiệp tươi theo mùa, ví dụ dâu tây, điều đó có thể khiến các nhà cung ứng của doanh nghiệp phải đột ngột gia tăng lực lượng lao động để đáp ứng yêu cầu này, và do đó có thể hây ra tình trạng lạm dụng lao động nhập cư tạm thời. Vì vậy, nhà bán lẻ thực phẩm phải chấm dứt phần đóng góp của mình vào tác động bất lợi nói trên bằng cách giảm bớt áp lực đối với nhà cung ứng hoặc tăng giá mua để tính đến các hạn chế về dòng tiền của nhà cung ứng.
- *Liên kết trực tiếp*: Một Quỹ hưu trí có thể đầu tư vào quỹ đầu tư, và quỹ này đầu tư này lại có hoạt động đầu tư tiếp vào một nông trại sử dụng lao động trẻ em cho một số công việc thâm dụng lao động nhất, chẳng hạn như thu hoạch vani. Do đó, quỹ hưu trí được coi là liên quan trực tiếp đến tác động bất lợi đối với quyền con người. Trong trường hợp này, quỹ hưu trí nên dùng ảnh hưởng của mình để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tác động bất lợi đó, chẳng hạn bằng cách bày tỏ ý định thoái vốn khỏi quỹ đầu tư nói trên nếu lao động trẻ em không được giải quyết ở cấp độ trang trại.

3.3. Thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro, theo dõi và giám sát việc thực hiện các nỗ lực giảm thiểu rủi ro và báo cáo lại cho quản lý cấp cao được chỉ định

Bước này sẽ được thực hiện cùng với việc tham vấn các bên có quyền lợi liên quan bị ảnh hưởng trong đó có người lao động, đại diện người lao động, và các đối tác kinh doanh, để làm rõ các quan ngại và thống nhất về chiến lược giảm thiểu rủi ro.

Bước 4. Xác minh kết quả thẩm định chuỗi cung ứng

Doanh nghiệp cần thực hiện các bước để xác minh tính hiệu quả của các thực hành thẩm định có nghĩa là các rủi ro đã được nhận diện, giảm thiểu hoặc ngăn ngừa thỏa đáng. Có hai khả năng:

1. Nếu rủi ro đã được giảm thiểu hoặc ngăn ngừa, doanh nghiệp cần liên tục thẩm định theo mức độ tương xứng với rủi ro.

2. Nếu rủi ro chưa được giảm thiểu hoặc ngăn ngừa, thì phải xác minh và làm rõ tại sao như vậy, ví dụ vì chưa có một chiến lược giảm thiểu rủi ro hiệu quả, thời gian không phù hợp, nguồn lực không đủ, hay thiếu quyết tâm. Cần thực hiện mới đánh giá rủi ro.

Quá trình xác minh hiệu quả phải:

- Đảm bảo mức độ đại diện đầy đủ của tiếng nói phụ nữ.
- Phải tương xứng với rủi ro.
- Đưa ra các khuyến nghị để cải thiện các thực hành thẩm định.
- Tính tới năng lực của các doanh nghiệp vì quá trình này có thể tốn kém. Có thể xác minh hiệu quả thẩm định bằng các cơ chế/biện pháp có khả năng chi trả đối với các doanh nghiệp nhỏ, chẳng hạn các sáng kiến tuân thủ xã hội của địa phương[79]

Quá trình xác minh có thể bao gồm kiểm toán, điều tra tại chỗ và tham vấn với các cơ quan chính phủ, xã hội dân sự, thành viên của cộng đồng bị ảnh hưởng, các tổ chức của người lao động ở cấp địa phương, quốc gia và quốc tế. Tính độc lập và chất lượng là yếu tố quan trọng đảm bảo hiệu quả kiểm toán[80]. Kiểm toán viên phải độc lập, có năng lực và có trách nhiệm giải trình. Doanh nghiệp có thể cân nhắc lồng ghép các cuộc kiểm toán vào một cơ chế độc lập được thể chế hóa chịu trách nhiệm chỉ định kiểm toán viên, xác minh kết quả kiểm toán, công bố báo cáo kiểm toán, triển khai các hợp phần xây dựng năng lực thẩm định cho nhà cung ứng và giúp theo dõi các khiếu nại của các bên quan tâm.

Tại các các điểm thích hợp trong chuỗi cung ứng, có thể thực hiện các quy trình xác minh bổ sung và củng cố lẫn nhau dựa trên các tiêu chuẩn chung, để giúp tránh được những mệt mỏi khi đánh giá và tăng hiệu quả[81]. Ví dụ, các kiểm toán viên có thể công nhận kết luận kiểm toán của các bên thứ ba độc lập. Các doanh nghiệp có thể muốn tập trung vào 'điểm kẹt', tức là những điểm hoạt động trong chuỗi cung ứng của một nhóm nhỏ các bên liên quan - trái ngược với việc đánh giá từng doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng. Doanh nghiệp có thể xác định điểm kẹt bằng cách xem xét:

i) các điểm chuyển đổi vật chất trong chuỗi cung ứng, chẳng hạn như chế biến hoặc đóng gói.

ii) số lượng doanh nghiệp tại một điểm nhất định trong chuỗi cung ứng: kiểm toán có thể tập trung vào các vị trí trong chuỗi cung ứng nơi hầu như không có doanh nghiệp nào hoạt động hoặc nơi tập trung hầu hết các nông sản thực phẩm.

iii) các vị trí doanh nghiệp có ảnh hưởng lớn nhất đối với các doanh nghiệp hạ nguồn.

iv) các vị trí hiện đã có các đề án và chương trình kiểm toán được thực hiện để tận dụng các hệ thống này và tránh trùng lặp.

Ví dụ, điểm kẹt đối với chuỗi cung ứng cà phê ở Ethiopia có thể là Sở giao dịch hàng hóa Ethiopia, nơi cà phê do nhiều nhà sản xuất có quy mô nhỏ làm ra được bán bởi một số lượng hạn chế thương nhân (trường hợp ii) ở trên). Đối với các chuỗi cung ứng cà phê nhiều phân khúc hơn, điểm kẹt có thể là các nhà máy chế biến, các đơn vị bán buôn hoặc xuất khẩu. Mặc dù tập trung vào các điểm kẹt này, song vẫn phải đảm bảo thẩm định kỹ lưỡng toàn bộ chuỗi cung ứng.

Bước 5. Báo cáo kết quả thẩm định chuỗi cung ứng

Các doanh nghiệp nên báo cáo công khai về các chính sách và thông lệ thẩm định của mình đối với chuỗi cung ứng, trên cơ sở tông trọng tính bảo mật kinh doanh và các mối quan tâm khác có tính cạnh tranh. Doanh nghiệp phải cung cấp cho các bên liên quan bị ảnh hưởng và các đối tác kinh doanh thông tin rõ ràng, chính xác và kịp thời về các tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn đã được nhận diện thông qua quá trình liên tục đánh giá tác động và về các bước và biện pháp được thực hiện để giảm thiểu hoặc ngăn ngừa các tác động đó. Báo cáo cũng có thể bao gồm thông tin về hệ thống quản lý doanh nghiệp và các báo cáo xác minh về các thực hành thẩm định. Sau khi công bố, tất cả các bên liên quan đều có thể truy cập được các báo cáo đó.

Ngoài các báo cáo công khai và chính thức, việc trao đổi thông tin có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức, bao gồm gặp gỡ trực tiếp, đối thoại trực tuyến và tham vấn với các bên liên quan bị ảnh hưởng. Việc thông tin phải phù hợp với tác động và đối tượng về hình thức, tần suất, khả năng tiếp cận và tính đầy đủ của thông tin được cung cấp.

Các chú thích

1. Trong khi định nghĩa nông nghiệp trong Văn kiện thành lập Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO) bao gồm cả ngư nghiệp và lâm nghiệp, Hướng dẫn này chủ yếu tập trung vào cây trồng và vật nuôi.

2. Hành vi Kinh doanh có trách nhiệm (RBC) là các doanh nghiệp phải: a) đóng góp tích cực vào tiến bộ về kinh tế, môi trường và xã hội nhằm đạt được sự phát triển bền vững và b) ngăn ngừa và giải quyết các tác động bất lợi do hoạt động của chính họ gây ra, đồng thời ngăn ngừa hoặc giảm thiểu những tác động bất lợi được quan trực tiếp với hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp thông qua một mối quan hệ kinh doanh.

3. Các tiêu chuẩn nêu trong Hướng dẫn này đề cập đến những khuyến nghị có trong nhiều loại văn kiện khác nhau, như công ước, tuyên bố, nguyên tắc và hướng dẫn.

4. Như đã nhấn mạnh trong Báo cáo năm 2015 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới với tiêu đề "Xa hơn cả chuỗi cung ứng - Trao quyền cho các chuỗi giá trị có trách nhiệm", việc tuân thủ các tiêu chuẩn RBC có thể mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp khi các động lực thị trường thay đổi khiến cho các nỗ lực bền vững càng trở nên quan trọng. Khách hàng ngày càng nhạy cảm hơn với tính bền vững. Đặc biệt, người tiêu dùng trẻ tuổi yêu cầu các sản phẩm và thực hành mang tính bền vững và sẽ trả nhiều tiền hơn để có được chúng. Tài nguyên thiên nhiên ngày càng khan hiếm và giá cả hàng hóa tăng cao khiến cho hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm thiểu chất thải trở thành những biến số quan trọng giúp doanh nghiệp duy trì lợi nhuận. Môi trường pháp lý và các tổ chức phi chính phủ đang hối thúc minh bạch hóa nhiều hơn, điều này làm gia tăng chi phí không tuân thủ và có thể tạo ra phản ứng dữ dội từ thị trường.

5. Xem thêm định nghĩa thẩm định dưới đây biết thêm về định nghĩa 'mối quan hệ kinh doanh'.

6. Mô tả chi tiết hơn được trình bày trong phần "người sử dụng dự kiến".

7. Tài nguyên bổ sung có tại: *http://mneguidelines.oecd.org/rbc-agriculture- supply-chains.htm* và *www.fao.org/economic/est/issues/investment/en*.

8. Xem phần 'quy trình' để có thêm thông tin về thành phần và vai trò của Nhóm Tư vấn trong quá trình xây dựng Hướng dẫn này.

9. Tài nguyên bổ sung có tại: *http://mneguidelines.oecd.org/rbc-agriculture- supply-chains.htm*.

10. Mặc dù Bộ Hướng dẫn của OECD không đưa ra định nghĩa chính xác về các doanh nghiệp đa quốc gia (MNE), chỉ ra rằng các MNE thường bao gồm các công ty hoặc các tổ chức khác được thành lập tại nhiều quốc gia (Bộ Hướng dẫn của OECD, I.4). Mục tiêu của Bộ Nguyên tắc CFS-RAI là "các doanh nghiệp kinh doanh, bao gồm cả nông dân" (đoạn 50-52)

11. Các điều khoản tham chiếu của Nhóm Tư vấn hỗn hợp quy định về mục đích, nhiệm vị và cơ cấu tổ chức của Nhóm được Nhóm Công tác của OECD về Kinh doanh có Trách nhiệm thông qua tháng 6/2013 và được Nhóm Công tác của OECD về các Chính sách và Thị trường Nông nghiệp phê duyệt tháng 7/2013.

12. Ví dụ cụ thể có thể tham khảo trong: Dự án chuỗi giá trị lương thực và nông nghiệp Botswana: Nghiên cứu về chuỗi giá trị thịt bò của FAO năm 2013; Phân tích chuỗi giá trị từ cổng nông trại tới người tiêu dùng về hệ thống tiếp thị ngô của Kenya do Đại học Bang Michigan thực hiện năm 2011; Phân tích chuỗi giá trị ngành hạt điều ở Ghana do GIZ thực hiện năm 2010; hoặc chuỗi giá trị tinh dầu của Rwanda: Chẩn đoán của UNIDO năm 2012.

13. Canh tác theo hợp đồng là việc sản xuất được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữ người mua và người sản xuất. Có rất nhiều dạng hợp đồng khác nhau tùy thuộc vào loại nahf thầu, sản phẩm, mức độ phối hợp giữa nhà đầu tư và người nông dân, và số lượng các bên liên quan tham gia. Tìm hiểu thêm thông tin tại *www.fao.org/ag/ags/contract-farming/faq/en/#c100440*.

14. Tham khảo thêm thông tin tại Hướng dẫn của OECD về thẩm định Chuỗi cung ứng có trách nhiệm đối với khoáng sản từ các khu vực xung đột và rủi ro cao, 2011.

15. Trích từ Bộ Hướng dẫn của OECD, II.15.

16. Bộ Hướng dẫn của OECD, II.A.10.

17. Bộ Hướng dẫn của OECD, II.16.

18. Trong số các chương trình đó có: Các nguyên tắc và tiêu chí sản xuất dầu cọ bền vững, chứng nhận các nhà sản xuất, chế biến hoặc kinh doanh dầu cọ, cũng như các nhà sản xuất, nhà bán lẻ, ngân hàng và các nhà đầu tư tham gia vào chuỗi cung ứng dầu cọ; các tiêu chuẩn của hội nghị bàn tròn về nhiên liệu sinh học bền vững chứng nhận các nhà khai thác nhiên liệu sinh học; Các nguyên tắc và tiêu chí để sản xuất đậu nành có trách nhiệm chứng nhận các cá nhân và tập đoàn trồng đậu nành; Tiêu chuẩn của Sáng kiến Mía đường Tốt hơn (Bonsucro) cho các nhà sản xuất mía đường; và Các Nguyên tắc Đầu tư Có Trách nhiệm vào Đất Nông nghiệp dành cho các tổ chức sở hữu và quản lý tài sản. Việc giám sát các nền tảng như Sedex cũng có thể giúp đánh giá hiệu quả thực hiện của các nhà cung ứng.

19. Khuyến nghị của OECD về Hướng dẫn Thẩm định Chuỗi cung ứng có trách nhiệm đối với khoáng sản từ vùng có xung đột hoặc rủi ro cao được Hội đồng thông qua ở cấp bộ trưởng ngày 25/5/2011 và sau đó được sửa đổi ngày 17/7/2012 bổ sung thêm tham chiếu tới Chế phẩm bổ sung vàng.

20. Chính sách mẫu của doanh nghiệp được ban hành không phải để thay thế cho các tiêu chuẩn hiện hành. Các doanh nghiệp phải tham khảo trực tiếp tới từng tiêu chuẩn trước khi đưa ra các tuyên bố tuân thủ của mình. Việc tham chiếu tới các tiêu chuẩn được trích dẫn trong tài liệu này được đề cập sau nội dung cuối cùng chứ không phải sau từng nội dung được trích dẫn. Mục đích là để giúp doanh nghiệp tham khảo văn bản ban đầu của tiêu chuẩn được đề cập trong Hướng dẫn này để tìm hiểu thêm về nội dung của các tiêu chuẩn đó.

21. Bộ Hướng dẫn của OECD, II.10 và VI.3; Nguyên tắc 10 của CFS-RAI; VGGT 12.10; Bộ Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hiệp quốc, đoạn. 17; CBD, Điều 14; Bộ hướng dẫn Akwé: Kon; Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC 1, đoạn 5 và 8-10.

22. Bộ Hướng dẫn của OECD, III.1-3, VI.2.a & VIII.2; Nguyên tắc 9.ii và 10 của CFS-RAI; Bộ nguyên tắc hướng dẫn của Liên hiệp quốc, đoạn 21; Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, đoạn 29; Công ước Aarhus, Điều 5. Tham khảo Phụ lục A, 1.1 và 1.3 dưới đây. Hướng dẫn cụ thể về những thông tin quan trọng sẽ được chia sẻ với các bên liên quan bị ảnh hưởng có thể tham khảo trong Hướng dẫn thẩm định của OECD về Tiếp xúc có ý nghĩa với các bên liên quan trong lĩnh vực khai mỏ.

23. Bộ Hướng dẫn của OECD, VIII.2.

24. Bộ Hướng dẫn của OECD, II.14 & VI.2.b; Nguyên tắc 9.iii-iv của CFS-RAI; VGGT, 9.9 và 12.11; Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hiệp quốc, đoạn 18; Nguyên tắc 1 và 4 của PRAI; Bộ hướng dẫn Akwé: Kon, 11, 13-17 và 57; Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, đoạn 26-27 và 30-33. Tham khảo thêm Công ước 169 của ILO về Bộ lạc và các Dân tộc Bản địa, 1989. Xem Phụ lục A, 1.2 dưới đây. Hướng dẫn cụ thể về tham vấn với các bên liên quan có thể tham khảo trong Hướng dẫn thẩm định của OECD về Tiếp xúc có ý nghĩa với các bên liên quan trong lĩnh vực khai mỏ.

25. Xem Phụ lục B để được hướng dẫn thêm về việc tiếp xúc với người dân bản địa và Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước, và được cung cấp thông tin (FPIC).

26. Như được nhấn mạnh trong phần giới thiệu, Hướng dẫn này là một nỗ lực chung của OECD và FAO, xem xét một số tiêu chuẩn khác ngoài những tiêu chuẩn nêu trong Bộ Hướng dẫn của OECD, đặc biệt là Bộ Nguyên tắc CFS-RAI, bao gồm các tham chiếu đến FPIC không có trong Bộ Hướng dẫn của OECD. Đoạn này trích dẫn Nguyên tắc 9.iv của CFS-RAI. Xem thêm Tiêu chuẩn Thực hiện 7 của IFC, đoạn 12-17; Tuyên ngôn của Liên hiệp quốc về quyền của các dân tộc bản địa, Điều 10, 11 và 32; và Công ước 169 của ILO về Bộ lạc và các Dân tộc Bản địa, Điều 16.

27. Bộ Hướng dẫn của OECD, II.A.1; Nguyên tắc 2.iv, v và vii của CFS-RAI; VGGT, 12.4; Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon, 40.

28. Các nguyên tắc 2.iv-vii và 7.i & iii của CFS-RAI; VGGT, 12.6; các Nguyên tắc PRAI 5-6; Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon, 46; Tiêu chuẩn Thực hiện 7 của IFC, đoạn 14 và 17-20 và Tiêu chuẩn 8, đoạn 16. Xem thêm CBD Điều 8(j), Nghị định thư Nagoya Điều 5-7, ITPGR, Điều 9.2. Các lợi ích có thể bằng tiền hoặc không phải bằng tiền: tham khảo Phụ lục của Nghị định thư Nagoya. Tham khảo thêm Phụ lục A, 1.4 để có thêm thông tin.

29. Bộ Hướng dẫn của OECD, IV, đoạn 46 và VIII.3; Nguyên tắc 9.v CFS-RAI; VGGT, 3.2, 12.14, 30. 25.1 & 25.3; Nguyên tắc Hướng dẫn 31của LHQ; Nguyên tắc 1 của PRAI; Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon, 63; Tuyên bố của ILO về MNE, 58-59; Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, đoạn 35, và Tiêu chuẩn Thực hiện 5 của IFC, đoạn 11. Tham khảo thêm Phụ lục A, 1.5. Hướng dẫn thẩm định của OECD về Tiếp xúc có ý nghĩa với các bên liên quan trong lĩnh vực khai mỏ hướng dẫn thêm về các cơ chế khiếu nại.

30. Nguyên tắc 3 của CFS-RAI; Công ước xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW).

31. Để biết thêm thông tin về các quyền con người đã được quốc tế công nhận, có thể tham khảo Bộ Hướng dẫn của OECD, VI. 39.

32. Bộ Hướng dẫn của OECD, II.A.2 và IV; CFS-RAI các Nguyên tắc 1, 9.iv và 10 và các đoạn 3, 19.i, 47.v, 50 và 51; Nguyên tắc Hướng dẫn của LHQs, đoạn 11. Tham khảo Phục lục A, 2.

33. Bộ Hướng dẫn của OECD, IV.1 và 2.

34. Bộ Hướng dẫn của OECD, IV.3; VGGT, 3.2; Nguyên tắc 1 của PRAI; Bộ hướng dẫn của Akwe: Kon, 57; Hiệp ước Toàn cầu của Liên hiệp quốc, Nguyên tắc 1-2.

35. Bộ Hướng dẫn của OECD, IV.5; Nguyên tắc Hướng dẫn 17của LHQ.

36. Bộ Hướng dẫn của OECD, IV.6; Nguyên tắc Hướng dẫn 22của LHQ.

37. Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền con người, Điều 2; CFS-RAI Nguyên tắc 3.ii. Như đã nêu rõ trong Phụ lục A, Bộ Hướng dẫn của OECD (V.1.e) quy định "trong suốt quá trình hoạt động của mình, doanh nghiệp phải được định hướng bởi nguyên tắc bình đẳng về cơ hội và đối xử trong việc làm và không phân biệt đối xử với người lao động của mình về việc làm hoặc nghề nghiệp dựa trên các lý do như chủng tộc, màu da, giới

tính, tôn giáo, chính kiến, nguồn gốc quốc gia hoặc nguồn gốc xã hội, hoặc tình trạng khác". Bình luận 54 quy định cụ thể rằng vì khái niệm của Bộ Hướng dẫn, khái niệm "tình trạng khác" chỉ hoạt động của công đoàn và đặc điểm cá nhân ví dụ lứa tuổi, khuyết tật, có thai, tình trạng hôn nhân, định hướng tính dục hoặc tình trạng HIV status.

38. Bộ Hướng dẫn của OECD, V.1-3; CFS-RAI Nguyên tắc 2.i-ii; Tuyên bố của ILO về MNE, đoạn 8; Nguyên tắc Hướng dẫn 12 của LHQ; Tiêu chuẩn Thực hiện 2 của IFC; Nguyên tắc Kinh doanh và Quyền Trẻ em 2. Mọi quốc gia thành viên của ILO phải tôn trọng các tiêu chuẩn lao động cốt lõi tạo nên 4 nguyên tắc cơ bản của Tuyên bố ILO về các Quyền và Nguyên tắc Cơ bản tại nơi làm việc, không kể công ước LHQ mà họ đã ký.

39. Bộ Hướng dẫn của OECD, V.4.b và V.4.c; CFS-RAI Nguyên tắc 2.iii; Tuyên bố của ILO về MNE 37-40; Tiêu chuẩn Thực hiện 2 của IFC, các đoạn 10, 23, 25, 28-29; Bộ Quy tắc về Kinh doanh VÀ Quyền Trẻ em 3 và 4.

40. Tuyên bố của ILO về MNE, 16 và 25-28. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Phụ lục A, 3 về các điều kiện làm việc tử tế.

41. Khuyến nghị 198 của ILO, Điều 7.a; Tiêu chuẩn Thực hiện 2 của IFC, đoạn 11.

42. CFS-RAI Nguyên tắc 3.iv.

43. Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền con người, Điều 23.

44. Bộ Hướng dẫn của OECD, II. A.4; Tuyên bố của ILO về MNE, các đoạn 16 và 19; CFS-RAI Nguyên tắc 2.iii.

45. CFS-RAI Nguyên tắc 2,iii và 4.ii; Tuyên bố của ILO về MNE 30-32.

46. Công ước bảo vệ thai sản của ILO, 2000 (Số 183); Công ước xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, điều 11 (2).

47. CFS-RAI Nguyên tắc 8.iv.

48. Bộ Hướng dẫn của OECD, VIII.1, 6-7; CFS-RAI Nguyên tắc 2.viii và 8.i, iii và iv; PRAI, 5.2.1.

49. Bộ hướng dẫn Akwé Kon, 50; Tiêu chuẩn Thực hiện 4 của IFC.

50. CFS-RAI Nguyên tắc 1 và 8.i; VGGT 12.1, 12.4 và 12.12; PRAI Nguyên tắc 2.2. Tham khảo Phụ lục A, 5. Bốn yếu tố của an ninh lương thực là sự sẵn có, khả năng tiếp cận, sự ổn định và tiêu dùng, được thể hiện trong kế hoạch hành động của Hội nghị Thượng đỉnh lương thực thế giới năm 1996 được 112 Nguyên thủ và Phó Nguyên thủ các nhà nước và chính phủ thông qua để cam kết "*thực hiện các chính sách nhằm xóa bỏ nghèo đói và bất bình đẳng và cải thiện khả năng tiếp cận kinh tế và vật chất của mọi người, mọi lúc, đối với thực phẩm đầy đủ và an toàn về mặt dinh dưỡng và sử dụng hiệu quả thực phẩm; và theo đuổi các chính sách và thực hành bền vững và có sự tham gia về phát triển nông thôn, lương thực, nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp và nông nghiệp ở các khu vực tiềm năng cao và thấp, có ý nghĩa đảm bảo việc cung cấp lượng thực đầy đủ và đáng tin cậy ở cấp hộ gia đình, quốc gia, khu vực và toàn cầu"*

51. VGGT 4.4 định nghĩa quyền chiếm giữ hợp pháp như sau *'Phù hợp với các nguyên tắc tham vấn và tham gia của Bộ hướng dẫn này, các Quốc gia phải xác định các nhóm quyền được coi là hợp pháp thông qua các quy tắc được công bố rộng rãi'*

52. VGGT, 2.4, 3.2, 9.1, 11.4 và 12.3; CFS-RAI Nguyên tắc 5 và 9.ii và Đoạn 51; Các nguyên tắc của LHQ về Hợp đồng có trách nhiệm bổ sung cho Bộ Nguyên tắc Hướng dẫn của LHQ và do Hội đồng về Quyền con người của LHQ thông qua, Nguyên tắc 10.

53. VGGT, 9.1, 12.4, 16.1 và 16.3; Tiêu chuẩn Thực hiện 5 của IFC, các đoạn 2 và 8 và Tiêu chuẩn 7, đoạn 15; Nguyên tắc Kinh doanh và Quyền Trẻ em 7. Cụm từ 'bồi thường nhanh chóng, đầy đủ và hiệu quả' được coi là luật tục quốc tế về loại bồi thường được nhận để thực hiện trưng thu hợp pháp. Xem Phụ lục A, 6. Lưu ý rằng các tiêu chuẩn được đề cập trong Hướng dẫn này phù hợp với cam kết không khoan nhượng đối với việc di dời đất đối với bất kỳ quyền chiếm giữ hợp pháp nào mà các doanh nghiệp thực phẩm và đồ uống lớn vừa trưng thu gần đây.

54. VGGT, 16.1 và 16.3; PRAI Nguyên tắc 6.2.1; Tiêu chuẩn Thực hiện 5 của IFC, các đoạn 9- 10, 12, 19, 27-28, và Tiêu chuẩn Thực hiện 7, các đoạn 9 và 14. Theo Tiêu chuẩn Thực hiện 7 của IFC, đoạn 14, nếu khả thi, nên thực hiện bồi thường bằng đất đai thay vì bồi thường bằng tiền mặt và cần đảm bảo việc tiếp cận liên tục các nguồn tài nguyên hoặc xác định các nguồn thay thế tương đương. Phương án cuối cùng mới là bồi thường bằng tiền mặt và phải xác định các biện pháp sinh kế thay thế.

55. CFS-RAI Nguyên tắc 8.ii. Xem Phụ lục A, 7.

56. Các nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Sức khỏe Động vật Thế giới s developed by the World Organisation for Animal Health (OIE). Để biết thêm thông tin, tham khảo các Năm Quyền tự do của Hội đồng Phúc lợi động vật trang trại tại địa chỉ www.fawc.org.uk/freedoms.htm.

57. Quy chế của Anh ban hành năm 2000 (S.I. 2000 Số 1870) và Quy chế 3(1) về phúc lợi của vật nuôi.

58. Bộ Hướng dẫn của OECD, VI.1; CFS-RAI Nguyên tắc 10; VGGT 4.3, 11.2, 12.6 và 12.10; PRAI Nguyên tắc 7; Tiêu chuẩn Thực hiện 1.1 của IFC.

59. Có thể tham khảo danh mục các chất độc hại tại: danh sách các hóa chất nông nghiệp độc hại của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO); WHO khuyến nghị phân loại thuốc bảo vệ thực vật thành các nhóm nguy hiểm Ia (cực kỳ nguy hiểm) hoặc Ib (nguy hiểm cao); Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) năm 2004; Công ước Rotterdam về thủ tục chấp thuận được thông báo trước đối với một số hóa chất độc hại và thuốc trừ sâu trong thương mại quốc tế năm 2004; Công ước Basel năm 1992 về kiểm soát sự di chuyển qua biên giới của chất thải nguy hại và xử lý chất thải nguy hại; Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ôzôn năm 1999; và danh sách 'Thay thế ngay bây giờ' (SIN) cho thuốc trừ sâu.

60. Mặc dù hầu hết các văn kiện được thông qua theo quy trình liên chính phủ có đề cập đến 'hiệu quả sử dụng tài nguyên', đoạn 9 về tiêu thụ nước trong Tiêu chuẩn Thực hiện 3 của IFC còn quy định ưu việt hơn bằng cách yêu cầu doanh nghiệp 'áp dụng các biện pháp ngăn ngừa hoặc giảm bớt lượng nước sử dụng'.

61. Tiêu chuẩn Thực hiện 6 của IFC, đoạn 20, định nghĩa một khu vực bảo tồn hợp pháp là một khu vực đáp ứng định nghĩa của *Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế* (IUCN): "Một không gian địa lý được xác định rõ ràng, được công nhận, dành riêng và được quản lý, thông qua các biện pháp hợp pháp hoặc các phương tiện hữu hiệu khác, đạt được mục tiêu bảo tồn lâu dài thiên nhiên cùng các dịch vụ hệ sinh thái và các giá trị văn hóa liên quan". Định nghĩa này bao gồm cả các khu vực được chỉ định theo đề xuất của chính phủ.

62. Bộ Hướng dẫn của OECD, VI.6; CFS-RAI Nguyên tắc 1.i và 6; PRAI Nguyên tắc 7; Tiêu chuẩn Thực hiện 3 và 6 của IFC; CBD; Công ước về Buôn bán Quốc tế các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp CITES năm 1975. Tham khảo thêm Phụ lục A, 8.

63. Bộ Hướng dẫn của OECD, II.A.5 & 7, II.A.15, và VII; CFS-RAI Nguyên tắc 9.i; VGGT, 6.9, 64. 9.12 & 16.6; Nguyên tắc 10 Hiệp ước Toàn cầu của LHQ. Xem Phụ lục A, 9.1. Bên cạnh đó, Các tiêu chuẩn quốc tế về Chống Rửa tiền và Tài trợ cho khủng bố và chống lãng phí do Nhóm Công tác đặc biệt về tài chính xây dựng và được 180 quốc gia thông qua năm 2003 có thể áp dụng cho các tổ chức tài chính. Các biện pháp ngăn ngừa bao gồm thẩm định khách hàng và lưu giữ sổ sách cũng được coi là đặc biệt có tác dụng trong phòng chống tham nhũng.

64. Bộ Hướng dẫn của OECD, XI.1-2. Xem Phụ lục A, 9.2.

65. Bộ Hướng dẫn của OECD, X.2-3. Xem Phụ lục A, 9.3.

66. Các Nguyên tắc của G20/OECD về Quản trị Doanh nghiệp là chuẩn mực quản trị công ty quốc tế cho các nhà hoạch định chính sách, nhà đầu tư, tập đoàn và các bên liên quan khác trên toàn thế giới. Bộ Nguyên tắc được thông qua như một trong những tiêu chuẩn chủ chốt của Hội đồng Ổn định Tài chính (FSB) đối với các hệ thống tài chính lành mạnh và đã được Nhóm Ngân hàng Thế giới sử dụng trong hơn 60 đợt rà soát quốc gia trên toàn thế giới. Đây là cơ sở xây dựng các hướng dẫn về quản trị ngân hàng mà Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng ban hành. www.oecd.org/corporate/principles-corporate-governance.htm.

67. Bộ Hướng dẫn của OECD, IX; CFS-RAI Nguyên tắc 7, iv; Tuyên bố của ILO về MNE, 19; CBD, Điều 16; Nguyên tắc 9Hiệp ước Toàn cầu của LHQ.

68. Tiêu chuẩn Thực hiện của IFC 6, đoạn 26.

69. Bộ Hướng dẫn của OECD, IV, Bình luận 44; Bộ Nguyên tắc Hướng dẫn của LHQ, đoạn 16.

70. Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế định nghĩa truy xuất nguồn gốc là khả năng theo dõi xuyên suốt quá trình di chuyển của thực phẩm thông qua (các) giai đoạn sản xuất, chế biến và phân phối.

71. Truy xuất nguồn gốc cân bằng khối lượng là biện pháp kiểm soát khối lượng chính xác các nguyên liệu đã được đánh giá và chứng nhận đưa vào chuỗi cung ứng. Có thể bán hoặc chứng nhận một khối lượng sản phẩm tương đương ra khỏi chuỗi cung ứng. Các thành phần được chứng nhận và không được chứng nhận có thể bị trộn lẫn với nhau. Truy xuất nguồn gốc phân tách vật lý là biện pháp xác định và truy xuất nguồn gốc các nguyên liệu và sản phẩm đã được chứng nhận đi qua chuỗi cung ứng. Chuỗi hành trình là các giấu vết tài liệu/giấy tờ theo thứ tự thời gian thể hiện việc thu giữ, lưu giữ, kiểm soát, chuyển giao, phân tích và xử lý sản phẩm vật chất.

72. Tìm hiểu thêm thông tin về vấn đề này trong Phụ lục A, 1.3.

73. Để tìm hiểu thêm thông tin, vui lòng tham khảo Phụ lục A, Phần 1.5; IFC, 2009; và Hướng dẫn thẩm định của OECD về Tiếp xúc có ý nghĩa với các bên liên quan trong lĩnh vực khai mỏ.

74. Như đã nêu chi tiết trong hướng dẫn đàm phán hợp đồng đầu tư của IISD (IISD, 2014), Đánh giá tác động môi trường (EIA) hiện đã trở thành thông lệ được chính thức hóa cho các dự án thuộc nhiều lĩnh vực kinh tế. Khoảng 2/3 trong số khoảng 110 nước đang phát triển đã ban hành một số dạng luật về EIA vào giữa những năm 1990. Đánh giá tác động xã hội ít phổ biến hơn nhưng ngày càng trở thành một phần của quá trình và thực hành EIA. Nhìn chung, hiện vẫn còn thiếu các nguyên tắc đánh giá tác động xã hội được thống nhất chung, nhưng Hiệp hội Đánh giá Tác động Quốc tế đã xuất bản

một bộ hướng dẫn nhất quán. Các biến thể khác bao gồm đánh giá tính bền vững có lồng ghép các quan điểm xã hội, kinh tế và môi trường hoặc đánh giá tác động tích lũy. Đánh giá tác động môi trường và xã hội đồng thời đang trở thành một thông lệ ngày càng phổ biến. Đánh giá tác động có thể bao gồm cả tác động đến phúc lợi động vật.

75. Các công cụ phân tích rủi ro như công cụ do Quỹ Động vật Hoang dã Thế giới (WWF) phát triển có thể giúp nhận diện rủi ro. Các công cụ đó bao gồm công cụ phân tích rủi ro cung ứng (*www.supplyrisk.org*) và bộ lọc rủi ro nước (*htttp://waterriskfilter.panda.org*).

76. Tham khảo Phụ lục A, 2 và 6 để có thêm thông tin.

77. Ví dụ, liệu quy trình thẩm định mà Bộ Hướng dẫn của OECD khuyến nghị có bao gồm các dịch vụ tài chính được sử dụng nhằm mục đích chủ yếu là xác lập quyền sở hữu, tài trợ hoặc hỗ trợ hoạt động chung của khách hàng (ví dụ: các khoản vay hoặc tài trợ chung của công ty), hay chỉ thẩm định các hoạt động cụ thể của doanh nghiệp (ví dụ tài trợ dự án). Trong trường hợp đầu tiên, tổ chức tài chính phải có biện pháp xử lý toàn bộ tác động bất lợi liên quan đến hoạt động của khách hàng. Trong trường hợp thứ hai, doanh nghiệp chỉ nên giải quyết tác động của những hoạt động mà doanh nghiệp tài trợ hoặc hỗ trợ.

78. Theo Văn phòng Cao ủy của Liên hiệp quốc về Quyền con người trong *Hướng dẫn Diễn giải, Trách nhiệm Tôn trọng Quyền con người của doanh nghiệp*, khắc phục không chỉ là quá trình khắc phục một tác động bất lợi mà còn là các kết quả thực chất có thể làm mất tác dụng hoặc sửa chữa tác động bất lợi đó. Những kết quả này có thể tồn tại dưới nhiều hình thức, chẳng hạn như xin lỗi, bồi thường, phục hồi, bồi thường tài chính hoặc phi tài chính, và các biện pháp trừng phạt (hình sự hay hành chính, chẳng hạn như phạt tiền), cũng như ngăn ngừa tổn hại thông qua các lệnh hoặc các biện pháp bảo đảm không tái diễn.

79. Chương trình do Sáng kiến Bền vững của Nam Phi (SIZA) thực hiện là một ví dụ điển hình về chương trình tuân thủ xã hội địa phương. Đây là chương trình kinh doanh có đạo đức do hiệp hội những người trồng trọt địa phương xây dựng. Chương trình đã tạo ra một bộ tiêu chuẩn thống nhất cho các nhà sản xuất trái cây ở Nam Phi, dựa trên luật pháp quốc gia, mã tham chiếu và quy trình đánh giá tham chiếu và phương pháp luận của Chương trình Tuân thủ Xã hội Toàn cầu và các công ước của ILO. Nhà bán lẻ có quy mô lớn làm việc với các tổ chức địa phương để xây dựng năng lực. Bằng cách trao quyền cho các đối tác địa phương, nhà bán lẻ sẽ đảm bảo được tính bền vững của các khoản đầu tư mà họ bỏ ra cho hoạt động xã hội của chuỗi cung ứng nông nghiệp ở Nam Phi.

80. Sau thảm họa Rana Plaza, NCP của Pháp đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiến hành kiểm toán độc lập và có chất lượng cao trong báo cáo sau: Báo cáo của NCP về việc Thực hiện Bộ Hướng dẫn của OECD trong lĩnh vực dệt may và quần áo sau khi được Bộ trưởng Ngoại thương Nicole Bricq giới thiệu, Khuyến nghị #6 trang 57-58, 2/12/2013, www.tresor.economie.gouv.fr/File/398811.

81. Ví dụ, SGS đã xây dựng một Chương trình Tuân thủ Xã hội Toàn cầu để giảm bớt các gánh nặng kiểm toán.

Tài liệu tham khảo

FAO (2014), *Đổi mới sáng tạo trong Trang trại Gia đình,* Tình trạng Lương thực và Nông nghiệp, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp, Rôm
Innovation in Family Farming, The State of Food and Agriculture, Food và Agriculture Organization, Rome.

FAO (2012), *Đầu tư vào nông nghiệp vì một tương lai tốt hơn*, Tình trạng Lương thực và Nông nghiệp, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp, Rôm
Investing in Agriculture for a Better Future, The State of Food và Agriculture, Food và Agriculture Organization, Rome.

IISD (2014), *Hướng dẫn Đàm phán các Hợp đồng Đầu tư với Đất nông nghiệp và nước,* Viện Quốc tế về Phát triển Bền vững, Manitoba.
Guide to Negotiating Investment Contracts for Farmland và Water, International Institute for Sustainable Development, Manitoba.

OECD/FAO (2015), *Triển vọng Nông nghiệp của OECD-FAO*, NXB OECD, Paris
OECD-FAO Agricultural Outlook 2015, OECD Publishing, Paris, http://dx.doi.org/10.1787/agr_outlook-2015-en

OECD (2014), *Thẩm định trong Lĩnh vực Tài chính Các tác động bất lợi liên quan trực tiếp tới Hoạt động, Sản phẩm hoặc Dịch vụ của một Mối quan hệ Kinh doanh*
Due Diligence in the Financial Sector: Adverse Impacts Directly Linked to Operations, Products or Services by a Business Relationship
http://mneguidelines.oecd.org/global-forum/GFRBC-2014-financial-sector-document-1.pdf.

OECD (2013), *Hướng dẫn Thẩm định của OECD về Chuỗi cung ứng có trách nhiệm các khoáng sản từ vùng có xung đột và rủi ro cao: In lần thứ 2,* NXB OECD, Paris
OECD Due Diligence Guidance for Responsible Supply Chains of Minerals from Conflict-Affected và High-Risk Areas: Second Edition, OECD Publishing, Paris, http://dx.doi.org/10.1787/9789264185050-en.

Phụ lục A: Các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro trong chuỗi cung ứng nông sản

Phụ lục này xác định các rủi ro của các tác động bất lợi phát sinh trong chuỗi cung ứng nông sản và đề xuất các biện pháp để ngăn ngừa và giảm thiểu chúng, dựa trên các tiêu chuẩn tương tự như đối với doanh nghiệp mẫu. Các biện pháp được đề xuất có thể củng cố lẫn nhau. Ví dụ, tôn trọng quyền lao động, bao gồm việc đưa ra mức lương và điều kiện làm việc phù hợp, có thể hỗ trợ khả năng tiếp cận thực phẩm đầy đủ và giúp đạt được tiêu chuẩn sức khỏe tinh thần và thể chất cao nhất có thể. Việc thực hiện các biện pháp được đề xuất cần được điều chỉnh theo vị trí và hình thức tham gia của mỗi doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng, bối cảnh và địa bàn hoạt động, cũng như quy mô và năng lực của doanh nghiệp.

1. Các tiêu chuẩn RBC xuyên suốt

1.1 Công bố thông tin

Các rủi ro

Sự thiếu minh bạch có thể tạo ra ngờ vực và làm mất đi khả năng giải quyết các vấn đề nhỏ của doanh nghiệp trước khi chúng leo thang thành xung đột lớn, trong khi việc chia sẻ thông tin tối đa có thể giảm chi phí giao dịch cho tất cả các bên liên quan (FAO, 2010). Trừ khi thông tin được cung cấp đầy đủ, có thể đo lường, xác minh và kịp thời trên cả phương diện ngôn ngữ và văn hóa, bao gồm cả thông qua các cuộc họp tham vấn thường xuyên và các phương tiện thông tin đại chúng, doanh nghiệp có nguy cơ bị hiểu lầm bởi các bên liên quan có thể bị ảnh hưởng, hoặc không tiếp cận được với tất cả các bên liên quan (IFC, 2012). Trong trường hợp không có luật rõ ràng và có hiệu lực về minh bạch và công bố thông tin, phải đảm bảo thẩm định tăng cường (OECD, 2006).

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- **Cung cấp thông tin chính xác và kịp thời** tới công chúng trong khi không gây nguy hại đến tình trạng cạnh tranh hoặc các nghĩa vụ của chủ sở hữu doanh nghiệp đang hưởng lợi, về:
  - mục đích, bản chất, và quy mô của hoạt động doanh nghiệp
  - các thỏa thuận/hợp đồng cho thuê và các điều khoản trong đó
  - các hoạt động, cấu trúc, quyền sở hữu, và quản trị doanh nghiệp
  - tình hình tài chính và hoạt động của doanh nghiệp
  - Các chính sách và quá trình thực hiện tiêu chuẩn RBC, bao gồm quá trình tham gia của các bên liên quan và sự sẵn có của các cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại

  - Đánh giá Tác động Môi trường, Xã hội và Quyền con người (ESHRIA), bao gồm các yếu tố rủi ro thấy trước, ví dụ các tác động tiềm năng về môi trường, xã hội, còn quyền con người, sức khỏe, và an toàn của hoạt động của doanh nghiệp lên các bên liên quan khác nhau cũng như những khu vực, vùng đất và vùng nước linh thiêng vốn được sử dụng hoặc nắm giữ bởi người dân bản địa và các cộng đồng địa phương
  - Các kế hoạch quản lý môi trường, xã hội và quyền con người, và đặc tính của các sản phẩm.[1]

- **Truyền bá thông tin** thông qua tất cả các phương tiện thông tin phù hợp (sách báo, phương tiện truyền thông điện tử và xã hội, bao gồm báo chí, truyền thanh, truyền hình, thư điện tử, và các cuộc họp cấp địa phương, v.v...), chú ý hoàn cảnh của các cộng đồng vùng sâu vùng xa, vùng bị cô lập và có nhiều người không biết đọc biết viết, đảm bảo rằng những thông báo và quá trình tham vấn được thực hiện theo ngôn ngữ của những công đồng bị ảnh hưởng.[2]
- Trong trường hợp sắp xảy ra hiểm họa đối với sức khỏe con người hoặc môi trường, cần **chia sẻ ngay lập tức** không được trì hoãn tất cả những thông tin có thể giúp chính quyền và người dân có biện pháp ngăn chặn hoặc giảm thiểu thiệt hại phát sinh từ hiểm họa.[3]
- **Điều chỉnh các chính sách về công bố thông tin** cho phù hợp với bản chất, quy mô và vị trí của các hoạt động của doanh nghiệp có xem xét đến các chi phí, tính bảo mật kinh doanh và các mối quan tâm cạnh tranh khác.[4]

1.2 Tham vấn

Các rủi ro

Việc thiếu tham vấn với các bên liên quan có khả năng chịu ảnh hưởng từ các hoạt động của doanh nghiệp ngăn cản doanh nghiệp đánh giá thực tế khả năng tồn tại của dự án và xác định các biện pháp ứng phó hiệu quả và phù hợp với bối cảnh. Việc tham vấn toàn diện và hoàn toàn minh bạch có thể làm giảm thiểu các chi phí giao dịch, giảm sự phản đối và tạo niềm tin giữa các bên liên quan.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Xây dựng và thực hiện **kế hoạch tham gia của các bên liên quan** đã được điều chỉnh để phù hợp với các rủi ro, tác động, và giai đoạn phát triển của các hoạt động của doanh nghiệp, tính chất và lợi ích của các cộng đồng bị ảnh hưởng. Khi đưa vào thực hiện, kế hoạch cần bao gồm các biện pháp khác nhau để khuyến khích sự tham gia hiệu quả của những người thuộc nhóm bất lợi hoặc dễ bị tổn thương.[5]
- Tổ chức sớm và liên tục **các buổi tham vấn** thiện chí, hiệu quả, và ý nghĩa **với các nhóm cộng đồng có khả năng bị ảnh hưởng**, có xem xét tới các tiêu chuẩn quốc tế đưa ra trong Phụ Lục B. Những buổi tham vấn này cần được tổ chức khi có bất cứ thay đổi nào trong hoạt động của doanh nghiệp.[6]
- Tổ chức các quá trình tham vấn và ra quyết định **không bị đe dọa,** trong bầu không khí tin cậy, trước khi đi đến các quyết định, và phản hồi các đóng góp trong đó có cân nhắc việc mất cân bằng quyền lực giữa các bên khác nhau.[7]
- Khi cần thiết, cố gắng cung cấp **trợ giúp pháp lý và kỹ thuật** cho các cộng đồng bị ảnh hưởng để tham gia phát triển dự án theo những cách không phân biệt đối xử, cùng với các tổ chức đại diện của các cộng đồng bị ảnh hưởng và hợp tác với các cộng đồng này.

- **Xem xét đầy đủ và công bằng** các quan điểm được đưa ra trong quá trình tham vấn, dành đủ thời gian giữa việc thông báo và tham vấn công khai về các hoạt động được đề xuất với các cộng đồng bị ảnh hưởng để họ chuẩn bị cho phản hồi của mình, và thông báo cho những đối tượng bị ảnh hưởng rằng những mối quan tâm của họ đã được cân nhắc như thế nào.[8]

- **Tài liệu hóa và thực hiện các thỏa thuận** có được sau quá trình tham vấn, bao gồm thiết lập một quy trình trong đó quan điểm và mối quan tâm của cộng đồng có thể được lưu lại một cách phù hợp. Mặc dù các tuyên bố bằng văn bản có thể được ưu tiên hơn, quan điểm của các thành viên trong cộng đồng có thể được ghi lại dưới dạng băng video hoặc băng âm thanh, hoặc bất kỳ cách thức phù hợp nào khác, tùy vào sự đồng thuận của các cộng đồng đó.[9]

- Trong phạm vi có thể, cần xác minh rằng **các đại diện của cộng đồng** thực sự đại diện cho tiếng nói của các bên liên quan mà họ đại diện và rằng họ đáng tin cậy để truyền đạt trung thực kết quả của các buổi tham vấn cho các thành viên của mình.

- Khi thực hiện **các đánh giá tác động,** cần thiết lập cơ chế tham gia của cộng đồng, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương, trong việc thiết kế và thực hiện các đánh giá, xác định đối tượng chịu trách nhiệm pháp lý, khắc phục, bảo hiểm và bồi thường, và thiết lập một quy trình rà soát và kháng nghị.[10]

1.3 Đánh giá tác động

Các rủi ro

Các doanh nghiệp có thể tránh hoặc nếu không thể tránh, thì giảm thiểu các tác động bất lợi thực tế của các hoạt động, quy trình, hàng hóa và dịch vụ của mình bằng cách liên tục đánh giá rủi ro của các tác động này trong toàn bộ vòng đời của mình. Những đánh giá như vậy cho phép họ có cách tiếp cận toàn diện và hướng tới tương lai để quản lý rủi ro, bao gồm cả những rủi ro phát sinh trong hoạt động của các đối tác kinh doanh của họ.[11]

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Việc đánh giá tác động cần có **những giai đoạn như sau**:

  1. Sàng lọc, tức là xác định những đề xuất nào cần được đánh giác rác động để loại trừ những đề xuất không có khả năng đem lại tác động bất lợi và để chỉ ra mức độ đánh giá cần thiết.
  2. Xác định phạm vi, tức là xác định trọng tâm của đánh giá tác động và những vấn đề chính cần được nghiên cứu.
  3. Phân tích tác động.
  4. Xác định các biện pháp giảm thiểu phù hợp trong các trường hợp, bao gồm: không tiến hành các hoạt động, tìm hoạt động thay thế để tránh tác động bất lợi, kết hợp các biện pháp bảo vệ khi thiết kế hoạt động, hoặc bồi thường bằng tiền hoặc không phải bằng tiền cho các tác động bất lợi.

- Nếu phù hợp, cần bao gồm **các tác động có thể xảy ra** dưới đây (có thể là các tác động bất lợi và cả những tác động tích cực để tăng cường các tác động tích cực đó) khi thực hiện các Đánh giá Tác động Môi trường, Xã hội và Quyền con người (ESHRIA):

  – các tác động về môi trường liên quan đến đất, nước, không khí, rừng, đa dạng sinh học[12]

- các tác động xã hội có thể ảnh hưởng tới sức khỏe, khả năng tồn tại, và khả năng sinh tồn của cộng đồng bị ảnh hưởng, bao gồm cả chất lượng cuộc sống được đo lường trên các khía cạnh như phân phối thu nhập, tính toàn vẹn về thể chất và xã hội, sự bảo vệ cá nhân và cộng đồng, mức độ và cơ hội việc làm, sức khỏe và an sinh, giáo dục, tính sẵn có và tiêu chuẩn nhà ở và chỗ ở, cơ sở hạ tầng, dịch vụ
- các tác động đến quyền con người có thể ảnh hưởng tới, ví dụ, việc thụ hưởng các quyền chính trị và dân sự, văn hóa, xã hội, kinh tế của cộng đồng bị ảnh hưởng
- các tác động lên di sản văn hóa, cách sống, hệ thống tín ngưỡng và giá trị, ngôn ngữ, phong tục, kinh tế, mối quan hệ với môi trường địa phương và các loài cụ thể, truyền thống và tổ chức xã hội của cộng đồng bị ảnh hưởng
- các tác động lên phụ nữ liên quan đến vai trò của họ trong tư cách người cung cấp thực phẩm, người giám sát đa dạng sinh học, và người nắm giữ tri thức truyền thống[13]
- các tác động lên phúc lợi động vật.

- Mời **các cộng đồng bị ảnh hưởng** tham gia thực hiện đánh giá tác động, thu thập thông tin từ họ, và phản hồi thường xuyên tới họ xuyên suốt các giai đoạn của quá trình đánh giá tác động.[14]
- Đánh giá các rủi ro và tác động trong bối cảnh **lĩnh vực ảnh hưởng của dự án** khi dự án có các yếu tố vật lí, khía cạnh, và cơ sở vật chất có khả năng gây ra tác động.[15]

1.4 Chia sẻ lợi ích

Các rủi ro

Để tránh rủi ro tạo ra sự phản đối tại địa phương và để giảm chi phí giao dịch, các doanh nghiệp nên tìm cách tối đa hóa các tác động tích cực từ hoạt động của mình đối với cộng đồng địa phương. Mời các bên liên quan khác nhau tham gia các buổi tham vấn về lợi ích của hoạt động mà doanh nghiệp tiến hành có thể xây dựng lòng tin, giúp đảm bảo sự chấp nhận của địa phương và tạo ra liên minh lâu dài giữa các bên lại vừa có tác dụng ngăn ngừa xung đột. Đảm bảo những lợi ích mà hoạt động của doanh nghiệp đem lại cho các bên liên quan này cũng có thể hỗ trợ việc xác định các địa điểm hoạt động có thể chấp nhận và dựa trên kiến thức địa phương để đảm bảo sử dụng tối ưu tiềm năng sinh thái nông nghiệp (FAO, 2010; UN, 2009).

Chia sẻ lợi ích được thực hiện tách biệt khỏi (và có thể để bổ sung) việc bồi thường cho các tác động bất lợi không thể tránh khỏi; việc này nhằm mục đích xây dựng mối quan hệ đối tác giữa doanh nghiệp và người dân bản địa hoặc cộng đồng địa phương để ghi nhận sự đóng góp của họ vào hoạt động của doanh nghiệp. Trong những trường hợp cụ thể, người dân bản địa hoặc cộng đồng địa phương có thể được chia sẻ lợi ích phát sinh từ hoạt động nếu doanh nghiệp sử dụng đất đai, tài nguyên hoặc tri thức của họ.[16] Những lợi ích này có thể dưới dạng tiền hoặc không bằng tiền[17] tùy vào thỏa thuận giữa doanh nghiệp và cộng đồng liên quan và điều này là một nội dung trong quá trình tham vấn. Quyết định liên quan đến các hình thức lợi ích có thể được đưa ra trong ESHRIAs.[18]

Tuy nhiên, chia sẻ lợi ích cũng có rủi ro. Doanh nghiệp đối mặt với rủi ro xung đột với người dân bản địa khi sau khi đàm phán các thỏa thuận liên quan đến chia sẻ lợi ích, lợi ích không thực sự được chia sẻ cho cả cộng đồng mà do một nhóm bên liên quan cụ thể nắm giữ. Việc chia sẻ lợi ích có thể được đồng thuận với một số, nhưng không phải tất cả, các cộng đồng có liên quan, dẫn đến việc loại trừ một số cộng đồng nhất định. Có thể giảm thiểu những rủi ro này bằng cách đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa của các bên liên quan trong quá trình thẩm định.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Cố gắng **xác định các cơ hội** cho lợi ích phát triển, chẳng hạn như thông qua: tạo ra các mối liên kết phía trước và phía sau tại địa phương, tạo công ăn việc làm tại địa phương với môi trường làm việc an toàn; đa dạng hóa các cơ hội tạo thu nhập; phát triển năng lực; mua sắm địa phương; chuyển giao công nghệ; cải thiện cơ sở hạ tầng địa phương; tiếp cận tốt hơn với tín dụng và thị trường, đặc biệt là cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; chi trả dịch vụ môi trường; phân bổ doanh thu; hoặc tạo ra các quỹ ủy thác.[19]
- Đảm bảo rằng hoạt động doanh nghiệp **phù hợp với các ưu tiên phát triển** và mục đích xã hội của chính quyền sở tại.[20]
- Chia sẻ **các lợi ích bằng tiền và phi tiền tệ** phát sinh từ các hoạt động có sử dụng đất đai, nguồn lực và tri thức của người dân bản địa dựa trên quá trình tham vấn và các đánh giá ESHRIA, theo cách thức không làm lợi một cách vô lý cho các nhóm cụ thể, nhưng đồng thời thúc đẩy phát triển xã hội bền vững và công bằng.[21]

1.5 Cơ chế khiếu nại

Các rủi ro

Các cơ chế khiếu nại ở cấp độ hoạt động được thiết kế như các hệ thống nhận thức rủi ro cảnh báo sớm cung cấp cách thức giải quyết có lợi cho đôi bên, giản tiện và mang tính địa phương để giải quyết các vấn đề giữa doanh nghiệp và cộng đồng bị ảnh hưởng, bao gồm cả những người có quyền chiếm giữ, bằng cách giải quyết các tranh chấp nhỏ một cách nhanh chóng, ít tốn kém, và công bằng trước khi chúng được nâng lên thành các cơ chế giải quyết tranh chấp chính thức, ví dụ như tòa án tư pháp (IFC, 2009). Các cơ chế này có thể cung cấp thông tin phản hồi có giá trị cho doanh nghiệp bằng cách: hoạt động như một hệ thống cảnh báo sớm các vấn đề lớn hơn; cung cấp thông tin chi tiết từ các cá nhân để làm nổi bật các cơ hội cải thiện hoạt động hoặc hệ thống quản lý của doanh nghiệp; và chỉ ra những khả năng thay đổi của hệ thống để đảm bảo không tái diễn những khiếu nại cụ thể (CAO, 2008).

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- **Điều chỉnh quy mô** cơ chế khiếu nại phù hợp với các rủi ro và tác động bất lợi của các hoạt động doanh nghiệp, với mục đích giải quyết khúc mắc nhanh gọn, sử dụng quy trình tham vấn dễ tiếp cận, phù hợp với văn hóa, minh bạch và dễ hiểu, mà không trả đũa bên phát sinh vấn đề hoặc mối quan tâm.[22]
- **Mời các bên liên quan bị ảnh hưởng tham gia** vào quá trình thiết kế và hoạt động của cơ chế này để đảm bảo rằng: cơ chế đáp ứng đúng nhu cầu của họ; họ sẽ sử dụng cơ chế này trong thực tiễn, và có sự quan tâm chung trong việc đảm bảo thành công của cơ chế.[23]
- Tránh sử dụng các cơ chế khiếu nại do doanh nghiệp tạo ra để **ngăn cản tiếp cận** các cơ chế khiếu nại tư pháp và phi tư pháp, bao gồm các NCP theo Bộ Hướng dẫn của OECD, hoặc làm suy yếu vai trò của công đoàn trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến lao động.[24]

Ngoài ra, các tiêu chí hiệu quả của các cơ chế khiếu nại phi tư pháp nằm trong Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hiệp Quốc (Nguyên tắc 31) cũng cung cấp một góc nhìn tham khảo quan trọng: các cơ chế khiếu nại phi tư pháp, dù thuộc Nhà nước hay không, cần tuân theo các tiêu chí được ghi rõ trong Bảng A.1 để đảm bảo hiệu quả.

Bảng A.1. **Đặc điểm của các cơ chế khiếu nại hiệu quả**

Hợp pháp	Tạo sự tin tưởng từ các nhóm bên liên quan mà cơ chế khiếu nại nhắm đến, và chịu trách nhiệm về việc thực hiện hợp lý các quy trình khiếu nại.
Dễ tiếp cận	Phải được thông tin tới các nhóm bên liên quan mà cơ chế nhắm tới, phải hỗ trợ thỏa đáng những người gặp phải các rào cản cụ thể trong tiếp cận.
Dễ đoán	Cung cấp một quy trình rõ ràng và đã biết với khung thời gian cụ thể cho từng giai đoạn, cũng như rõ ràng về các loại quy trình và kết quả có sẵn và các phương tiện giám sát thực hiện.
Công bằng	Tìm cách đảm bảo rằng các bên bị vi phạm có quyền truy cập hợp lý các nguồn thông tin, lời khuyên và kiến thức chuyên môn cần thiết để tham gia vào quá trình khiếu nại theo cách công bằng, được thông tin và tôn trọng
Minh bạch	Thông báo cho các bên trong đơn khiếu nại về tiến độ khiếu nại và cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của cơ chế để xây dựng lòng tin về tính hiệu quả của cơ chế và đáp ứng bất kỳ lợi ích nào đang bị đe dọa.
Phù hợp về quyền	Đảm bảo rằng kết quả và giải pháp khắc phục phù hợp với các quyền con người được quốc tế công nhận
Nguồn học hỏi liên tục	Rút ra các bài học từ những biện pháp liên quan để cải thiện cơ chế và tránh các khiếu nại và tổn hại trong tương lai.
Dựa trên sự tham gia và đối thoại	Tham vấn các nhóm bên liên quan là đối tượng thiết kế và hoạt động của cơ chế, tập trung vào đối thoại như một cách thức giải quyết khiếu nại.

Nguồn: Nguyên tắc Hướng dẫn của LHQ, Nguyên tắc 31.

2. Quyền con người

Các rủi ro

Các doanh nghiệp có thể đối mặt rủi ro không tôn trọng các quyền con người khi gây ra hay góp phần gây ra các tác động bất lợi về quyền con người trong bối cảnh hoạt động của họ và không thể giải quyết được các tác động này khi chúng xảy ra. Họ cần ngăn chặn hoặc giảm thiểu các tác động bất lợi về quyền con người trực tiếp liên quan đến hoạt động kinh doanh, sản phẩm hay dịch vụ của họ thông qua mối quan hệ kinh doanh.[25] Trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tôn trọng quyền con người tồn tại độc lập với khả năng và/hoặc sự sẵn sàng của các quốc gia trong việc thực hiện các nghĩa vụ về quyền con người của chính họ và không làm giảm các nghĩa vụ này.[26] Nếu luật pháp của quốc gia không được xây dựng và thực thi đầy đủ, các doanh nghiệp cần thực hiện thẩm định tăng cường để xác định và giải quyết các nguy cơ tác động xấu đến quyền con người.

Cần lưu ý đến sự phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các quyền con người, bao gồm các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự và chính trị. Doanh nghiệp nên thường xuyên xem xét trách nhiệm của mình liên quan đến quyền con người để hiểu một cách định tính liệu họ có đang không tôn trọng quyền con người, bao gồm cả những quyền không được đề cập cụ thể trong Hướng dẫn này không.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- **Xác định các chủ thể quyền con người** có thể bị ảnh hưởng bởi hoạt động của doanh nghiệp và các đối tác kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này thường đòi hỏi phải tiến hành đánh giá sâu tìm hiểu thực tế về các hoạt động và mối quan hệ thực tế hoặc tiềm năng của doanh nghiệp, sau đó đánh giá định tính các hoạt động đó theo các tiêu chuẩn về quyền con người để xác định các chủ thể quyền có thể bị ảnh hưởng. Chủ động tham vấn với các bên liên quan là cần thiết để hiểu đầy đủ tất cả các tác động tiêu cực tiềm ẩn từ hoạt động và các mối quan hệ của doanh nghiệp.[27]
- **Thực hiện thẩm định về quyền con người** bằng cách đánh giá các tác động thực tế và tiềm tàng về quyền con người, [28] tích hợp và hành động dựa trên các phát hiện, theo dõi các phản ứng và thông tin về cách giải quyết tác động. Thẩm định về quyền con người là một hoạt động diễn ra liên tục, nhận thức rằng các rủi ro về quyền con người có thể thay đổi theo thời gian khi các hoạt động và bối cảnh hoạt động thay đổi.[29]
- Đảm bảo rằng **tất cả các bên liên quan được đối xử công bằng**, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ, thanh niên và dân tộc thiểu số, nhận thức về hoàn cảnh tương ứng của các nhóm này, những ràng buộc và nhu cầu tương ứng của họ.[30]
- Thừa nhận vai trò quan trọng của phụ nữ trong nông nghiệp và thực hiện các biện pháp thích hợp để xóa bỏ **phân biệt đối xử với phụ nữ** và giúp đảm bảo sự phát triển và thăng tiến nghề nghiệp đầy đủ của họ, [31] bao gồm tạo điều kiện tiếp cận bình đẳng và kiểm soát các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đầu vào, công cụ sản xuất, dịch vụ tư vấn và tài chính, đào tạo, thị trường và thông tin.[32]

3. Quyền lao động

Các rủi ro

Doanh nghiệp có thể mang lại những lợi ích đáng kể cho các quốc gia và xã hội sở tại bằng cách đóng góp vào phúc lợi kinh tế và xã hội thông qua cải thiện mức sống và tạo ra các cơ hội việc làm hấp dẫn, tạo điều kiện cho việc thụ hưởng các quyền con người và quyền lao động. Ngoài việc đảm bảo các tiêu chuẩn lao động cốt lõi cho người lao động của họ, họ có thể giúp cải thiện điều kiện làm việc của người lao động phi chính thức, bao gồm cả trong các trang trại tự cung tự cấp.

Các quốc gia thành viên của Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR) thừa nhận quyền thụ hưởng các điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi (Điều 7) và thành lập công đoàn (Điều 8). Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR) cũng bảo vệ quyền thành lập và gia nhập công đoàn. Các công ước lao động quốc tế[33] cũng đề cập đến các quyền liên quan đến công việc. [34] Trong khi các công ước về quyền con người như ICESCR và ICCPR nhắm tới các quốc gia, doanh nghiệp có thể tác động tiêu cực đến việc thụ hưởng các quyền được nêu trong các Công ước đó. Do đó, họ đóng một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ thực hiện liên tục các quyền này. Việc tôn trọng các quyền lao động có trong các công ước này, bao gồm tám công ước cơ bản của ILO, có thể giúp doanh nghiệp giảm thiểu tác động tiêu cực và tối đa hóa tác động tích cực. Ví dụ, việc thiết lập một cơ chế đối thoại thực sự với đại diện của người lao động được lựa chọn tự do cho phép cả người lao động và người sử dụng lao động hiểu rõ hơn những thách thức của nhau và tìm cách giải quyết chúng (ILO, 2006).

Tuy nhiên, tôn trọng quyền lao động trong lĩnh vực nông nghiệp có thể là một thách thức, vì việc làm độc lập và được trả lương thường không chính thức, và nhiều lao động

nông nghiệp không thuộc phạm vi điều chỉnh của luật lao động (LHQ, 2009). 60% lao động trẻ em từ 5-17 tuổi làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp (ILO, 2011a). Điều kiện sống và làm việc của công nhân đồn điền cũng tiếp tục là một nguồn quan tâm, đặc biệt là việc thử thai bắt buộc, nợ nần, và các rủi ro sức khỏe liên quan đến việc lạm dụng thuốc trừ sâu rộng rãi (LHQ, 2009).

Các nhóm bị thiệt thòi, chẳng hạn như phụ nữ, thanh thiếu niên, lao động bản địa và di cư, cũng như lao động làm công việc bình thường, theo công việc hoặc thời vụ, và lao động phi chính thức, thường phải đối mặt với các điều kiện làm việc bị ngược đãi hoặc tồi tệ (LHQ, 2009). Tình trạng của phụ nữ làm nảy sinh những rủi ro cụ thể: ở các nước đang phát triển, 43% lực lượng lao động nông nghiệp là phụ nữ nhưng ngành nông nghiệp có xu hướng coi các công việc của nữ là lao động phổ thông, sử dụng phụ nữ cho các công việc cần nhiều lao động và trả lương cho họ thấp hơn nam giới cùng với ít cơ hội thăng tiến hơn (ILO, 2011b).

Vi phạm các quyền lao động cốt lõi có thể khuyến khích những căng thẳng xã hội gây rối loạn và có thể ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp sử dụng các phương thức tuyển dụng và nghề nghiệp phân biệt đối xử sẽ tự hạn chế khả năng tiếp cận các nhân tài có nhiều kỹ năng và năng lực hơn. Cảm giác bất công và bất bình do phân biệt đối xử có thể ảnh hưởng đến kết quả làm việc của người lao động (ILO, 2008).

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro[35]

Bảo vệ người lao động

- Được hướng dẫn trong suốt quá trình hoạt động theo **nguyên tắc bình đẳng về cơ hội và đối xử trong việc làm** và không phân biệt đối xử với người lao động về việc làm hoặc nghề nghiệp dựa trên chủng tộc, màu da, khuynh hướng tình dục hoặc bản dạng giới, tôn giáo, quan điểm chính trị, quốc tịch hoặc nguồn gốc xã hội, hoặc địa vị khác, trừ khi tính chọn lọc liên quan đến đặc điểm của người lao động là để đẩy mạnh các chính sách chính phủ đã thiết lập nhằm thúc đẩy sự bình đẳng hơn về cơ hội việc làm hoặc liên quan đến các yêu cầu vốn có của công việc; lấy trình độ, kỹ năng và kinh nghiệm làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bố trí, đào tạo và thăng tiến cán bộ các cấp.[36]
- Tôn trọng **độ tuổi tối thiểu** để được nhận vào làm hoặc làm việc để đảm bảo xóa bỏ nạn lao động trẻ em.[37]
- Không sử dụng hoặc hưởng lợi từ **lao động cưỡng bức**, bao gồm bất kỳ công việc hoặc dịch vụ nào không được thực hiện một cách tự nguyện từ một cá nhân đang bị đe dọa bằng vũ lực hoặc hình phạt.
- **Giám sát** chuỗi cung ứng chính thường xuyên để xác định bất kỳ thay đổi quan trọng nào hoặc rủi ro hoặc sự cố mới về trẻ em và/hoặc lao động cưỡng bức, và làm việc với các nhà cung cấp chính để thực hiện hành động xử lý và khắc phục chúng.[38]

Điều kiện làm việc tử tế

- Tuân thủ **các tiêu chuẩn về việc làm** và quan hệ lao động không kém thuận lợi hơn so với các tiêu chuẩn mà các nhà tuyển dụng tương đương đang tuân thủ. Nếu không có các nhà tuyển dụng tương đương ở quốc gia mà doanh nghiệp hoạt động, hãy áp dụng mức lương, lợi ích và điều kiện làm việc tốt nhất có thể trong khuôn khổ chính sách của chính phủ. Những thứ này ít nhất phải đủ để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người lao động và gia đình họ.[39]

- Nỗ lực cung cấp **việc làm ổn định** cho người lao động và tuân thủ các nghĩa vụ được thỏa thuận tự do liên quan đến ổn định việc làm và an sinh xã hội.[40]
- Khi xem xét những thay đổi trong hoạt động sẽ ảnh hưởng lớn đến việc làm, hãy **thông báo một cách hợp lý về những thay đổi đó** cho đại diện của người lao động, và nếu thích hợp, cho các cơ quan chính phủ có liên quan, và hợp tác với họ để giảm thiểu đến mức tối đa các tác động bất lợi có thể xảy ra trên thực tế.[41]

Đại diện của người lao động và thương lượng tập thể

- Nhận thức được tầm quan trọng của **môi trường tin cậy và hiểu biết lẫn nhau** vốn tạo thuận lợi cho nguyện vọng của người lao động.[42]
- Nhận thức được rằng người lao động có quyền **thành lập và tham gia các tổ chức** do họ lựa chọn mà không cần sự cho phép trước đó và không bị bất kì phân biệt đối xử nào.
- Thiết lập các hệ thống **tham vấn và hợp tác** thường xuyên giữa người sử dụng lao động và người lao động và đại diện của họ về các vấn đề cùng quan tâm, cũng như với các cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo tuân thủ các chính sách phát triển xã hội quốc gia
- Thiết lập các hệ thống cung cấp **thông tin** thường xuyên cho người lao động và đại diện của họ để hỗ trợ đàm phán có ý nghĩa về điều kiện việc làm và giúp họ có được cái nhìn đúng đắn và công bằng về hoạt động của doanh nghiệp.[43]
- Tránh **hành động phân biệt đối xử hoặc kỷ luật** đối với những người lao động thực hiện báo cáo trung thực cho ban giám đốc hoặc, nếu thích hợp với các cơ quan công quyền có thẩm quyền về các hành vi vi phạm pháp luật, Bộ Hướng dẫn của OECD hoặc chính sách của doanh nghiệp.
- Không đe dọa **chuyển** toàn bộ hoặc một phần đơn vị điều hành khỏi quốc gia liên quan hoặc chuyển công nhân từ các đơn vị thành phần ở các quốc gia khác để gây ảnh hưởng đến các cuộc đàm phán không công bằng với đại diện của người lao động hoặc cản trở việc thực hiện quyền tổ chức của người lao động.
- Không trả đũa, can thiệp hoặc phân biệt đối xử chống lại đại diện của người lao động.[44]
- Cho phép đại diện của người lao động được ủy quyền đàm phán về **thương lượng tập thể và các quan hệ quản lý lao động**.
- Đưa vào nội dung thỏa ước tập thể các điều khoản **giải quyết các tranh chấp** phát sinh từ việc diễn giải và áp dụng các thỏa thuận đó để đảm bảo các quyền và trách nhiệm cùng được tôn trọng.[45]

Việc làm tại địa phương

- Ở mức độ cao nhất có thể thực hiện được và không phân biệt đối xử, **sử dụng lao động địa phương**, kể cả ở các vị trí quản lý, và cung cấp đào tạo nhằm nâng cao trình độ kỹ năng, hợp tác với đại diện của người lao động và các cơ quan chính phủ có liên quan, nếu phù hợp.[46]

Đào tạo

- Đảm bảo rằng người lao động nhận được đào tạo có liên quan ở tất cả các cấp độ để đáp ứng nhu cầu của hoạt động, nếu phù hợp, hợp tác với cơ quan chính phủ, tổ chức

của người sử dụng lao động và người lao động có liên quan. Việc đào tạo này, trong chừng mực có thể, phải phát triển các kỹ năng hữu ích nói chung và thúc đẩy các cơ hội nghề nghiệp.

- Khi hoạt động ở các nước đang phát triển, hãy tham gia vào các chương trình do chính phủ khuyến khích và được hỗ trợ bởi các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động nhằm khuyến khích **hình thành** và phát triển **kỹ năng** và hướng nghiệp.[47]
- Cung cấp các chương trình đào tạo, giáo dục và cố vấn thích hợp cho **thanh niên** nhằm nâng cao năng lực và/hoặc khả năng tiếp cận công việc và tinh thần kinh doanh tử tế, đồng thời thúc đẩy phụ nữ tiếp cận đào tạo.[48]
- Bất cứ khi nào khả thi, **đảm bảo sự sẵn có của dịch vụ nhân sự nguồn có kỹ năng** để giúp đỡ trong các chương trình đào tạo do chính phủ tổ chức như một phần đóng góp vào sự phát triển quốc gia.[49]

4. Sức khỏe và an toàn

Các rủi ro

Các hoạt động nông nghiệp thường liên quan đến một số hoạt động độc hại nhất đối với người lao động và nhiều công nhân nông nghiệp bị tai nạn lao động và ốm đau. Tiếp xúc với thời tiết xấu, tiếp xúc gần với động vật hoặc thực vật nguy hiểm, sử dụng nhiều sản phẩm hóa chất, tư thế làm việc khó khăn và thời gian lao động dài, sử dụng các công cụ và máy móc nguy hiểm đều dẫn đến các vấn đề về sức khỏe (IFPRI, 2006). Ví dụ, ước tính số vụ ngộ độc thuốc trừ sâu vào khoảng từ 2 đến 5 triệu mỗi năm, trong đó có 40.000 ca tử vong (ILO, 2005 và 2011b). Thay đổi mục đích sử dụng đất, mất vùng đệm tự nhiên, chẳng hạn như đất ngập nước, rừng ngập mặn và rừng nương vốn có tác dụng làm giảm tác động của các hiểm họa thiên nhiên (lũ lụt, sạt lở đất và hỏa hoạn), hoặc sự suy giảm hoặc suy thoái của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bao gồm giảm chất lượng, số lượng, và sự sẵn có của nước ngọt, có thể làm tăng tính dễ bị tổn thương và các tác động liên quan đến an toàn cộng đồng (IFC, 2012).

Sức khỏe con người có thể bị đe dọa với mức độ không an toàn của các mối nguy sinh học, hóa học hoặc vật lý trong thực phẩm. Những mối nguy này bắt nguồn từ môi trường (ví dụ như kim loại độc, dioxin và các chất độc có trong tự nhiên), thực hành nông nghiệp (ví dụ: dư lượng thuốc thú y và thuốc trừ sâu), hoặc xử lý sản phẩm không tốt (ví dụ: nấm mốc gây bệnh). Các mối nguy vật lý bao gồm rác thải, sâu bệnh, tóc hoặc nhựa. Các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, bao gồm hệ thống kiểm soát 'từ nông trại đến bàn ăn' hoàn chỉnh kết hợp các biện pháp an toàn sinh học và sử dụng nước an toàn, có thể ngăn ngừa những rủi ro này.

Sức khỏe con người cũng liên quan chặt chẽ đến sức khỏe động vật. Khái niệm "Một sức khỏe" được đưa ra trên cơ sở nhận thức về sự tồn tại của những cơ hội lớn để bảo vệ sức khỏe cộng đồng thông qua các chính sách nhằm ngăn ngừa và kiểm soát mầm bệnh ở cấp độ quần thể động vật, ở giao diện giữa con người, động vật và môi trường. Khái niệm này đã được một số chính phủ tán thành và dẫn đến các biện pháp nhằm ngăn ngừa các bệnh ảnh hưởng đến cả người và động vật và đảm bảo việc sử dụng kháng sinh có trách nhiệm cho cả hai.[50] 60% mầm bệnh gây bệnh truyền nhiễm ở người có nguồn gốc từ động vật. Những bệnh này, được gọi là bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã, có thể được truyền qua động vật nuôi hoặc động vật hoang dã. Các bệnh từ động vật truyền sang người gây nguy cơ cho sức khỏe cộng đồng trên toàn thế giới. Một giải pháp hiệu quả và kinh tế để bảo vệ con người là chống lại tất cả các mầm bệnh truyền từ động vật thông qua việc kiểm soát chúng tại nguồn động vật.

ICESCR quy định việc thực hiện từng bước quyền thụ hưởng tiêu chuẩn sức khỏe thể chất và tinh thần cao nhất có thể đạt được (Điều 12). Ủy ban các Quyền Kinh tế, Xã hội và

Văn hóa[51] giải thích quyền này là "một quyền toàn diện không chỉ mở rộng cho việc chăm sóc sức khỏe kịp thời và thích hợp mà còn cho các yếu tố cơ bản quyết định sức khỏe, chẳng hạn như tiếp cận với nguồn nước sạch và an toàn, vệ sinh đầy đủ, cung cấp đầy đủ về thực phẩm an toàn, dinh dưỡng và nhà ở, các điều kiện nghề nghiệp và môi trường lành mạnh, cũng như tiếp cận thông tin và giáo dục liên quan đến sức khỏe". Ủy ban tuyên bố rằng "quyền về sức khỏe, giống như tất cả các quyền con người, đặt ra ba loại hoặc mức độ nghĩa vụ đối với các quốc gia thành viên: tôn trọng, bảo vệ và thực hiện. Đến lượt nó, nghĩa vụ thực hiện bao gồm các nghĩa vụ tạo điều kiện, cung cấp và thúc đẩy." [52]

Trong khi các công ước về quyền con người như ICESCR chú trọng tới các quốc gia, thì các doanh nghiệp có thể tác động tiêu cực đến việc thực hiện từng bước quyền thụ hưởng tiêu chuẩn sức khỏe thể chất và tinh thần cao nhất có thể đạt được hoặc làm suy yếu các hành động của quốc gia thành viên để từng bước hiện thực hóa nó. Do đó, họ có một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ từng bước thực hiện quyền này. Ngoài các rủi ro sức khỏe trực tiếp được nêu chi tiết ở trên, các hoạt động nông nghiệp và hệ thống thực phẩm có thể ảnh hưởng gián tiếp hơn đến sức khỏe của cá nhân.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro[53]

- Đánh giá các **rủi ro và tác động** đến sức khỏe và sự an toàn của các cộng đồng bị ảnh hưởng trong suốt quá trình hoạt động.
- Thiết lập các **biện pháp phòng ngừa và kiểm soát** phù hợp với thông lệ tốt của quốc tế trong lĩnh vực này,[54] và tương xứng với bản chất và mức độ của các rủi ro và tác động đã được xác định, cố gắng tránh, và nếu không thành công, giảm thiểu rủi ro và tác động.
- Tránh hoặc giảm thiểu việc người lao động, bên thứ ba và cộng đồng tiếp xúc với các vật liệu và chất độc hại có thể thải ra từ các hoạt động, bao gồm bằng cách sửa đổi, thay thế hoặc loại bỏ tình trạng hoặc vật liệu gây ra các nguy cơ tiềm ẩn và bằng cách thực hiện các nỗ lực hợp lý để kiểm soát an toàn trong quá trình giao nhận, vận chuyển và tiêu hủy các vật liệu và chất thải nguy hiểm.
- Tránh hoặc giảm thiểu việc người lao động, bên thứ ba và cộng đồng tiếp xúc với các **vật liệu và chất độc hại** có thể thải ra từ các hoạt động, thông qua sửa đổi, thay thế hoặc loại bỏ tình trạng hoặc vật liệu gây ra các nguy cơ tiềm ẩn và thông qua thực hiện các nỗ lực hợp lý để kiểm soát sự an toàn trong giao nhận, vận chuyển và tiêu hủy các vật liệu và chất thải nguy hiểm
- Tránh hoặc giảm thiểu khả năng cộng đồng phơi nhiễm với các **bệnh** lây truyền qua nước, nguồn gốc từ nước, liên quan đến nước, do véc tơ truyền và các bệnh truyền nhiễm có thể xảy ra từ các hoạt động, có tính đến mức độ phơi nhiễm khác biệt và mức độ nhạy cảm cao hơn của các nhóm dễ bị tổn thương
- Hỗ trợ và hợp tác với các cộng đồng bị ảnh hưởng, các cơ quan chính quyền địa phương và các bên liên quan khác trong quá trình chuẩn bị của họ để ứng phó hiệu quả với các **tình huống khẩn cấp**, đặc biệt khi sự tham gia và cộng tác của họ là cần thiết để ứng phó với các tình huống khẩn cấp đó.[55]
- Xem xét việc tuân thủ các **tiêu chuẩn an toàn thực phẩm** toàn cầu, chẳng hạn như Tiêu chuẩn Codex, [56] các tiêu chuẩn sức khỏe động vật toàn cầu, chẳng hạn như Tiêu chuẩn OIE.[57]
- Thúc đẩy truy xuất nguồn gốc để đảm bảo an toàn thực phẩm nhưng cũng để tạo thuận lợi cho việc quản lý xã hội và môi trường và tăng cường sự tin tưởng.[58]

5. An ninh lương thực và dinh dưỡng

Các rủi ro

Theo ICESCR (Điều 11), lương thực đầy đủ là một phần của quyền có mức sống đầy đủ.[59] Các quốc gia thành viên của ICESCR cam kết thực hiện các bước để dần dần hiện thực hóa quyền có mức sống đầy đủ, bao gồm lương thực đầy đủ. ICESCR cũng công nhận mọi người quyền cơ bản là không bị đói. Nhận thức được quyền này, các quốc gia thành viên cần xem xét thực hiện các biện pháp cần thiết để cải thiện các phương pháp sản xuất, bảo quản và phân phối lương thực, và tính đến các vấn đề của các quốc gia nhập khẩu và xuất khẩu lương thực. Ủy ban về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa đã giải thích rằng những quyền này đạt được "khi mỗi người đàn ông, phụ nữ, và trẻ em, sống một mình hay trong cộng đồng cùng những người khác, luôn luôn có thể tiếp cận về thể chất và kinh tế với lương thực đầy đủ hoặc các phương tiện để mua sắm lương thực đầy đủ". Ủy ban cũng tuyên bố rằng "quyền có lương thực đầy đủ, giống như bất kì quyền con người nào khác, đặt ra ba loại hoặc cấp độ nghĩa vụ đối với các quốc gia thành viên: nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ, và thực hiện" và rằng "là một phần của các nghĩa vụ bảo vệ cơ sở tài nguyên lương thực, các quốc gia thành viên cần có những bước đi thích hợp để đảm bảo hoạt động của khối doanh nghiệp tư nhân và xã hội dân sự phải phù hợp với quyền có lương thực này".[60]

Hướng dẫn Tham khảo của FAO nhằm hỗ trợ việc từng bước thực hiện quyền có lương thực đầy đủ trong bối cảnh an ninh lương thực quốc gia đưa ra hướng dẫn cho các chính phủ trong việc thực hiện quyền có lương thực đầy đủ, trong đó bao gồm thúc đẩy sự sẵn có của lương thực với số lượng đầy đủ và chất lượng đủ thỏa mãn nhu cầu ăn uống của các cá nhân, cũng như khả năng tiếp cận được về mặt thể chất và kinh tế với lương thực đầy đủ, không chứa các chất không an toàn và có thể chấp nhận được trong bối cảnh văn hóa nhất định, hoặc các phương cách để mua lương thực. Hướng dẫn này khuyến khích các chính phủ có biện pháp đảm bảo rằng tất cả lương thực, dù là sản xuất tại địa phương hay nhập khẩu, sẵn có và miễn phí hay được bán trên thị trường, phải an toàn và phù hợp với các tiêu chí về an toàn thực phẩm quốc gia. Hướng dẫn này cũng đề nghị các chính phủ thiết lập các hệ thống kiểm soát lương thực toàn diện và hợp lý giúp giảm nguy cơ các bệnh truyền qua thực phẩm, sử dụng các cơ chế phân tích và giám sát rủi ro để đảm bảo an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi thực phẩm, bao gồm cả thức ăn cho động vật.

Trong khi Hướng dẫn này của FAO tập trung vào các quốc gia, các doanh nghiệp cũng có vai trò rất quan trọng. Đầu tư nông nghiệp đã tăng lên sau khi giá lương thực tăng trong năm 2008, đặc biệt để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về lương thực – ước tính rằng sản xuất lương thực toàn cầu sẽ cần phải tăng thêm 60% tới năm 2050 để đáp ứng nhu cầu dự kiến. Trong khi những khoản đầu tư này hứa hẹn gia tăng sản xuất, giảm đói nghèo, và thúc đẩy phát triển kinh tế, chúng cũng có thể làm suy yếu khả năng tiếp cận lương thực theo nhiều cách khác nhau. Một trong những tác động bất lợi nổi bật nhất có thể bắt nguồn từ việc thu hồi những vùng đất rộng lớn, và trong quá trình này, các cộng đồng phải di dời, hoặc bị cản trở tiếp cận lương thực (FAO, 2010).

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Trong phạm vi có thể, hãy **xem xét các tác động của các hoạt động** đối với sự sẵn có và khả năng tiếp cận lương thực, việc làm tại địa phương, sở thích ăn uống và sự ổn định của nguồn cung lương thực, bao gồm cả sự tham gia của chính quyền địa phương và các bên liên quan khác.
- Khi phù hợp, xác định **các mối quan tâm liên quan đến lương thực** của các bên liên quan khác nhau và đánh giá các chiến lược để đạt được các mục tiêu đầu tư trong khi vẫn tôn trọng các mối quan tâm liên quan đến lương thực của các bên liên quan khác, thông qua tham vấn với các bên liên quan.
- Trong phạm vi có thể, **điều chỉnh thiết kế dự án** để giải quyết những lo ngại về tác động tiêu cực đến an ninh lương thực và dinh dưỡng, chẳng hạn: xem xét các khoản đầu tư thay thế khả thi nếu các khoản đầu tư dự kiến dẫn đến sự di dời về thể chất và/hoặc kinh tế của

cộng đồng địa phương; cải tạo đất bạc màu hoặc chọn đất trước đây chưa sử dụng vào nông nghiệp không nhạy cảm về môi trường; hoặc nâng cao năng suất nông nghiệp thông qua thâm canh bền vững nhằm góp phần đảm bảo an ninh lương thực và dinh dưỡng.

- Trong phạm vi có thể, **xem xét việc góp phần** cải thiện khả năng tiếp cận lương thực và khả năng phục hồi và dinh dưỡng[61] của người dân địa phương bằng cách: tăng cường sản xuất các loại thực phẩm an toàn, giàu dinh dưỡng và đa dạng, đồng thời thúc đẩy giá trị dinh dưỡng của thực phẩm và nông sản; tạo điều kiện tiếp cận đầu vào, công nghệ và thị trường; tạo việc làm trong các hoạt động hạ nguồn; hoặc thiết lập các cơ sở lưu trữ cộng đồng để giảm tổn thất sau thu hoạch và biến động giá cả.[62]

6. Quyền chiếm giữ và tiếp cận tài nguyên

Các rủi ro

Rủi ro về quyền chiếm giữ đất, phát sinh khi một số khiếu nại về đất đai chồng chéo lên nhau, cho thấy một rủi ro có ý nghĩa thống kê trong các khoản đầu tư nhượng quyền ở các nền kinh tế mới nổi (Dự án Munden, 2013). Thật vậy, trong số 39 khoản đầu tư kinh doanh nông nghiệp quy mô lớn được Ngân hàng Thế giới và UNCTAD phân tích, quyền chiếm giữ đất được cho là nguyên nhân phổ biến nhất gây ra bất bình cho các cộng đồng bị ảnh hưởng, đặc biệt do tranh chấp đất đai mà các cộng đồng có quyền sử dụng không chính thức, và sự thiếu minh bạch, đặc biệt về điều kiện và quy trình thu hồi đất (WB, 2014). Năm 2013, một nửa số vấn đề được nêu ra trong các thư khiếu nại gửi tới Văn phòng Cố vấn Tuân thủ của IFC và MIGA (CAO) [63] là liên quan đến đất đai. Thêm vài đó, kể từ năm 2000, một phần tư các vụ việc do CAO xử lý đều liên quan đến đất và nước. Áp lực gia tăng lên các nguồn tài nguyên này dẫn tới những lo ngại về việc tiếp cận, số lượng, và quản lý chúng, và cả đất và nước thường gắn liền với ý thức văn hóa và bản sắc. Trong các khiếu nại liên quan đến đất gửi tơi CAO, các khiếu nại cá nhân chủ yếu về thu hồi đất (22%), bồi thường (33%), và tái định cư (32%) (CAO, 2013).

Ngành công nghiệp thực phẩm và đồ uống chỉ đứng sau ngành công nghiệp khai mỏ ở khía cạnh là đối tượng nhận nhiều cáo buộc từ các tổ chức xã hội dân sự vì không xem xét đầy đủ các quyền liên quan đến tiếp cận đất và nước (EC, 2011). [64] Không nên chỉ nhìn nhận đất như một tài sản sản xuất. Các vai trò về môi trường và văn hóa xã hội của nó cũng cần được công nhận; đất có thể là nguồn cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái khác nhau, bao gồm nước uống và nước tưới, mạng lưới an toàn và bảo hiểm tuổi già cho nông dân. Đất đai cũng có thể đóng một vai trò quan trọng trong thực hành xã hội, văn hóa hoặc tôn giáo của người bản địa và cộng đồng địa phương.

Mặc dù các quốc gia có trách nhiệm chính trong việc bảo vệ quyền chiếm giữ, các doanh nghiệp nên cho rằng khung pháp lý có thể không phải lúc nào cũng đầy đủ. Thật vậy, ước tính khoảng 70% đơn vị sở hữu đất đai ở các nước đang phát triển không được đăng ký chính thức (UN HABITAT, 2015; McDermott và cộng sự, 2015). Do đó, doanh nghiệp cần chủ động đảm bảo rằng họ tôn trọng quyền chiếm giữ hợp pháp. Đặc biệt, cần xem xét các rủi ro sau đây:

- Rủi ro phát sinh khi luật pháp quốc gia không phản ánh toàn bộ mức độ đầy đủ của quyền chiếm giữ hợp pháp hoặc khi luật đó không được thực hiện một cách hiệu quả. Ví dụ, hệ thống đăng ký và quản lý đất đai quốc gia có thể không đầy đủ, không bảo vệ được quyền chiếm giữ của người sử dụng đất, đặc biệt là phụ nữ và cung cấp cho doanh nghiệp thông tin không đầy đủ về các khiếu nại đất đai liên quan. Quyền chiếm giữ đất có thể phức tạp hơn nữa khi đất chỉ được sử dụng theo mùa và có thể không được sử dụng, ví dụ như nếu nó đã bị bỏ hoang bởi những người đã di dời trong nước hoặc nếu nó được sử dụng làm

đồng cỏ, làm thức ăn gia súc hoặc làm nông nghiệp. Sau đó, doanh nghiệp có thể loại khỏi tham vấn một số chủ thể quyền (dù là theo luật định hay tập quán, chính hay phụ, chính thức hay phi chính thức) có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi hoạt động của họ (OECD, 2011)

- Rủi ro có thể gia tăng nếu các quốc gia không đưa ra các quy tắc rõ ràng và minh bạch cho việc tham vấn giữa doanh nghiệp và các bên liên quan, hoặc các biện pháp bảo vệ để bảo vệ quyền chiếm giữ hiện có khỏi rủi ro phát sinh từ các giao dịch quy mô lớn về quyền chiếm giữ. Cụ thể, các doanh nghiệp có thể gặp rủi ro nếu các quy tắc quốc gia không được thực hiện hoặc không đủ để: (i) đảm bảo sự tham gia thích hợp một cách thiện chí và phù hợp về mặt văn hóa với những chủ thể quyền chiếm giữ, và (ii) xác định các thể thức theo đó đất đai và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác sẽ được chuyển giao và sử dụng, bao gồm thông qua việc sử dụng các đánh giá trước và sau tác động độc lập và có sự tham gia của người dân, và/hoặc các phương thức để khắc phục (UN, 2009). Sự thiếu đồng bộ trong tham vấn về thu hồi đất có thể gây ra căng thẳng và có thể là xung đột giữa các doanh nghiệp và cộng đồng – đối tượng có thể cảm thấy bị loại ra khỏi quá trình và tranh chấp với quyền của doanh nghiệp (FAO, 2013)

- Trong khi chính phủ chịu trách nhiệm chính trong việc bồi thường nhanh chóng, đầy đủ và hiệu quả cho những chủ thể quyền chiếm giữ đất hợp pháp trước đây khi họ thu hồi đất, các doanh nghiệp có trách nhiệm đảm bảo rằng hoạt động của họ không dẫn đến việc tái định cư của cộng đồng địa phương mà không có sự tham vấn có ý nghĩa hoặc khiến người dân bị cưỡng chế di dời mà không được đền bù xứng đáng. Theo VGGT, các quốc gia chỉ nên tước quyền ở những nơi cần có quyền đất đai cho mục đích công cộng và cần định nghĩa rõ khái niệm mục đích công cộng trong luật để phục vụ xem xét tư pháp. Tuy nhiên, ở nhiều nước đang phát triển, định nghĩa không rõ ràng và/hoặc rộng rãi về mục đích công cộng, thiếu kế hoạch sử dụng đất, mức độ tham nhũng cao trong quản lý đất đai và đầu cơ đất đai, dẫn đến việc trưng thu trái pháp luật. Việc trưng thu như vậy có thể làm mất sinh kế của các cộng đồng địa phương, hạn chế việc tiếp cận đất đai và các nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng khác, do đó dẫn đến thiếu hụt dinh dưỡng, phân cực xã hội, nghèo đói kéo dài hoặc bất ổn chính trị. [65] Do đó, nó có thể cản trở khả năng tiếp cận lương thực đầy đủ. Việc trưng thu như vậy cũng có thể vi phạm quyền của người bản địa như được nêu trong Tuyên bố của Liên Hiệp Quốc về Quyền của Người bản địa. Doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng tiêu cực về danh tiếng và hoạt động nếu họ có liên quan đến việc trưng thu mà chính phủ không thực hiện tham vấn thích hợp với các cộng đồng địa phương hoặc không nhận được sự đồng thuận tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin của người dân bản địa và không được đền bù thỏa đáng. Điều này có thể gây ra căng thẳng và xung đột giữa các doanh nghiệp và cộng đồng cảm thấy bị loại trừ hoặc bị đối xử bất công (FAO, 2013). Trong trường hợp đó, doanh nghiệp nên xem xét các phương án rút khỏi các hoạt động đã được lên kế hoạch.

Mức độ rủi ro về quyền chiếm giữ đất tùy thuộc vào hình thức đầu tư. Đối với các khoản đầu tư vào lĩnh vực xanh, cần tiến hành thẩm định kỹ lưỡng để đảm bảo rằng các cộng đồng không bị chiếm đoạt cho các mục đích tư nhân và không được đền bù công bằng và nhanh chóng. Trong trường hợp đầu tư brownfield, liên doanh, và sáp nhập và mua lại, những người điều hành trước đây có thể đã được cấp quyền chiếm giữ đất và tranh chấp đất đai có thể bị chuyển cho người sau. Do đó, việc thẩm định phải đảm bảo rằng việc mua lại các quyền này tuân theo các tiêu chuẩn quy định trong Hướng dẫn này, đặc biệt là khi VGGT chỉ được thông qua vào năm 2012. Đầu tư vào các dự án hiện có tạo cơ hội cho doanh nghiệp đảm bảo rằng các quyền chiếm giữ đất đã được mua lại một cách hợp lý, và nếu không phải, họ sẽ tìm cách bồi thường cho các bên liên quan bị ảnh hưởng, và tái tham gia với cộng đồng địa phương để khám phá các mô hình hợp tác mới.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- **Xác định các chủ thể quyền** – bao gồm những người nắm giữ các quyền chiếm giữ không chỉ được chính thức công nhận, mà còn các quyền chiếm giữ công cộng, tư nhân, cộng đồng, tập thể, bản địa và tập quán có thể chưa được đăng ký và có tên chính thức, bao gồm cả quyền chiếm giữ của phụ nữ - và các bên liên quan khác, bao gồm thông qua các cuộc tham vấn mở tại địa phương.[66]

- **Thành lập một ủy ban đại diện** cho các bên liên quan để tư vấn về đánh giá tác động, đặc biệt là trong giai đoạn ban đầu (sàng lọc và xác định phạm vi) và về quản lý, giám sát và kế hoạch dự phòng. Cần đặc biệt xem xét để đảm bảo sự đại diện đầy đủ của người dân bản địa, cộng đồng địa phương và các nhóm yếu thế.[67]

- Xem xét các khoản đầu tư thay thế khả thi nếu các khoản đầu tư dự kiến dẫn đến sự **dịch chuyển vật chất và/hoặc kinh tế** của các cộng đồng địa phương, nhận thức rằng các quốc gia chỉ nên trưng thu khi các quyền đối với đất đai, ngư trường hoặc rừng được yêu cầu cho mục đích công cộng và họ phải định nghĩa rõ khái niệm mục đích công cộng trong luật. [68]

- Khi chủ thể quyền chiếm giữ bị tác động tiêu cực bởi hoạt động, hãy hợp tác với chính phủ để đảm bảo rằng chủ thể quyền chiếm giữ được **bồi thường** công bằng, nhanh chóng và thích hợp cho những quyền chiếm giữ bị tác động tiêu cực bởi hoạt động, bằng cách:

  – tổ chức các buổi tham vấn thiện chí, hiệu quả, và ý nghĩa về mức bồi thường được đưa ra và đảm bảo áp dụng nhất quán và minh bạch theo các tiêu chuẩn bồi thường

  – ưu tiên bồi thường dựa trên đất, tương xứng về chất lượng, quy mô và giá trị, hoặc bồi thường với chi phí đầy đủ đúng với tài sản bị mất – bao gồm tài sản ngoài đất (cây trồng, nguồn nước, hạ tầng thủy lợi, và cải tạo đất) – và các hỗ trợ khác để giúp họ cải thiện hoặc khôi phục mức sống và sinh kế

  – giám sát việc thực hiện sắp xếp bồi thường.[69]

- Khi năng lực của chính phủ còn hạn chế, hãy đóng vai trò tích cực trong việc lập kế hoạch, thực hiện và giám sát tái định cư.[70]

7. Phúc lợi động vật

Các rủi ro

Rủi ro đáng kể về phúc lợi động vật có thể phát sinh trong chuỗi cung ứng nông sản. Các rủi ro này có thể liên quan đến những hạn chế về không gian trong chuồng trại hạn chế sự di chuyển của động vật, mật độ nuôi theo nhóm cao làm tăng khả năng lây truyền bệnh và tiếp xúc gây thương tích với động vật khác, môi trường cằn cỗi/không thay đổi dẫn đến các vấn đề về hành vi, chế độ ăn không thỏa mãn cơn đói, các quy trình chăn nuôi độc hại gây đau đớn và lai tạo các đặc điểm sản xuất làm tăng các rối loạn giải phẫu hoặc trao đổi chất. Việc thiếu kiến thức và kĩ năng ở những người chăn nuôi động vật có thể gia tăng những rủi ro này (IFC, 2014).

Cải thiện phúc lợi động vật có thể có ý nghĩa kinh doanh. Dịch bệnh là một ví dụ điển hình về mối đe dọa chung đối với phúc lợi động vật và tính bền vững của doanh nghiệp.

OIE ước tính tỷ lệ mắc và tử vong do dịch bệnh ở động vật gây ra ít nhất 20% thiệt hại về sản lượng chăn nuôi trên toàn cầu - chiếm ít nhất 60 triệu tấn thịt và 150 triệu tấn sữa với giá trị khoảng 300 tỷ USD mỗi năm. Ngoài ra, sự giàu có ở nhiều nơi trên thế giới đã làm tăng sự lựa chọn của người tiêu dùng và nâng cao kỳ vọng về các tiêu chuẩn sản xuất thực phẩm. Các cuộc khảo sát ở châu Âu và Bắc Mỹ cho thấy phần lớn người tiêu dùng quan tâm đến phúc lợi động vật và cho biết họ sẵn sàng chi trả nhiều hơn đáng kể cho các sản phẩm động vật mà họ cho là có nguồn gốc từ những trang trại thực hành chăn nuôi nhân đạo (IFC, 2014).

Các tài liệu tham khảo về phúc lợi động vật trong các tiêu chuẩn và nguyên tắc quốc tế rất hiếm. Hướng dẫn toàn diện nhất do Tổ chức Thú y Thế giới (OIE) soạn thảo. Năm 2008, các thành viên của OIE đã thông qua định nghĩa về phúc lợi động vật để làm rõ khái niệm này trên quy mô quốc tế. [71] Phúc lợi động vật có thể bị tổn hại ở bất kỳ quy mô trang trại nào khi các điều kiện và/hoặc quản lý không phù hợp (RSPCA, 2014).

Chín tiêu chuẩn của OIE giải quyết các thách thức phúc lợi cụ thể, bao gồm vận chuyển và giết mổ động vật, hệ thống sản xuất gia súc và gia cầm, kiểm soát quần thể chó hoang và sử dụng động vật trong nghiên cứu. Các tiêu chuẩn này dựa trên bằng chứng khoa học và các nguyên tắc cơ bản cho phúc lợi động vật được gọi là "năm quyền tự do": không bị đói, bị khát và suy dinh dưỡng, không bị khó chịu về thể chất và nhiệt độ, không bị đau, thương tích và bệnh tật, không sợ hãi và đau khổ, và thể hiện các mẫu hành vi bình thường. [72] Bộ Môi trường, Thực phẩm, và Nông thôn Vương quốc Anh (DEFRA) đưa ra một ví dụ về thực hành tốt bằng cách thiết lập năm quyền tự do này. Như đã nhấn mạnh trong lời nói đầu của bộ quy tắc khuyến nghị của DEFRA vì phúc lợi của vật nuôi, các doanh nghiệp tham gia chăn nuôi cần thể hiện: quan tâm và lập kế hoạch và quản lý có trách nhiệm; có kỹ năng, kiến thức và tận tâm chăn giữ động vật; thiết kế môi trường thích hợp; cân nhắc việc xử lý, vận chuyển và giết mổ động vật một cách nhân đạo (DEFRA, 2003).

Ngoài các tiêu chuẩn của OIE, Liên minh Châu Âu (EU) đã thông qua một bộ luật chi tiết về phúc lợi động vật và Điều 13 của Hiệp ước về Chức năng của Liên minh Châu Âu công nhận động vật là "sinh vật hữu tình". [73] Trong khi hầu hết các quy định của EU về phúc lợi động vật chỉ áp dụng cho các nhà sản xuất EU, các nước thứ ba muốn xuất khẩu thịt vào EU phải thiết lập các tiêu chuẩn tương đương với các tiêu chuẩn của EU về phúc lợi tại thời điểm giết mổ. Hơn nữa, EU đang nỗ lực mang thống nhất các tiêu chuẩn toàn cầu về phúc lợi động vật thông qua các hiệp định thương mại quốc tế. Các tiêu chuẩn và cơ chế chứng nhận bổ sung về phúc lợi động vật đã được phát triển bởi các doanh nghiệp tư nhân, chính phủ và các tổ chức xã hội dân sự. [74]

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Đánh giá các tác động thực tế và tiềm năng đối với phúc lợi động vật, sử dụng khuôn khổ **"Năm quyền tự do"**.
- Đảm bảo rằng **môi trường vật chất** cho phép nghỉ ngơi thoải mái, vận động an toàn và thoải mái, bao gồm cả những thay đổi tư thế bình thường và cơ hội thực hiện các loại hành vi tự nhiên mà động vật được thúc đẩy để thực hiện.
- Đảm bảo rằng vật nuôi được **tiếp cận với đủ thức ăn và nước uống**, phù hợp với lứa tuổi và nhu cầu của chúng, để duy trì sức khoẻ và năng suất bình thường cũng như ngăn ngừa tình trạng đói, khát, suy dinh dưỡng hoặc mất nước kéo dài.

- Khi không thể tránh được các **quy trình gây đau đớn**, hãy kiểm soát cơn đau ở mức độ các phương pháp sẵn có cho phép.
- Đảm bảo rằng việc **xử lý động vật** nuôi dưỡng mối quan hệ tích cực giữa con người và động vật và không gây thương tích, hoảng sợ, sợ hãi kéo dài hoặc căng thẳng có thể tránh được.
- Sử dụng **giống vật nuôi** phù hợp với môi trường và hoàn cảnh để có thể nuôi chúng không bị dịch bệnh do sản xuất và các vấn đề nội tại khác.[75]

8. Bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững

Risks

Các hoạt động nông nghiệp có thể triển khai các thực hành thân thiện với môi trường có thể nâng cao các dịch vụ hệ sinh thái, cụ thể là bằng cách sử dụng các kỹ thuật quản lý đất để bảo tồn đất và độ ẩm, bảo vệ lưu vực đầu nguồn, phục hồi thảm thực vật và môi trường sống, và duy trì đa dạng sinh học. Tuy nhiên, các khoản đầu tư nông nghiệp nhằm tăng sản lượng nông nghiệp trong ngắn hạn cũng có thể dẫn đến suy thoái hệ sinh thái trong dài hạn, bao gồm suy thoái đất, cạn kiệt nguồn nước, mất rừng nguyên sinh và đa dạng sinh học. Ước tính có khoảng 55-80% diện tích rừng toàn cầu bị mất là do chuyển đổi đất sang mục đích nông nghiệp (UNEP, 2015). Các vấn đề phát sinh phổ biến nhất trong số 39 khoản đầu tư được Ngân hàng Thế giới và UNCTAD phân tích năm 2014 liên quan đến việc sử dụng hóa chất nông nghiệp, chẳng hạn như ô nhiễm nước, trôi hóa chất và phun thuốc từ trên không. Ngoài ra, các hoạt động nông nghiệp có thể tạo ra các tác động bên ngoài, bao gồm phát thải khí nhà kính, tác động đến các lưu vực đầu nguồn, hoặc phá rừng xảy ra ở xa vị trí của các hoạt động nhưng có liên quan trực tiếp đến chúng (FAO, 2010).

Các tác động môi trường bất lợi có thể do thiếu đánh giá tác động môi trường thích hợp trước khi đầu tư và không có hệ thống quản lý môi trường hiệu quả trong quá trình thực hiện (FAO, 2011). Chất lượng, tính toàn diện và tính khả dụng của các đánh giá này thường là đối tượng bị chỉ trích của các khoản đầu tư quy mô lớn (FAO, 2010). Rủi ro cao hơn khi bằng chứng khoa học không đủ để đánh giá đầy đủ các tác động bất lợi. Rủi ro đối với doanh nghiệp cũng đang tăng lên nhanh chóng khi các tiêu chuẩn quốc tế về sử dụng và tái chế tài nguyên hiệu quả, giảm phát thải, thay thế hoặc giảm sử dụng các chất độc hại, và bảo tồn đa dạng sinh học trở nên tiến bộ hơn (OECD, 2011; IFC, 2012).

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Thiết lập và duy trì **hệ thống quản lý môi trường** phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, bằng cách: thu thập và đánh giá thông tin đầy đủ và kịp thời về các tác động môi trường, sức khỏe và an toàn của các hoạt động của doanh nghiệp; thiết lập các mục tiêu có thể đo lường và, nếu thích hợp, các mục tiêu để cải thiện hiệu suất môi trường và sử dụng tài nguyên, bằng cách xây dựng kế hoạch quản lý dịch hại và/hoặc phân bón; [76] và thường xuyên giám sát và xác minh tiến độ đối với các mục tiêu hoặc kết quả nhắm tới về môi trường, sức khỏe và an toàn.[77]
- Thiết lập các quy trình để **giám sát** và đo lường hiệu quả của hệ thống quản lý môi trường. Khi chính phủ hoặc bên thứ ba có trách nhiệm quản lý các rủi ro và tác động môi trường cụ thể và các biện pháp giảm thiểu liên quan, hãy cộng tác trong việc thiết lập và giám sát các biện pháp giảm thiểu đó. Khi thích hợp, hãy cân nhắc mời đại diện từ các cộng đồng bị ảnh hưởng tham gia vào các hoạt động giám sát.[78]

- **Giải quyết** các tác động có thể thấy trước về môi trường, sức khỏe và an toàn liên quan đến các quá trình, hàng hóa và dịch vụ của doanh nghiệp trong toàn bộ vòng đời của chúng nhằm tránh hoặc khi không thể tránh khỏi, thì giảm thiểu tác động. Trong trường hợp các hoạt động được đề xuất có thể có các tác động đáng kể đến môi trường, sức khỏe hoặc an toàn và khi chúng phải tuân theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, hãy chuẩn bị một đánh giá tác động môi trường thích hợp.[79]

- Khi có nguy cơ gây hại cho môi trường, tránh viện dẫn việc **thiếu bằng chứng khoa học đầy đủ** làm lý do để hoãn các biện pháp hiệu quả về chi phí để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu thiệt hại đó, phù hợp với hiểu biết khoa học và kỹ thuật về rủi ro, tính toán rủi ro đối với sức khỏe và sự an toàn của con người.[80]

- Duy trì các **kế hoạch dự phòng** để ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát thiệt hại nghiêm trọng đến sức khỏe và môi trường từ các hoạt động, bao gồm cả tai nạn và trường hợp khẩn cấp, và nếu có thể, hỗ trợ và phối hợp với các cộng đồng có khả năng bị ảnh hưởng và các cơ quan chính quyền địa phương để ứng phó hiệu quả với các tình huống khẩn cấp, bao gồm thiết lập cơ chế báo cáo tức thị cho các cơ quan có thẩm quyền.[81]

- Xem xét các mối quan tâm về chi phí, bí mật kinh doanh và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cung cấp cho công chúng và người lao động **thông tin** đầy đủ, có thể đo lường và kịp thời về các tác động tiềm tàng đến môi trường, sức khỏe và an toàn của các hoạt động của doanh nghiệp và tham gia truyền thông và tham vấn đầy đủ và kịp thời với các cộng đồng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các chính sách về môi trường, sức khỏe và an toàn của doanh nghiệp và do doanh nghiệp thực hiện. [82]

- Tìm cách tránh các tác động tiêu cực và hỗ trợ bảo tồn **đa dạng sinh học, nguồn gen và các dịch vụ hệ sinh thái**, và khi không thể tránh được các tác động đó, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động và phục hồi đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái thông qua cách tiếp cận quản lý thích ứng.[83]

- Lựa chọn hệ thống sản xuất thích hợp nhất, phối hợp với chính phủ nếu phù hợp, để nâng cao **hiệu quả sử dụng tài nguyên** trong khi vẫn duy trì sự sẵn có trong tương lai của các nguồn tài nguyên hiện tại.[84] Ngụ ý của điều này là phấn đấu:
  - Nâng cao hiệu quả **bảo tồn nước**, xử lý nước thải và hiệu quả sử dụng nước, đầu tư và sử dụng công nghệ để đạt được mục tiêu này.[85]
  - Cải thiện quản lý **đầu vào và đầu ra trong nông nghiệp** để nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm thiểu các mối đe dọa đối với môi trường và sức khỏe cây trồng, vật nuôi và con người.[86]
  - Giảm **lãng phí và thất thoát** trong sản xuất và các hoạt động sau thu hoạch và tăng cường sử dụng hiệu quả chất thải và/hoặc các phụ phẩm.[87]
  - Thực hiện các biện pháp khả thi về mặt kỹ thuật và tài chính và tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả **tiêu thụ năng lượng**.[88]
  - Thực hiện các biện pháp, nếu thích hợp, để giảm và/hoặc loại bỏ phát thải khí nhà **kính**.[89]

9. Quản trị

9.1 Tham nhũng

Các rủi ro

Nếu chính phủ không có luật pháp rõ ràng và được thực thi tốt về minh bạch và chống tham nhũng, rủi ro liên quan đến quản trị đối với doanh nghiệp là rất cao (OECD, 2006). Các cơ quan chính phủ giám sát lĩnh vực đất đai nằm trong số các tổ chức công bị tác động nhiều nhất bởi hối lộ cấp dịch vụ, chỉ có cảnh sát và tư pháp có mức hối lộ cao hơn (TI, 2011). Doanh nghiệp có thể phải đưa ra những lợi thế không đáng có để tiếp cận với những khu đất rộng lớn, nhưng lại gây bất lợi cho cộng đồng địa phương nắm giữ quyền đất đai theo tập quán. Tham nhũng cũng có thể ảnh hưởng đến việc phân bổ tín dụng do chính phủ trợ cấp, với các khoản phí không cần thiết do các quan chức chính phủ thu khi cấp tín dụng. Tham nhũng cũng có thể làm tăng giá đầu vào nông nghiệp, vì các công ty đầu vào nông nghiệp có thể bán sản phẩm của họ cho các cơ quan chính phủ với giá cao để cống cho các quan chức nhà nước một phần lợi nhuận.

Các cáo buộc tham nhũng làm giảm lợi ích của đầu tư nông nghiệp hoặc ngăn cản việc thực hiện đầu tư này bằng cách làm tăng chi phí tiếp cận các nguồn lực, giảm thiểu sự hiệp đồng với phát triển cơ sở hạ tầng hiện tại và tương lai, và làm tăng khả năng xảy ra xung đột (FAO, 2010). Chúng có thể làm xói mòn niềm tin và sự tin cậy của cộng đồng địa phương vào doanh nghiệp, vốn là yếu tố cần thiết để phát triển các mối quan hệ tích cực trong dài hạn.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Không tìm kiếm hoặc chấp nhận các trường hợp miễn trừ không được dự tính trong khuôn khổ luật định hoặc quy định liên quan đến quyền con người, môi trường, sức khỏe, an toàn, lao động, thuế hoặc các vấn đề khác
- Tránh trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua bên thứ ba) đề xuất, hứa hẹn, đưa ra hoặc đòi hối lộ hoặc những lợi ích không đáng có khác cho các quan chức nhà nước, nhân viên của các đối tác kinh doanh hoặc cho người thân hoặc cộng sự kinh doanh của họ, để đạt được hoặc duy trì hoạt động kinh doanh hoặc bất kỳ lợi ích không đúng đắn nào khác.
- Xây dựng và áp dụng các chương trình hoặc biện pháp kiểm soát nội bộ, đạo đức và tuân thủ đầy đủ để ngăn ngừa và phát hiện hối lộ.
- Trong kiểm soát nội bộ công ty, các chương trình hoặc biện pháp đạo đức và tuân thủ, cấm hoặc không khuyến khích chi trả các khoản phí bôi trơn vốn thường bị coi là phi pháp ở các quốc gia nơi chúng được thực hiện, và, nếu và khi chi trả các khoản phí này, cần ghi lại chúng thật chính xác vào sổ sách và hồ sơ tài chính.
- Đảm bảo ghi lại đầy đủ việc thẩm định liên quan đến việc thuê các đại lý, đảm bảo sự giám sát thích hợp và thường xuyên của họ, và rằng thù lao của họ là phù hợp và chỉ dành cho các dịch vụ hợp pháp
- Tránh bất kì sự tham gia không phù hợp vào các hoạt động chính trị tại địa phương.[90]
- Sử dụng các giá trị được đánh giá khách quan, các quy trình và dịch vụ minh bạch và phi tập trung, và quyền khiếu nại, để ngăn ngừa tham nhũng liên quan đến quyền chiếm giữ, đặc biệt là quyền chiếm giữ theo tập quán của người bản địa và cộng đồng địa phương.[91]

- Hợp tác trong nỗ lực của các chính phủ để thực hiện **Công ước OECD** về Chống Hối lộ Công chức Nước ngoài trong các Giao dịch Kinh doanh Quốc tế (Công ước Chống Hối lộ của OECD).[92]

9.2 Thuế

Các rủi ro

Các doanh nghiệp có thể đóng góp vào sự phát triển kinh tế của nước sở tại bằng cách thanh toán kịp thời các nghĩa vụ đóng thuế của mình. Tuân thủ và quản lý thuế trong các hệ thống quản lý rủi ro của họ có thể đảm bảo rằng các rủi ro tài chính, quy định và uy tín liên quan đến đóng thuế được xác định và đánh giá đầy đủ (OECD, 2011). Như đã chứng minh trong các chiến dịch gần đây nhắm vào các doanh nghiệp lớn, việc tránh thuế có thể làm tăng rủi ro về uy tín.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Cung cấp cho các cơ quan chức năng **thông tin kịp thời** có liên quan hoặc theo yêu cầu của pháp luật nhằm mục đích xác định chính xác các loại thuế được đánh giá liên quan đến hoạt động
- Tuân thủ các thông lệ **chuyển giá** theo nguyên tắc giá thị trường.
- Áp dụng **các chiến lược quản lý rủi ro** để đảm bảo rằng các rủi ro tài chính, quy định và uy tín liên quan đến thuế được xác định và đánh giá đầy đủ.[93]

9.3 Cạnh tranh

Các rủi ro

Các hành vi phản cạnh tranh có thể không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến người tiêu dùng mà còn làm suy yếu khả năng thương lượng của các tiểu chủ nếu sức mạnh quá mức của người mua không được kiểm soát, do đó ảnh hưởng đến an ninh lương thực và dinh dưỡng (UN, 2009). Tương tự, việc các doanh nghiệp lớn bán phá giá một sản phẩm bị thua lỗ trong một thị trường cạnh tranh có thể buộc các đối thủ cạnh tranh, bao gồm cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phải ra khỏi thị trường. Tại các quốc gia nơi luật và quy định về cạnh tranh không được xây dựng hoặc thực thi đầy đủ, các doanh nghiệp có nguy cơ vi phạm các tiêu chuẩn cạnh tranh nếu họ không thực hiện các biện pháp quản lý cao độ trong việc hạn chế các hành vi cấu thành quyền lực của người mua, chẳng hạn như giảm giá hồi tố mà không thông báo hợp lý hoặc các khoản thanh toán không hợp lý áp lên nhà cung cấp do có các khiếu nại của người tiêu dùng (OECD, 2006).

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Không ký kết hoặc thực hiện **các thỏa thuận phản cạnh tranh** giữa các đối thủ cạnh tranh.
- **Hợp tác với các cơ quan điều tra về cạnh tranh,** bằng cách, theo luật hiện hành và các biện pháp bảo vệ thích hợp, đưa ra phản ứng nhanh nhất và đầy đủ nhất có thể đối với các yêu cầu cung cấp thông tin và xem xét việc sử dụng các công cụ sẵn có, chẳng hạn như từ bỏ bảo mật nếu thích hợp, để thúc đẩy sự hợp tác hiệu quả và năng suất giữa các Cơ quan điều tra.[94]

10. Công nghệ và đổi mới sáng tạo

Các rủi ro

Thúc đẩy và chia sẻ công nghệ có thể góp phần tạo ra một môi trường hỗ trợ việc thụ hưởng các quyền con người và tăng cường bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy rằng chuyển giao công nghệ thực tế trong lĩnh vực nông nghiệp hiếm khi đạt đến mức doanh nghiệp đã công bố (UNCTAD, 2009).

Về vấn đề vật liệu di truyền và tri thức truyền thống của người dân bản địa, cộng đồng địa phương và nông dân, các quốc gia thành viên đối với Công ước Đa dạng Sinh học (CBD), Hiệp ước Quốc tế về Tài nguyên Di truyền Thực vật cho Nông nghiệp và Thực phẩm và Nghị định thư Nagoya về Tiếp cận và Chia sẻ Lợi ích đối với Công ước Đa dạng Sinh học, có các nghĩa vụ quốc tế liên quan đến tiếp cận nguồn gen và tri thức truyền thống liên quan. Các doanh nghiệp có thể hợp tác với các chính phủ để hỗ trợ họ tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế này, hoặc ít nhất là không làm suy yếu chúng, có tính đến các luật sở hữu trí tuệ liên quan.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Nỗ lực để đảm bảo rằng các hoạt động phù hợp với các chính sách và kế hoạch khoa học và công nghệ của **các nước sở tại** và nếu thích hợp, góp phần phát triển năng lực đổi mới của địa phương và quốc gia
- Áp dụng, nếu có thể trong quá trình hoạt động, các thông lệ cho phép **chuyển giao và phổ biến nhanh chóng** các công nghệ, bí quyết và thực hành đổi mới và thích ứng với địa phương, liên quan đến việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.[95]
- Tuân theo luật pháp quốc gia và phù hợp với các điều ước quốc tế hiện hành, tôn trọng **quyền của người nông dân** trong việc lưu giữ, sử dụng, trao đổi và bán các nguồn gen, bao gồm cả hạt giống và công nhận quyền lợi của người chăn nuôi. [96]
- Khi thích hợp, thực hiện công việc phát triển khoa học và công nghệ ở các nước đang phát triển nhằm giải quyết nhu cầu **thị trường địa phương**, sử dụng nhân công địa phương và khuyến khích đào tạo họ, có tính đến nhu cầu thương mại.
- Khi cấp giấy phép sử dụng **quyền sở hữu trí tuệ** hoặc khi chuyển giao công nghệ, thực hiện theo các điều khoản và điều kiện hợp lý và theo cách thức góp phần vào sự phát triển bền vững lâu dài của nước sở tại.
- Khi có liên quan đến các mục tiêu thương mại, phát triển mối quan hệ với các **trường đại học địa phương**, các viện nghiên cứu công và tham gia vào các dự án nghiên cứu hợp tác với các hiệp ngành địa phương. [97]

Chú thích của Phụ lục A

1. Bộ Hướng dẫn của OECD, III.1-3, VIII.2; CFS-RAI Nguyên tắc 9.ii; VGGT, 12.3; Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon, 10-11; Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, 29; Các Nguyên tắc của Liên Hiệp Quốc về Hợp đồng có Trách nhiệm được bổ sung vào Hướng dẫn của Liên Hiệp Quốc và được công nhận bởi Hội đồng Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc, Nguyên tắc 10. Điều này có thể cũng hỗ trợ việc thực hiện Công ước Aarhus, Điều 5.6. Thông tin về *"tính chất sản phẩm"* cần bao gồm các thông tin đủ để người tiêu dùng đưa ra các quyết định sáng suốt, bao gồm các thông tin về giá và, nếu thích hợp, hàm lượng, sử dụng an toàn, đóng góp cho môi trường, bảo dưỡng, bảo quản, và tiêu hủy sản phẩm (Bộ Hướng dẫn MNE, VIII.2).
2. Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon, 10-11.
3. Công ước Aarhus, Điều 5.1.c.
4. Bộ Hướng dẫn của OECD, III.1.
5. Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, đoạn 27.
6. Tiêu chuẩn Thực hiện 7 của IFC, đoạn 13-17; Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon, 29, 52-53, 60; VGGT, 3B.6, 9.9; CFS-RAI Nguyên tắc 9.iii; Tuyên bố của Liên Hiệp Quốc về các Quyền của Người Bản địa, Điều 10. Theo Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, đoạn 33, khi sự tham gia của các bên liên quan là trách nhiệm chủ yếu của Chính phủ, các doanh nghiệp phải phối hợp với cơ quan Chính phủ chịu trách nhiệm, trong giới hạn mà cơ quan này cho phép. Nếu năng lực của Chính phủ bị hạn chế, các doanh nghiệp cần đóng vai trò năng động trong quá trình lập kế hoạch tham gia của các bên liên quan, thực hiện và giám sát. Nếu quá trình Chính phủ thực hiện không đạt được các yêu cầu liên quan về sự tham gia có ý nghĩa, các doanh nghiệp cần thực hiện một quá trình bổ sung và, nếu thích hợp, xác định các hành động bổ sung
7. VGGT, 3B.6; Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, 30.
8. VGGT, 9.9 và 4.10; Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon, 14-17; PRAI Nguyên tắc 1 và 4; Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, 26-27 và 30.
9. Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon, 17; Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, 30-31.
10. Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon, 7-8; Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, 27.
11. Bộ Hướng dẫn của OECD, VI.3 và VI.67.
12. Có thể sử dụng các công cụ như Đánh giá Giá trị Bảo tồn Cao và Trữ lượng Carbon. Quý vị có thể tham khảo tiểu mục 8 về "bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên" để biết thêm chi tiết về các tác động bất lợi tiềm ẩn đối với môi trường
13. CFS-RAI Nguyên tắc 10; Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon, 6, 37 và 48.
14. CFS-RAI Nguyên tắc 10.i; Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon, 14.
15. Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, đoạn 8 và 10.
16. CBD Điều 8(j) và 10; ITPGR Điều 9.2; Nghị định thư Nagoya Điều 5; Công ước 169 của ILO, Điều 15.
17. Có thể tìm thấy danh sách chỉ dẫn trong Phụ lục của Nghị định thư Nagoya.
18. Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon, 46.

19. CFS-RAI Nguyên tắc 1.iii và 2, iv-vii; PRAI Nguyên tắc 6; Tuyên bố của ILO về MNE, đoạn 20; Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon, 46; Tiêu chuẩn Thực hiện 7 của IFC, đoạn 18-20.

20. Tuyên bố của ILO về MNE, đoạn 10, PRAI Nguyên tắc 5.

21. PRAI Nguyên tắc 6; Akwé Kon Guidelines, 46; Tiêu chuẩn Thực hiện 7 của IFC, đoạn 18-20.

22. Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, đoạn 35.

23. Nguyên tắc Hướng dẫn 31 của LHQ, Bình luận.

24. Bộ Hướng dẫn của OECD, IV.46.

25. Bộ Hướng dẫn của OECD, IV.1-3.

26. Bộ Hướng dẫn của OECD, IV.37.

27. Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon 13; Tiêu chuẩn Thực hiện 7 của IFC, đoạn 8.

28. Xem phần trên về đánh giá tác động để biết thêm chi tiết.

29. Bộ Hướng dẫn của OECD, II.2 và IV.5 và 45.

30. CFS-RAI Nguyên tắc 3 và 4.

31. CFS-RAI Nguyên tắc 3; Công ước xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW).

32. CFS-RAI Nguyên tắc 3.iii.

33. Công ước về Quyền Tự do Lập hội và Bảo vệ Quyền Tổ chức, 1948 (Số 87); Công ước về Quyền Tổ chức và Thương lượng Tập thể, 1949 (Số 98);); Công ước về Lao động Cưỡng bức, 1930 (Số 29); Công ước về Xóa bỏ lao động cưỡng bức, 1957 (Số 105); Công ước về Tuổi Tối thiểu, 1973 (Số 138); Công ước về Các Hình thức Lao động Trẻ em Tồi tệ Nhất, 1999 (Số 182); Công ước về Trả công Bình đẳng, 1951 (Số 100); Công ước về Phân biệt đối xử (trong Việc làm và Nghề nghiệp), 1958 (Số 111).

34. Ngoài ra, quyền gia nhập và thành lập công đoàn được bảo vệ bởi Công ước Châu Âu về Nhân quyền (Điều 11). Quyền tham gia công đoàn được bảo vệ bởi quyền tự do hiệp hội có trong Công ước Châu Mỹ về Nhân quyền (Điều 16) và Hiến chương Châu Phi về Quyền con người và các Quyền dân tộc (Điều 10).

35. CFS-RAI Nguyên tắc 2 về quyền lao động.

36. Tuyên bố của ILO về MNE 21; Bộ Hướng dẫn của OECD, V.1.e. Bình luận 54 của Bộ Hướng dẫn của OECD nêu cụ thể thuật ngữ "các tình trạng khác" vì mục đích của Bộ Hướng dẫn chỉ hoạt động công đoàn và các đặc điểm cá nhân như tuổi, khuyết tật, thai nghén, tình trạng hôn nhân, khuynh hướng tình dục, hoặc bị nhiễm HIV. Cần lưu ý rằng Công ước Quốc tế về Quyền của Người khuyết tật (CRPD) nghiêm cấm việc phân biệt đối xử về việc làm dựa trên tình trạng khuyết tật.

37. Tuyên bố của ILO về MNE 36; Bộ Hướng dẫn của OECD, V.1.c; Các Quyền của Trẻ Em và Nguyên tắc Kinh doanh Nguyên tắc 2. Các Quyền Trẻ Em và Các Nguyên Tắc Kinh Doanh không tạo ra các nghĩa vụ pháp lý quốc tế mới. Chúng được thành lập dựa trên các quyền được nêu ra trong Công ước Quốc tế về Quyền Trẻ em và các Nghị định thư tùy chọn của Công ước. Công ước này là hiệp ước về quyền con người được phê chuẩn rộng rãi nhất: 193 chính phủ đã ký và phê chuẩn Công ước này. Các Nguyên tắc Kinh doanh này cũng dựa trên các Công ước số 182 về Các Hình thức Lao động Trẻ em Tồi tệ nhất và Công ước số 138 về Độ tuổi Tối thiểu của ILO. Chúng cũng làm rõ

hơn các tiêu chuẩn hiện có về kinh doanh, bao gồm "10 Nguyên tắc" của Hiệp ước Toàn cầu Liên Hiệp Quốc và Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hiệp Quốc.

38. Bộ Hướng dẫn của OECD, V.1.d; Tiêu chuẩn Thực hiện 2 của IFC, các đoạn 13, 15, 21, 22 và 27.

39. Tuyên bố của ILO về MNE, 34; Bộ Hướng dẫn của OECD, V.4.a & b.

40. Tuyên bố của ILO về MNE, 25.

41. Tuyên bố của ILO về MNE, 26; Bộ Hướng dẫn của OECD, V.6.

42. Truyền thông của ILO trong khuôn khổ Khuyến nghị cam kết, năm 1967 (Số 129), đoạn 2.

43. Các hệ thống quan hệ lao động, bao gồm cả thương lượng tập thể ở cấp công ty và cấp ngành, có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa và giải quyết khiếu nại.

44. Tiêu chuẩn Thực hiện 2 của IFC, 14; Tuyên bố của ILO về MNE, 17, 52-53.

45. Bộ Hướng dẫn của OECD, II.9, V.1-3, V.6-8; Tuyên bố của ILO về MNE, 41, 44, 47, 51-56.

46. Bộ Hướng dẫn của OECD, V.4-5; Tuyên bố của ILO về MNE, đoạn 18.

47. Tuyên bố của ILO về MNE, 16-18, 30-34.

48. CFS-RAI Nguyên tắc 3.iii và 4.ii.

49. Tuyên bố của ILO về MNE, 31.

50. Các quốc gia và tổ chức sau đã tán thành cách tiếp cận này: Ủy ban Châu Âu, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC), Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), FAO, OIE, và Hệ thống Điều phối Cúm của Liên Hiệp Quốc (UNSIC). Để biết thêm thông tin, tham khảo *www.onehealthglobal.net*.

51. Nhận xét chung của Ủy ban về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa là cách giải thích không ràng buộc nhưng có thẩm quyền về ICESCR

52. Ủy ban về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa, Bình luận chung Số 14 năm 2000. Mặc dù ICESCR là một công cụ quốc tế được phê chuẩn rộng rãi, trong đó các quốc gia thành viên công nhận quyền thụ hưởng tiêu chuẩn cao nhất có thể đạt được về sức khỏe thể chất và tinh thần, các quyền liên quan đến sức khỏe cũng được tìm thấy trong các văn kiện khác, bao gồm Công ước về quyền trẻ em (CRC), Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD), và Công ước về Quyền của Người Khuyết tật (CRPD).

53. Để biết các khuyến nghị cụ thể về lợi ích của người tiêu dùng, hãy xem Bộ Hướng dẫn của OECD, VIII.

54. Tiêu chuẩn Thực hiện 3 của IFC định nghĩa "thông lệ quốc tế tốt" là "việc thực hiện kỹ năng chuyên môn, sự siêng năng, thận trọng và tầm nhìn xa mà các chuyên gia có tay nghề và kinh nghiệm thực hiện trong cùng một loại công việc trong cùng một hoàn cảnh hoặc tương tự ở cấp toàn cầu hoặc khu vực. Kết quả của việc thực hiện đó phải là việc dự án sử dụng các công nghệ thích hợp nhất trong hoàn cảnh cụ thể của dự án."

55. Tiêu chuẩn Thực hiện của IFC 4.

56. PRAI Nguyên tắc 5. Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế Codex, do FAO và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thành lập năm 1963, đề xuất các tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế, hướng dẫn và quy tắc thực hành để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và đảm bảo các

thông lệ công bằng trong thương mại thực phẩm. Ủy ban cũng thúc đẩy sự phối hợp giữa các tiêu chuẩn thực phẩm khác nhau do các tổ chức chính phủ và phi chính phủ quốc tế phát triển. Các nguyên tắc HACCP là một phần của Codex. Các tiêu chuẩn này là một cách tiếp cận phòng ngừa có hệ thống đối với an toàn thực phẩm và các mối nguy sinh học, hóa học và vật lý trong quá trình sản xuất có thể gây ra thành phẩm không an toàn. Codex thiết kế các phép đo để giảm những rủi ro này xuống mức an toàn. Bảy nguyên tắc như sau: (1) tiến hành phân tích mối nguy; (2) xác định các điểm kiểm soát tới hạn; (3) thiết lập các giới hạn tới hạn; (4) giám sát các điểm kiểm soát tới hạn; (5) thiết lập hành động khắc phục; (6) xác minh; và (7) lưu giữ hồ sơ. Hệ thống HACCP có thể được sử dụng ở tất cả các giai đoạn của chuỗi thực phẩm, từ quy trình sản xuất và chuẩn bị thực phẩm, bao gồm cả đóng gói và phân phối.

57. Ví dụ, các chương trình được Công nhận bởi Sáng kiến An toàn Thực phẩm Toàn cầu bao gồm Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm SSC 22000 và Tiêu chuẩn Toàn cầu BRC và Tiêu chuẩn Đặc trưng Quốc tế. Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu cũng cung cấp các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

58. Theo Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế năm 2006, truy xuất nguồn gốc được định nghĩa là khả năng theo dõi sự di chuyển của thực phẩm qua các giai đoạn sản xuất, chế biến và phân phối cụ thể. Công cụ xác định nguồn gốc phải có khả năng xác định ở bất kỳ giai đoạn cụ thể nào của chuỗi cung ứng thực phẩm từ nơi thực phẩm đến (lùi một bước) và nơi thực phẩm đi (tiến một bước), phù hợp với mục tiêu của việc kiểm tra và chứng nhận thực phẩm hệ thống.

59. Các quyền liên quan đến thực phẩm cũng được bảo vệ trong các văn kiện quốc tế và khu vực khác, bao gồm Công ước về quyền trẻ em (CRC), Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) và Công ước về Quyền của Người Khuyết tật (CRPD).

60. Ủy ban Liên Hiệp Quốc về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa, Bình luận chung 12 (1999), đoạn 6, 15 và 27.

61. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Chỉ số Tiếp cận Dinh dưỡng tại *www.accesstonutrition.org*.

62. CFS-RAI Nguyên tắc 1.i và iii, 2.iii và iv, và 8.i; 3.i và iii; VGGT, 12.4; PRAI Nguyên tắc 2.

63. CAO là cơ chế truy đòi độc lập cho IFC và Cơ quan Bảo lãnh Đầu tư Đa phương (MIGA). Nó giải quyết các khiếu nại từ các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án với mục tiêu nâng cao kết quả xã hội và môi trường trên thực tế.

64. Mặc dù quyền chiếm giữ đất và các tài nguyên khác không phải là quyền con người, nhưng chúng có thể có các hệ lụy quan trọng đối với việc thụ hưởng các quyền con người khác nhau và được phản ánh trong các tiêu chuẩn RBC. Một ngoại lệ quan trọng là quyền của người bản địa đối với việc sở hữu và chiếm giữ đối với các vùng đất mà họ cư ngụ theo truyền thống, được hệ thống hóa trong Công ước 169 của ILO và được đề cao trong Tuyên bố Liên Hiệp Quốc về Quyền của Người bản địa (xem Phụ lục B)

65. Tái định cư không tự nguyện đề cập đến cả dịch chuyển vật chất (tái định cư hoặc mất đất) và di dời kinh tế (mất tài nguyên thiên nhiên hoặc giảm khả năng tiếp cận tài nguyên thiên nhiên dẫn đến mất sinh kế) do thu hồi đất và/hoặc hạn chế về sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Tái định cư được coi là không tự nguyện khi những người bị ảnh hưởng không có quyền từ chối thu hồi đất và/hoặc hạn chế sử dụng tài nguyên thiên nhiên (Tiêu chuẩn Thực hiện 5 của IFC).

66. VGGT, 2.4; PRAI Nguyên tắc 1; Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon 13; Tiêu chuẩn Thực hiện 7 của IFC, đoạn 8.

67. Bộ Hướng dẫn Akwé: Kon 13.

68. VGGT, 12.4 và 16.1; Tiêu chuẩn Thực hiện 5 của IFC, đoạn 8; Công ước của ILO về Người bản địa và Bộ lạc, 1989 (Số 169), Điều 16. Lưu ý rằng các tiêu chuẩn này cũng được đề cập đến trong các cam kết gần đây của các công ty nông sản thực phẩm lớn về việc chiếm đất.

69. PRAI, 6.2.1; Tiêu chuẩn Thực hiện 5 của IFC, các đoạn 9-10, 19, 27-28, và Tiêu chuẩn Thực hiện 7 của IFC, đoạn 9 và 14.

70. Tiêu chuẩn Thực hiện 5 của IFC, đoạn 30. Ngoài ra, đoạn 31 của tiêu chuẩn này yêu cầu doanh nghiệp chuẩn bị một kế hoạch tái định cư và phục hồi sinh kế bổ sung.

71. Theo định nghĩa của OIE được hơn 170 quốc gia công nhận, phúc lợi động vật có nghĩa là cách một động vật đối phó với các điều kiện mà nó sống. Một con vật ở trạng thái phúc lợi tốt nếu (như được chỉ ra bởi bằng chứng khoa học) nó khỏe mạnh, thoải mái, được nuôi dưỡng tốt, an toàn, có thể biểu hiện hành vi bẩm sinh và không có các trạng thái khó chịu như đau đớn, sợ hãi và đau khổ. Để biết thêm thông tin, hãy xem *www.defra.gov.uk/fawc*.

72. Năm quyền tự do được thừa nhận trong phần giới thiệu các Khuyến nghị của OIE về Phúc lợi động vật, tức là trong Điều 7.1.2. của Bộ luật Thú y trên cạn. Để biết thêm thông tin, hãy xem Năm quyền tự do của Hội đồng Phúc lợi Động vật Trang trại tại *www.fawc.org.uk/freedoms.htm*.

73. Tham khảo *http://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:12012E/TXT*.

74. Các tiêu chuẩn này gồm: Lưu ý Thực hành Tốt của IFC về Phúc lợi Động vật trong Hoạt động Chăn nuôi; Thực phẩm Tự do của Hiệp hội Hoàng gia về Ngăn chặn Sự tàn ác với Động vật (RSPCA); Nhãn Rouge; 5 bước GAP; và các tiêu chuẩn hữu cơ của Hiệp hội Đất.

75. OIE, Bộ luật Thú y trên cạn 2015, Điều 7.1.4. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro này phù hợp với các tiêu chí cơ bản của Điểm chuẩn kinh doanh về phúc lợi động vật trang trại (*www.bbfaw.com*).

76. Một kế hoạch quản lý dịch hại nên nhằm mục đích giảm sự phát triển của dịch hại bằng cách kết hợp nhiều kỹ thuật khác nhau, chẳng hạn như kiểm soát sinh học bằng cách sử dụng côn trùng hoặc vi khuẩn có ích, các giống cây trồng kháng sâu bệnh và các biện pháp canh tác nông nghiệp thay thế như phun thuốc hoặc cắt.

77. Bộ Hướng dẫn của OECD, VI.1.

78. Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, đoạn 5 và 21-22.

79. Bộ Hướng dẫn của OECD, VI.2-3.

80. Bộ Hướng dẫn của OECD, VI.1, 4-5; Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, 5 và 21-22; Hiệp ước Toàn cầu của LHQ, Nguyên tắc 7-8; Công ước Khung của LHQ về Biến đổi Khí hậu, Điều 3.

81. Bộ Hướng dẫn của OECD, VI.1, 4, và 5; Tiêu chuẩn Thực hiện 1 của IFC, các đoạn 5 và 21-22.

82. Bộ Hướng dẫn của OECD, VI.2-3.

83. Tiêu chuẩn Thực hiện 6 của IFC, đoạn 7; CBD Điều 8 và 9; CFS-RAI Nguyên tắc 6.ii. Tiêu chuẩn Thực hiện 6 của IFC, đoạn 26, cũng nói rằng "Nếu khả thi, khách hàng sẽ xác định các dự án kinh doanh nông nghiệp và lâm nghiệp trên đất liền hoặc trên đất không có rừng hoặc đất đã được chuyển đổi". Đề xuất chính sách lâm nghiệp của Ủy ban Quốc tế về Thay đổi Sử dụng đất và Hệ sinh thái (tháng 10/2009), Chỉ thị năng lượng tái tạo của EU Số 2009/28/EG (tháng 4/2009), Quy định về gỗ của EU số 995/2010 (tháng 10/2010), và Tuyên bố New York về Rừng được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh về Khí hậu năm 2014, đề cập đến những thay đổi về sử dụng đất.

84. PRAI Nguyên tắc 7. Ví dụ, độ phì nhiêu của đất có thể được bảo tồn thông qua luân canh cây trồng thích hợp, bón phân, quản lý đồng cỏ và thực hành làm đất cơ giới hoặc bảo tồn hợp lý.

85. Sứ mệnh về Nước của CEO (CEO Water Mandate) - một sáng kiến công-tư do Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc đưa ra vào năm 2007 nhằm hỗ trợ các công ty phát triển, thực hiện và công bố các chính sách và thực hành bền vững về nước - yêu cầu đặt ra các mục tiêu liên quan đến bảo tồn nước, xử lý nước thải và giảm tiêu thụ nước. Tuy nhiên, tài liệu kết quả Rio +20 "Tương lai chúng ta muốn" lại tập trung vào việc tăng hiệu quả sử dụng nước và giảm thất thoát nước

86. CFS-RAI Nguyên tắc 8.iii.

87. CFS-RAI Nguyên tắc 6.iii. Thức ăn thừa cũng cần phải được đánh giá kể cả bằng cách đo lường lượng thức ăn thừa. Bất cứ khi nào có thể, phải giảm thiểu lượng thức ăn thừa ví dù bằng cách chuyển giao công nghệ cho các bên thứ ba hoặc nâng cao nhận thức về thức ăn thừa và hậu quả của nó. Khi không thể tránh được việc thải bỏ, phả giảm thiểu tình trạng chôn lấp thức ăn bằng cách chẳng hạn như sử dụng nó làm thức ăn chăn nuôi hoặc chuyển đổi thành năng lượng nếu phù hợp.

88. Tiêu chuẩn Thực hiện của IFC 3.6.

89. CFS-RAI Nguyên tắc 6.v.

90. Bộ Hướng dẫn của OECD, II.A.5 & 15, và VII. 91. VGGT, 6.9, 8.9, 9.12, 16.6, 17.5.

91. Để biết thêm chi tiết về cách các quốc gia có thể thực hiện các biện pháp hiệu quả để ngăn cản, ngăn chặn và chống hối lộ công chức nước ngoài liên quan đến các giao dịch kinh doanh quốc tế, hãy xem Khuyến nghị của Hội đồng OECD về Chống Hối lộ Công chức Nước ngoài trong Giao dịch Kinh doanh Quốc tế, *www.oecd.org/daf/anti-bribery/44176910.pdf*.

92. Bộ Hướng dẫn của OECD, XI.1-2.

93. Bộ Hướng dẫn của OECD, X.2-3.

94. Bộ Hướng dẫn của OECD, IX.1-2; CFS-RAI Nguyên tắc 7.iv.

95. CFS-RAI Nguyên tắc 7.ii; Hiệp ước Quốc tế về Nguồn gen Thực vật cho Lương thực và Nông nghiệp, Điều 9.3.

96. Bộ Hướng dẫn của OECD, IX.

Tài liệu tham khảo trong Phụ lục A

CAO (2013), *Báo cáo thường niên*, Văn phòng Cố vấn Tuân thủ, Washington DC.
Annual Report, Compliance Advisor Ombudsman, Washington DC.

CAO (2008), Hướng dẫn Thiết kế và Thực hiện Cơ chế Khiếu nại cho các Dự án Phát triển, Lưu ý Tư vấn, Văn phòng Cố vấn Tuân thủ, Washington DC.
A Guide to Designing and Implementing Grievance Mechanisms for Development Projects, Advisory Note, Compliance Advisor Ombudsman, Washington DC.

DEFRA (2003), "Lời nói đầu", trong *Bộ Quy tắc Khuyến nghị về Phúc lợi Gia súc*, Bộ Môi trường, Thực phẩm và Nông thôn Vương quốc Anh, London.
"Preface", in *The Code of Recommendations for the Welfare of Livestock*, United Kingdom Department of Environment, Food and Rural Affairs, London.

EC (2011), *Báo cáo - Phương pháp tiếp cận theo ngành về Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề xã hội trong chuỗi cung ứng thực phẩm*, Diễn đàn cấp cao về chuỗi cung ứng thực phẩm hoạt động tốt hơn, Diễn đàn chuyên gia về tính cạnh tranh của ngành nông thực phẩm, Ủy ban châu Âu, Brussels.
Report - A Sectoral Approach to CSR to Tackle Societal Issues in the Food Supply Chain, High Level Forum for a Better Functioning Food Supply Chain, Expert Platform on the Competitiveness of the Agro-food Industry, European Commission, Brussels.

FAO (2013), Xu hướng và tác động của đầu tư nông nghiệp nước ngoài vào nền nông nghiệp nước đang phát triển: Bằng chứng từ các nghiên cứu điển hình, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hiệp Quốc, Rome.
Trends and Impacts of Foreign Agricultural Investment in Developing Country Agriculture: Evidence from Case Studies, Food and Agriculture Organization, Rome.

FAO (2011), Báo cáo của Hội nghị chuyên gia về đầu tư quốc tế vào lĩnh vực nông nghiệp của các nước đang phát triển, 22-23/11/2011, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hiệp Quốc, Rome.
Report of Expert Meeting on International Investment in the Agricultural Sector of Developing Countries, 22-23 November 2011, Food and Agriculture Organization, Rome.

FAO (2010), *Nguyên tắc đầu tư nông nghiệp có trách nhiệm tôn trọng quyền, sinh kế và tài nguyên*, Tài liệu thảo luận do FAO, IFAD, UNCTAD và Nhóm Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hiệp Quốc, Rome.
Principles for Responsible Agricultural Investment that Respects Rights, Livelihoods and Resources, Discussion Note Prepared by FAO, IFAD, UNCTAD and the World Bank Group, Food and Agriculture Organization, Rome.

IFC (2014), *Cải thiện Phúc lợi Động vật trong Hoạt động Chăn nuôi*, Lưu ý Thực hành Tốt, Công ty Tài chính Quốc tế, Washington DC.
Improving Animal Welfare in Livestock Operations, Good Practice Note, International Finance Corporation, Washington DC.

IFC (2012), *Các Tiêu chuẩn Thực hiện của IFC*, Công ty Tài chính Quốc tế, Washington DC.
IFC Performance Standards, International Finance Corporation, Washington DC.

IFC (2009), Giải quyết khiếu nại từ các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án - Hướng dẫn cho các dự án và công ty thiết kế cơ chế khiếu nại, Lưu ý thực hành tốt số 7, Công ty Tài chính Quốc tế, Washington DC.
Addressing Grievances from Project-affected Communities - Guide for Projects and Companies Designing Grievance Mechanisms, Good Practice Note No. 7, International Finance Corporation, Washington DC.

IFPRI (2006), Các mối nguy đối với sức khỏe nghề nghiệp của nông nghiệp - Tìm hiểu mối liên hệ giữa nông nghiệp và sức khỏe, Tóm tắt 13 (8), Viện nghiên cứu chính sách thực phẩm quốc tế, Washington DC.
Occupational Health Hazards of Agriculture - Understanding the Links between Agriculture and Health, Brief 13(8), International Food Policy Research Institute, Washington DC.

ILO (2011a), "Thúc đẩy phát triển nông thôn thông qua việc làm hiệu quả và công việc tử tế: Xây dựng dựa trên 40 năm ILO làm việc ở các vùng nông thôn", *Báo cáo gửi Ủy ban Chính sách Việc làm và Xã hội của Cơ quan quản lý*, Tổ chức Lao động Quốc tế, Geneva.
"Unleashing rural development through productive employment and decent work: Building on 40 years of ILO work in rural areas", *Paper to the Governing Body's Committee on Employment and Social Policy*, International Labour Organization, Geneva.

ILO (2011b), *An toàn và Sức khỏe trong Nông nghiệp, Quy tắc Thực hành*, Tổ chức Lao động Quốc tế, Geneva.
Safety and Health in Agriculture, Code of Practice, International Labour Organization, Geneva.

ILO (2008), Các Nguyên tắc Lao động của Hiệp ước Toàn cầu của Liên Hiệp Quốc: Hướng dẫn Kinh doanh, Tổ chức Lao động Quốc tế, Geneva.
The Labour Principles of the United Nations Global Compact: A Guide for Business, International Labour Organization, Geneva.

ILO (2006), Tuyên bố ba bên về các nguyên tắc liên quan đến các doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội, Tổ chức Lao động Quốc tế, Geneva.
Tripartite Declaration of Principles concerning Multinational Enterprises and Social Policy, International Labour Organization, Geneva.

ILO (2005), *An toàn và Sức khỏe trong Nông nghiệp*, Tổ chức Lao động Quốc tế, Geneva.
Safety and Health in Agriculture, International Labour Organization, Geneva.

McDermott, M. và cộng sự. (2015), *Hướng tới định giá đất chưa đăng ký*, tài liệu được chuẩn bị cho bài thuyết trình tại Hội nghị Ngân hàng Thế giới về Đất đai và Nghèo đói năm 2015 của McDermott, M., Selebalo, C. và Boydell, S., Ngân hàng Thế giới, Washington DC.
Towards the Valuation of Unregistered Land, Paper Prepared for a Presentation at the 2015 World Bank Conference on Land and Poverty by McDermott, M., Selebalo, C. and Boydell, S., World Bank, Washington DC.

Dự án Munden (2013), Vốn toàn cầu, nhượng bộ địa phương: Kiểm tra dựa trên dữ liệu về rủi ro sở hữu đất và nhượng bộ công nghiệp ở các nền kinh tế thị trường mới nổi, Công ty TNHH Dự án Munden.

Munden Project (2013), Global Capital, Local Concessions: A Data-Driven Examination of Land Tenure Risk and Industrial Concessions in Emerging Market Economies, The Munden Project Ltd.

OECD (2011), *Bộ Hướng dẫn của OECD cho các doanh nghiệp đa quốc gia*, Ấn bản năm 2011, Nhà xuất bản OECD, Paris. *http://dx.doi.org/10.1787/9789264115415-en*.
OECD Guidelines for Multinational Enterprises, 2011 Edition, OECD Publishing, Paris. *http://dx.doi.org/10.1787/9789264115415-en*.

OECD (2006), "Công cụ nhận thức rủi ro của OECD cho các doanh nghiệp đa quốc gia trong các khu vực quản trị yếu kém", trong *Báo cáo thường niên về Bộ Hướng dẫn của OECD cho các doanh nghiệp đa quốc gia 2006: Tiến hành kinh doanh tại các khu vực quản trị yếu kém*, Nhà xuất bản OECD, Paris. *http://dx.doi.org/10.1787/mne-2006-4-en*.
"OECD Risk Awareness Tool for Multinational Enterprises in Weak Governance Zones", in *Annual Report on the OECD Guidelines for Multinational Enterprises 2006: Conducting Business in Weak Governance Zones*, OECD Publishing, Paris. *http://dx.doi.org/10.1787/mne-2006-4-en*.

RSPCA (2014), *Canh tác quy mô lớn, Tài liệu tóm tắt nhấn mạnh về chăn nuôi bò sữa*, Hiệp hội Hoàng gia về Ngăn chặn Sự tàn ác với Động vật, Southwater.
Large-scale Farming, A Briefing Paper with an Emphasis on Dairy Farming, Royal Society for the Prevention of Cruelty to Animals, Southwater.

TI (2011), "Tham nhũng trong lĩnh vực đất đai", Tài liệu công tác 04/2011, Tổ chức Minh bạch Quốc tế.
"Corruption in the land sector", Working Paper 04/2011, Transparency International.

UN (2009), *Mua lại và cho thuê đất quy mô lớn - Một tập hợp các nguyên tắc và biện pháp tối thiểu để giải quyết thách thức nhân quyền*, Báo cáo viên đặc biệt của LHQ về quyền có lương thực, Tài liệu của Liên Hiệp Quốc A/HRC/13/33/3/Add.2, *www.srfood.org/images/stories/pdf/officialreports/20100305_a-hrc-13-33-add2_land-Nguyên tắcs_en.pdf.*
Large-scale land acquisitions and leases - A set of minimum principles and measures to address the human rights challenge, UN Special Rapporteur on the Right to Food, United Nations document A/HRC/13/33/3/Add.2, *www.srfood.org/images/stories/pdf/officialreports/20100305_a-hrc-13-33-add2_land-principles_en.pdf.*

UNCTAD (2009), *Các tập đoàn xuyên quốc gia, Sản xuất và Phát triển Nông nghiệp*, Báo cáo Đầu tư Thế giới, Hội nghị Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển, New York và Geneva.
Transnational Corporations, Agricultural Production and Development, World Investment Report, United Nations Conference on Trade and Development, New York and Geneva.

UNEP (2015), Chính sách rủi ro của ngân hàng và nhà đầu tư đối với hàng hóa mềm, Khung đánh giá rủi ro mất rừng và suy thoái rừng trong chuỗi giá trị nông nghiệp, Chương trình môi trường của Liên Hiệp Quốc.
Bank and Investor Risk Policies on Soft Commodities, A Framework to Evaluate Deforestation and Forest Degradation Risk in the Agricultural Value Chain, United Nations Environment Programme.

UN HABITAT (2015), *Các bài luận và đơn vị chính sách của Hội nghị Habitat III*, Hội nghị của Liên Hiệp Quốc về nhà ở và phát triển đô thị bền vững, Nairobi.
Issue Papers and Policy Units of the Habitat III Conference, United Nations Conference on Housing and Sustainable Urban Development, Nairobi.

WB và UNCTAD (2014), Thực hành đầu tư có trách nhiệm trong đầu tư nông nghiệp quy mô lớn hơn - Hàm ý đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và tác động đối với cộng đồng địa phương, Báo cáo của Ngân hàng Thế giới số 86175-GLB, Tài liệu thảo luận về Dịch vụ Nông nghiệp và Môi trường 08, Ngân hàng Thế giới và Liên Hiệp Quốc Hội nghị về Thương mại và Phát triển, Washington DC.
The Practice of Responsible Investment in Larger-Scale Agricultural Investments – Implications for Corporate Performance and Impacts on Local Communities, World Bank Report Number 86175-GLB, Agriculture and Environmental Services Discussion Paper 08, World Bank and United Nations Conference on Trade and Development, Washington DC.

Phụ lục B:
Tiếp xúc với người bản địa

Như đã nêu trong chính sách mẫu của doanh nghiệp, cần tiến hành tham vấn thiện chí, hiệu quả và có ý nghĩa với cộng đồng trước khi bắt đầu bất kỳ hoạt động nào có thể ảnh hưởng đến họ cũng như trong và khi kết thúc hoạt động. Ngoài ra, một số công cụ và tiêu chuẩn quốc tế thể hiện cam kết của nhà nước tiếp xúc tham vấn để có được sự đồng thuận tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC) của người dân bản địa trước khi phê duyệt bất kỳ dự án nào ảnh hưởng đến vùng đất hoặc lãnh thổ của họ và các tài nguyên khác. [1] Theo như một số cơ quan về quyền con người và quyền của các dân tộc bản địa, khái niệm FPIC bắt nguồn từ quyền tự quản, quyền lãnh thổ và văn hóa của người bản địa và cần thiết cho việc thực hiện các quyền đó. Một số quốc gia có luật pháp quốc gia nhất quán với cam kết tham vấn và hợp tác để đạt được FPIC.[2]

Các Nguyên tắc CFS-RAI và VGGT kêu gọi các cuộc tham vấn có ý nghĩa nhằm đạt được FPIC của người dân bản địa. Ngoài ra, một số công ty nông sản thực phẩm lớn và các hội nghị bàn tròn hàng hóa yêu cầu phải có FPIC trong một số điều kiện nhất định. Ví dụ, Bàn tròn về Dầu cọ bền vững (RSPO) yêu cầu phải có FPIC của các nhóm bị ảnh hưởng để sử dụng đất trồng cây dầu cọ. [3] Bộ Hướng dẫn của OECD tham chiếu đến các công cụ của Liên Hiệp Quốc về quyền của người bản địa trong bối cảnh các tác động bất lợi về quyền con người nhưng không bao gồm bất kỳ ngôn ngữ nào về FPIC.[4]

Định nghĩa người bản địa

Không có định nghĩa duy nhất về các dân tộc bản địa, và các nhóm dân tộc bản địa không phải là những thực thể đồng nhất. Tuy nhiên, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), rút ra từ Công ước số 169, đã mô tả các dân tộc bản địa là một nhóm văn hóa và xã hội riêng biệt có các đặc điểm sau ở các mức độ khác nhau:

- tự nhận mình là thành viên của một nhóm văn hóa riêng biệt
- lối sống truyền thống
- văn hóa và lối sống khác với các phân khúc dân số khác của quốc gia, ví dụ: trong cách kiếm sống, ngôn ngữ, phong tục, v.v..
- có tổ chức xã hội riêng, có thể bao gồm phong tục tập quán và luật lệ riêng.[5]

Tự nhận mình là người bản địa nên được coi là tiêu chí cơ bản để xác định các dân tộc bản địa.[6]

Các dân tộc bản địa có thể phải chịu những tác động bất lợi khác nhau hoặc nghiêm trọng hơn các nhóm bên liên quan khác, dựa vào quan hệ của họ với vùng đất mà thường đóng vai trò quan trọng trong thực hành xã hội, văn hóa, và tín ngưỡng, văn hóa và tình

trạng kinh tế xã hội của họ. Họ thường nằm trong phân khúc dân cư bị thiệt thòi và dễ bị tổn thương nhất. Họ có thể phải đối mặt với sự phân biệt đối xử và mức nghèo đói cao, do đó dễ bị tổn thương hơn và kém chống chịu với các tác động bất lợi hơn. Bất kể khuôn khổ pháp lý cho một hoạt động diễn ra, họ thường có các quyền theo phong tục hoặc truyền thống dựa vào mối quan hệ của họ với đất đai, văn hóa và tình trạng kinh tế xã hội của họ:

- **Đất đai:** Các dân tộc bản địa thường có sự kết nối đặc biệt và/hoặc các quyền theo phong tục đối với đất đai của tổ tiên. Mối quan hệ với đất đai này là một đặc điểm phân biệt của các dân tộc bản địa và do đó các tác động liên quan đến đất đai như giảm hoặc mất khả năng tiếp cận đất đai, hoặc suy thoái môi trường, có thể ảnh hưởng đến người dân bản địa, sinh kế và văn hóa của họ, nghiêm trọng hơn so với các nhóm bên liên quan khác, không phải bản địa. Hơn nữa, các quyền về đất đai theo tập quán của người bản địa có thể không được pháp luật quốc gia công nhận. Quá trình tham vấn nên khám phá giá trị phi vật thể gắn liền với các địa điểm linh thiêng hoặc các khu vực có ý nghĩa văn hóa.

- **Văn hóa**: Các dân tộc bản địa có thể lưu giữ các giá trị và đặc điểm văn hóa độc đáo cần được xem xét và tôn trọng khi tiếp xúc với họ. Ví dụ, các vấn đề về quyền riêng tư có thể có tầm quan trọng đặc biệt đối với người dân bản địa, ví dụ: do di chứng của sự phân biệt đối xử và gạt ra ngoài lề xã hội hoặc văn hóa, hoặc nhạy cảm do thiếu tiếp xúc với các nền văn hóa chính thống. Trong những trường hợp như vậy, thực hành tham gia thích hợp có thể bao gồm việc tìm kiếm sự đồng thuận khi ghi lại thông tin về các nghi lễ, nghi thức để đảm bảo ngăn chặn sự phá vỡ đời sống văn hóa. Điều này đặc biệt quan trọng khi các hoạt động dẫn đến tái định cư và/hoặc di dời. Do lối sống truyền thống của người bản địa thường gắn bó mật thiết với một vùng lãnh thổ cụ thể, việc tái định cư có thể dẫn đến mất mạng lưới xã hội, xói mòn văn hóa, mất ngôn ngữ và bản sắc riêng biệt. Việc làm trong các hoạt động kinh doanh quy mô lớn cũng có thể bị một số người bản địa coi là phương hại đến các hoạt động truyền thống. Sự ra đời của nền kinh tế tiền mặt có thể không tương thích với các mối quan hệ trao đổi đã có trước đây. Tương tác với người dân bản địa có thể xác định các cách để giảm thiểu những tác động này và phản ánh nguyện vọng và ưu tiên của họ.

- **Tình trạng kinh tế - xã hội**: Ở nhiều nơi trên thế giới, các dân tộc bản địa là một trong những bộ phận dân cư bị thiệt thòi và dễ bị tổn thương nhất. Họ thường phải đối mặt với sự phân biệt đối xử và trải qua mức độ đói nghèo cao và bất lợi xã hội. Thông thường, họ ít được thông báo về và ít có khả năng bảo vệ quyền và di sản văn hóa của mình. Điều này có nghĩa là họ có thể kém khả năng chống chịu với các cú sốc và tác động tiêu cực và dễ bị tổn thương hơn trước các hậu quả kinh tế và xã hội nghiêm trọng. Họ có thể nói tiếng địa phương hoặc dựa vào truyền thống truyền miệng để truyền đạt thông tin, điều này có thể dẫn đến khó khăn trong việc truyền đạt thông tin một cách hiệu quả và họ có thể yêu cầu các phương pháp tham vấn và tiếp xúc sáng tạo. Ngoài ra, điều quan trọng là phải xem xét rằng các bất bình trong lịch sử có thể tồn tại và có thể làm phức tạp các hoạt động.

Các nhóm bản địa bao gồm các cá nhân chịu các tác động bất lợi khác nhau và bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương hơn, chẳng hạn như phụ nữ và trẻ em, những người sẽ được chú ý đặc biệt trong quá trình tham gia.

Thực hiện FPIC

Doanh nghiệp phải luôn tuân thủ luật pháp và quy định trong nước cũng như tôn trọng các quyền con người có liên quan được quốc tế công nhận. [7] Cho dù các yêu cầu trong quy định hoặc trong hoạt động và trong suốt quá trình lập kế hoạch dự án của họ là gì, họ nên dự đoán rằng người dân bản địa có thể sẽ kỳ vọng vào hoạt động tham vấn nhằm tìm kiếm FPIC và rủi ro có thể phát sinh nếu các kỳ vọng đó không được đáp ứng. Ở các quốc gia không bắt buộc FPIC, doanh nghiệp nên xem xét các kỳ vọng của địa phương, rủi ro gây ra cho người dân bản địa[8] và cho các hoạt động vì sự phản đối của địa phương. Họ nên theo đuổi một chiến lược tiếp xúc đáp ứng mong đợi chính đáng của người dân bản địa chừng nào họ không vi phạm luật trong nước.

Về vấn đề này, có thể thực hiện các bước chính sau đây để tiếp xúc với người dân bản địa khi tìm cách thực hiện FPIC:

- Thỏa thuận với những người bản địa bị ảnh hưởng về quy trình tham vấn để hướng tới mục tiêu đạt được FPIC. Để thực hiện điều này, cần xác định các hoạt động cụ thể hiện tại và tương lai khi tìm kiếm sự đồng thuận. [9] Trong một số trường hợp, cách thích hợp là đưa ra cam kết về quá trình này thông qua một thỏa thuận chính thức hoặc hợp pháp. [10] Quy trình phải luôn dựa trên đàm phán thiện chí không ép buộc, đe dọa hoặc thao túng.

- Tham khảo ý kiến và thỏa thuận về những gì tạo nên sự tán thành thích hợp cho những người bản địa bị ảnh hưởng theo các thể chế quản trị, luật tục và thông lệ của họ, ví dụ, liệu đây có phải đa số phiếu bầu từ cộng đồng hay sự chấp thuận của hội đồng trưởng lão. Người bản địa cần được tham gia thông qua các đại diện được họ tự nguyện lựa chọn và các thể chế theo tập quán hoặc các thể chế khác.

- Tham gia vào quá trình tìm kiếm sự đồng thuận càng sớm càng tốt trong quá trình lập kế hoạch dự án, trước khi tiến hành các hoạt động cần có sự đồng thuận hoặc được cho phép.

- Nhận thức quá trình tìm kiếm FPIC là lặp đi lặp lại thay vì thảo luận một lần. Đối thoại liên tục với cộng đồng địa phương sẽ đưa đến một mối quan hệ tin cậy và một thỏa thuận cân bằng mà sẽ có lợi cho việc đầu tư trong tất cả các giai đoạn của dự án.

- Provide all information relating to the activity to indigenous communities in a manner that is timely, objective, accurate và understandable to them.

- Cung cấp tất cả thông tin liên quan đến hoạt động cho cộng đồng bản địa một cách kịp thời, khách quan, chính xác và dễ hiểu đối với họ.

- Văn bản hóa các cam kết/thỏa thuận đã đạt được, bao gồm, nếu có liên quan, đặc tả về những hoạt động đã được chấp thuận hoặc từ chối, bất kỳ điều kiện đồng thuận nào và các lĩnh vực đang đàm phán và chia sẻ chúng với cộng đồng bản địa bằng hình thức và ngôn ngữ mà họ có thể hiểu và một cách kịp thời.

- Xác định (các) hành động sẽ được thực hiện trong trường hợp: a) người bản địa từ chối tham gia đàm phán; và b) người bản địa không đồng thuận cho các hoạt động trên lãnh thổ của họ.

Xử lý tình huống không đồng thuận hoặc từ chối tham gia

Khi cộng đồng bản địa không đồng tình, doanh nghiệp nên tham khảo ý kiến của cộng đồng để hiểu lý do đằng sau việc không đồng thuận và liệu các mối quan tâm đang có có thể được giải tỏa hoặc giải quyết hay không. Không nên tùy tiện rút lại sự đồng thuận đã đưa ra trước đó theo nguyên tắc tự nguyện, có báo trước và được cung cấp thông tin.

Trong trường hợp không có sự đồng thuận hoặc người dân bản địa từ chối tiếp xúc, rủi ro vật chất đối với doanh nghiệp và các tác động bất lợi đối với người bản địa có thể xảy ra. Trong các tình huống mà việc thực hiện dự án sẽ gây ra các tác động bất lợi cho người dân bản địa, doanh nghiệp nên thực hiện các bước cần thiết để chấm dứt hoặc ngăn chặn các tác động đó.[11]

Nếu qua quá trình thẩm định của mình[12] doanh nghiệp kết luận rằng cần phải có sự đồng thuận để tiến hành một hoạt động, và quy trình đã thỏa thuận chưa đạt được sự đồng thuận đó, thì các hoạt động sẽ không được tiến hành trừ khi sau đó có FPIC. Ví dụ, một dự án do IFC tài trợ sẽ không được tiến hành ngay cả khi nhà nước cho phép, nếu cần phải di dời dân bản địa và nếu không có được FPIC từ họ.

Trích dẫn từ các công cụ và tiêu chuẩn hiện hành

Tiêu chuẩn	Quy định liên quan tới FPIC
Tuyên ngôn của Liên Hiệp Quốc về Quyền của các Dân tộc Bản địa (UNDRIP)*	*Không một hình thức tái định cư nào được phép diễn ra mà không có sự chấp thuận tự nguyện, báo trước, và được cung cấp thông tin của những dân tộc bản địa có liên quan (Điều 10).* *Nhà nước cần cung cấp các biện pháp phục hồi thông qua các cơ chế hiệu quả, có thể bao gồm việc trả lại, phát triển cùng với các dân tộc bản địa, với sự tôn trọng các tài sản về văn hóa, trí tuệ, tôn giáo và tinh thần của họ đã bị tước đi mà không có sự chấp thuận tự nguyện, báo trước, và được cung cấp thông tin hoặc vi phạm luật, truyền thống và phong tục của họ (Điều 11).* *Nhà nước cần tham vấn và hợp tác trên cơ sở tin cậy với các dân tộc bản địa liên quan thông qua các thể chế đại diện của họ nhằm đạt được sự chấp thuận tự nguyện, báo trước, và được cung cấp thông tin trước khi phê duyệt bất kì một dự án nào ảnh hưởng đến đất đai hay lãnh thổ và tài nguyên của họ, đặc biệt trong mối liên hệ với phát triển, sử dụng hay khai thác khoáng sản, nước hay các tài nguyên khác (Điều 32).*
Công ước 169 của ILO về Bộ lạc và các Dân tộc Bản địa **	Các tham chiếu bổ sung về FPIC có trong Điều 19, 29 và 30. *Việc tái định cư các dân tộc được đề cập trong Công ước này cần thiết phải được xem như là một biện pháp ngoại lệ, việc tái định cư như vậy chỉ được thực hiện với sự đồng thuận tự nguyện và được cung cấp thông tin của họ. Tại những nơi mà không thể đạt được sự tự nguyện đồng thuận này, việc tái định cư chỉ được thực hiện theo những thủ tục thích hợp mà luật pháp và quy định của quốc gia nêu ra, bao gồm những hướng dẫn chung khi thích hợp mà cho phép các dân tộc được đề cập trong Công ước này có cơ hội đại diện có hiệu quả trong quá trình đó (Điều 16).*
Bộ quy tắc CFS-RAI	*Đầu tư có trách nhiệm vào nông nghiệp và các hệ thống lương thực cần ...kết hợp các cấu trúc và quy trình quản trị minh bạch và bao trùm, ra quyết định ...thông qua... tham vấn hiệu quả và có ý nghĩa với người*

Tiêu chuẩn	Quy định liên quan tới FPIC
	dân bản địa, thông qua các cơ quan đại diện của họ để đạt được FPIC theo Tuyên bố của Liên Hiệp Quốc về Quyền của các Dân tộc bản địa và quan tâm đúng mức đến các vị trí cụ thể và hiểu biết về từng Quốc gia (Nguyên tắc 9).
VGGT	*Các quốc gia và các bên khác cần tổ chức tham vấn thiện chí với người dân bản địa trước khi bắt đầu bất kỳ dự án nào hoặc trước khi thông qua và thực hiện các biện pháp hành chính hoặc lập pháp ảnh hưởng đến các nguồn lực mà cộng đồng nắm giữ quyền. Các dự án như vậy phải dựa trên cơ sở tham vấn hiệu quả và có ý nghĩa với người dân bản địa, thông qua các cơ quan đại diện của chính họ để đạt được FPIC của họ theo Tuyên bố của Liên Hiệp Quốc về Quyền của các Dân tộc bản địa và có sự quan tâm thích đáng đến các vị trí và hiểu biết cụ thể của từng Quốc gia (Đoạn 9.9).* *Đối với người dân bản địa và cộng đồng của họ, các Quốc gia cần đảm bảo rằng mọi hành động đều phù hợp với các nghĩa vụ hiện có của quốc gia đó theo luật pháp trong nước và quốc tế, và xem xét thích đáng các cam kết tự nguyện theo các công cụ khu vực và quốc tế hiện hành, bao gồm cả những quy định phù hợp trong Công ước ILO Số 169 về Bộ lạc và các Dân tộc bản địa ở các Quốc gia Độc lập và Tuyên ngôn của Liên Hiệp Quốc về Quyền của các Dân tộc bản địa (Đoạn 12.7).*
Bộ Hướng dẫn Akwe: Kon	*Khi tiến hành đánh giá tác động văn hóa, cần xem xét thích đáng những người nắm giữ kiến thức truyền thống, những đổi mới và thực hành và chính kiến thức đó… Trong trường hợp tiết lộ kiến thức bí mật và hoặc thiêng liêng, cần phải có sự đồng thuận báo trước, được cung cấp thông tin, và các biện pháp bảo vệ thích hợp.(Đoạn 29).* *Phải thực hiện các cân nhắc chung sau đây đánh giá tác động của một dự án phát triển sự kiến sẽ được thực hiện hoặc có khả năng tác động đến các địa điểm linh thiêng và các vùng đất và vùng nước theo truyền thống do cộng đồng bản địa và địa phương chiếm giữ hoặc sử dụng:* • *Sự đồng thuận báo trước và được cung cấp thông tin của các cộng đồng bản địa và địa phương bị ảnh hưởng: Trong trường hợp chế độ pháp lý nhà nước yêu cầu phải có sự đồng thuận trước, được cung cấp thông tin của cộng đồng bản địa địa phương, quá trình đánh giá cần cân nhắc liệu đã đạt được sự đồng thuận này hay chưa. Sự đồng thuận báo trước và được cung cấp thông tin ứng với các giai đoạn khác nhau của quá trình đánh giá tác động này phải cân nhắc tới các quyền, kiến thức, đổi mới, và thực hành của cộng đồng bản địa địa phương; sử dụng ngôn ngữ và quá trình phù hợp; phân bổ thời gian hợp lý và cung cấp thông tin chính xác, chân thực, và hợp pháp. Các sửa đổi đối với đề xuất phát triển ban đầu cần có thêm sự đồng thuận báo trước và được cung cấp thông tin của các cộng đồng bản địa địa phương bị ảnh hưởng (Đoạn 53).* • *Quyền sở hữu bảo vệ và kiểm soát kiến thức truyền thống, đổi mới và thực hành và công nghệ được sử dụng trong các quá trình đánh*

Standard	FPIC-related text
	giá tác động văn hóa, môi trường và xã hội… Những kiến thức đó chỉ nên được sử dụng khi có sự đồng thuận trước của chủ sở hữu kiến thức truyền thống đó (Đoạn 60).
Tiêu chuẩn Thực hiện của IFC	*Không có định nghĩa được chấp nhận rộng rãi về FPIC (...). FPIC dựa trên và mở rộng quy trình Tham vấn và Tham gia được cung cấp Thông tin được mô tả trong Tiêu chuẩn Thực hiện 1 và sẽ được thiết lập thông qua thương lượng thiện chí giữa khách hàng và Cộng đồng Người bản địa bị ảnh hưởng. Khách hàng sẽ ghi lại: (i) quy trình được cả hai bên chấp nhận giữa khách hàng và Cộng đồng Người bản địa bị ảnh hưởng, và (ii) bằng chứng về sự đồng thuận giữa các bên là kết quả của các cuộc đàm phán. FPIC không nhất thiết đòi hỏi sự nhất trí và có thể đạt được ngay cả khi các cá nhân hoặc nhóm trong cộng đồng không đồng thuận một cách rõ ràng.* *Các cộng đồng dân tộc bản địa bị ảnh hưởng có thể đặc biệt dễ bị tổn thương khi bị mất, bị xa lánh hoặc bị khai thác đất đai và khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa. Nhận thức được khả năng dễ bị tổn thương đó, khách hàng sẽ có được FPIC của các cộng đồng dân tộc bản địa bị ảnh hưởng trong các trường hợp sau:* • *Tác động đến đất đai và tài nguyên thiên nhiên thuộc sở hữu truyền thống hoặc sử dụng theo tập quán.* • *Di dời người dân bản địa khỏi các vùng đất và tài nguyên thiên nhiên thuộc sở hữu truyền thống hoặc sử dụng theo tập quán: Khách hàng sẽ xem xét các thiết kế dự án thay thế khả thi để tránh việc phải di dời người dân bản địa khỏi đất đai và tài nguyên thiên nhiên thuộc sở hữu truyền thống hoặc sử dụng theo tập quán. Nếu việc di dời như vậy là không thể tránh khỏi, khách hàng sẽ không tiếp tục dự án trừ khi đã có FPIC.* • *Di sản văn hóa quan trọng: Trong trường hợp không thể tránh khỏi tác động đáng kể của dự án đối với di sản văn hóa quan trọng, khách hàng sẽ có được FPIC của các cộng đồng dân tộc bản địa bị ảnh hưởng. Khi một dự án đề xuất sử dụng di sản văn hóa bao gồm kiến thức, đổi mới hoặc thực hành của người bản địa cho mục đích thương mại, khách hàng sẽ… có được FPIC của các cộng đồng người bản địa bị ảnh hưởng.*

* Tuyên bố năm 2007 là một văn kiện không ràng buộc về mặt pháp lý đã được Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc thông qua với 143 quốc gia ủng hộ, 4 chống và 11 bỏ phiếu trắng. Điều này thể hiện ý đồ chính trị của các nước.

** Công ước năm 1989 này có giá trị ràng buộc đối với 22 quốc gia đã phê chuẩn. Việc thông qua nó trong ILO thể hiện sự đồng thuận giữa các thành viên ba bên của ILO về quyền của các dân tộc bản địa và bộ lạc và trách nhiệm của các chính phủ trong việc bảo vệ các quyền này. Cơ sở của Công ước là: tôn trọng nền văn hóa và lối sống của người dân bản địa, công nhận quyền đối với đất đai và tài nguyên thiên nhiên, và quyền xác định các ưu tiên phát triển của họ. Các nguyên tắc chính của nó là tham vấn và tham gia.

Hướng dẫn thêm về FPIC

Cơ chế chuyên gia về Quyền của Người bản địa (2011), Ý kiến số 2 Cơ chế Chuyên gia: người bản địa và quyền tham gia vào quá trình ra quyết định. Geneva
Expert Mechanism on the Rights of Indigenous Peoples (2011), Expert Mechanism advice No. 2: indigenous peoples và the right to participate in decision-making. Geneva.

Foley-Hoag (2010), Thực hiện chính sách đồng thuận theo nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin của công ty: lợi ích và thách thức, của Lehr, A. và Smith, G.
Foley-Hoag (2010), Implementing a corporate free, prior, and informed consent policy: benefits và challenges, by Lehr, A. và Smith, G.
www.foleyhoag.com/publications/ebooks-and-white-papers/2010/may/implementing-a-corporate-free-prior-and-informed-consent-policy.

FAO (2014), Tôn trọng sự đồng thuận theo nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin - Hướng dẫn thực hành cho chính phủ, công ty, tổ chức phi chính phủ, người dân bản địa và cộng đồng địa phương liên quan đến thu hồi đất, Hướng dẫn Kỹ thuật số 3 về Quản lý Quyền chiếm giữ.
FAO (2014), Respecting free, prior and informed consent - Practical guidance for governments, companies, NGOs, indigenous peoples và local communities in relation to land acquisition, Governance of tenure technical guide 3.

ILO (2013), Tìm hiểu Công ước về Người bản địa và Bộ lạc, 1989 (Số169), Sổ tay cho các thành phần ba bên của ILO, Vụ Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế, Tổ chức Lao động Quốc tế, Geneva
ILO (2013), Understanding the Indigenous và Tribal Peoples Convention, 1989 (No.169), Handbook for ILO Tripartite Constituents, International Labour Standards Department, International Labour Organisation, Geneva.

OECD (2016), *Hướng dẫn Thẩm định của OECD về sự Tham gia có ý nghĩa của các bên liên quan trong lĩnh vực khai mỏ*, sắp xuất bản, Nhà xuất bản OECD, Paris
OECD (2016), *OECD Due Diligence Guidance for Meaningful Stakeholder Engagement in the Extractive Sector*, forthcoming, OECD Publishing, Paris.

Oxfam Australia (2005), Hướng dẫn về sự đồng thuận theo nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin, của Hill, C., Lillywhite, S. và Simon, S., Carlton, Victoria, Australia.
Oxfam Australia (2005), Guide to free, prior and informed consent, by Hill, C., Lillywhite, S. and Simon, S., Carlton, Victoria, Australia.

RSB (2011), Hướng dẫn của RSB về quyền đất đai: tôn trọng quyền, xác định rủi ro, tránh và giải quyết tranh chấp và mua đất thông qua sự đồng thuận tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin, Hội nghị bàn tròn về Nhiên liệu sinh học bền vững, Geneva.
RSB (2011), RSB guidelines for land rights: respecting rights, identifying risks, avoiding and resolving disputes and acquiring lands through free, prior and informed consent, Roundtable on Sustainable Biofuels, Geneva.

Diễn đàn thường trực của Liên Hiệp Quốc về các vấn đề bản địa (2005), Báo cáo của Hội thảo quốc tế về phương pháp luận liên quan đến sự đồng thuận tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin và người bản địa. Tài liệu E/C.19/2005/3, đệ trình lên Kỳ họp thứ tư của UNPFII, ngày 16-17/5.
UN Permanent Forum on Indigenous Issues (2005), Report of the International Workshop on Methodologies Regarding Free, Prior and Informed Consent and Indigenous Peoples. Document E/C.19/2005/3, submitted to the Fourth Session of the UNPFII, 16-17 May.

Ngân hàng Thế giới (2005), Chính sách Hoạt động 4.10: Người bản địa. Washington DC.
World Bank (2005) Operational Policy 4.10: Indigenous Peoples. Washington, DC.

Chú thích của Phụ lục B

1. Các công cụ quốc tế liên quan đến người bản địa là UNDRIP và Công ước ILO số 169. UNDRIP khuyến nghị các quốc gia tham khảo ý kiến và hợp tác với người dân bản địa liên quan để đạt được FPIC của họ trong một số tình huống, bao gồm cả đối với các dự án ảnh hưởng đến đất đai và lãnh thổ của họ hoặc các tài nguyên khác (Điều 19 và 32). Công ước số 169 của ILO, có giá trị pháp lý ràng buộc đối với các quốc gia đã phê chuẩn, yêu cầu các quốc gia thành viên tham khảo ý kiến của người dân bản địa với mục tiêu đạt được thỏa thuận hoặc đồng thuận về các biện pháp được đề xuất (Điều 6). Để biết hướng dẫn về quy định của Công ước về sự đồng thuận, hãy xem Sổ tay Hướng dẫn của ILO dành cho các thành phần ba bên của ILO - Tìm hiểu Công ước về Người bản địa và Bộ lạc, 1989 (Số 169) (2013). Các cơ quan khác của Liên Hiệp Quốc cho rằng các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến FPIC áp dụng bình đẳng cho các tổ chức phi nhà nước. Các cơ quan này bao gồm Diễn đàn thường trực của Liên Hiệp Quốc về các vấn đề bản địa, Nhóm công tác của Liên Hiệp Quốc về vấn đề nhân quyền và các tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp kinh doanh khác, Báo cáo viên đặc biệt của Liên Hiệp Quốc về quyền của người bản địa, Cơ chế chuyên gia của Liên Hiệp Quốc về quyền của người bản địa, và một số Cơ quan Hiệp ước Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc.

2. FAO, "Tôn trọng sự đồng thuận theo nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin - hướng dẫn thực hành cho chính phủ, công ty, tổ chức phi chính phủ, người dân bản địa và cộng đồng địa phương liên quan đến thu hồi đất" (2014), tr. 7, *www.fao.org/3/a-i3496e.pdf*.

3. "Các nguyên tắc và tiêu chí sản xuất dầu cọ bền vững" được Ban điều hành RSPO thông qua và được các thành viên RSPO chấp nhận tại Đại Hội Đồng bất thường vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 nêu rõ rằng việc sử dụng đất cho cọ dầu không làm giảm bớt các quyền của người sử dụng, theo tập quán, và hợp pháp của những người dùng khác mà không có sự đồng thuận tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (Nguyên tắc 2.3.). Như một chỉ số, các bản sao của các thỏa thuận đã thương lượng nêu chi tiết quá trình FPIC phải có sẵn và bao gồm: a) Bằng chứng về một kế hoạch đã được xây dựng thông qua tham vấn và thảo luận với tất cả các nhóm bị ảnh hưởng trong cộng đồng và thông tin đó đã được cung cấp cho tất cả các nhóm bị ảnh hưởng , bao gồm thông tin về các bước sẽ được thực hiện để họ tham gia vào quá trình ra quyết định; b) Bằng chứng về việc công ty đã tôn trọng quyết định của cộng đồng đồng ý hoặc không đồng ý với hoạt động của công ty tại thời điểm ra quyết định; c) Bằng chứng về các tác động pháp lý, kinh tế, môi trường và xã hội đối với việc cho phép hoạt động trên đất của họ đã được các cộng đồng bị ảnh hưởng hiểu và chấp nhận, bao gồm các tác động đối với tình trạng pháp lý của đất của họ khi công ty hết hạn sở hữu, nhượng quyền hoặc cho thuê đất

4. Xem Bộ Hướng dẫn của OECD, IV.40: Doanh nghiệp '[…]' nên tôn trọng quyền con người của các cá nhân thuộc các nhóm hoặc nhóm dân cư cụ thể cần được chú ý đặc biệt, nơi họ có thể có những tác động bất lợi về quyền con người đối với họ. Trong mối liên hệ này, các văn kiện của Liên Hiệp Quốc đã nghiên cứu kỹ hơn về quyền của người dân bản địa […]. ''

5. Công ước 169 của ILO đưa ra các định nghĩa sau đây về các dân tộc bản địa và bộ lạc. *Các dân tộc bộ lạc*: các điều kiện xã hội, văn hóa và kinh tế của họ phân biệt họ với các bộ phận khác của cộng đồng quốc gia, và địa vị của họ được quy định toàn bộ hoặc một phần bởi phong tục hoặc truyền thống của họ hoặc bởi các luật hoặc quy định đặc biệt; *Các dân tộc bản địa*: họ được coi là bản địa do có nguồn gốc từ các nhóm dân cư sinh sống tại quốc gia hoặc khu vực địa lý mà quốc gia đó thuộc về, tại thời điểm chinh phục

hoặc thuộc địa hoặc việc thiết lập các ranh giới nhà nước hiện tại và là người, bất kể địa vị pháp lý của họ, giữ lại một số hoặc tất cả các thể chế xã hội, kinh tế, văn hóa và chính trị của riêng mình.

6. Tham khảo Công ước 169 của ILO Điều 1.2.

7. Bộ Hướng dẫn của OECD, I.2 và IV. 1.

8. Các tài nguyên sau đây cung cấp chi tiết về kỳ vọng của cộng đồng có liên quan tới FPIC: *Hướng dẫn về Sự đồng thuận tự nguyện, báo trước, và được cung cấp thông tin,* *http://resources.oxfam.org.au/pages/view.php?ref=588&search=mining&order_by=relevance&sort=DESC&offset=48&archive=0&k=&curpos=54,* Oxfam Australia (2014); *Biến Sự Đồng thuận Tự Nguyện, Báo Trước, và Được Cung Cấp Thông tin thành Hiện Thực: Các Dân Tộc Bản Địa và Các Ngành Khai Thác,* Doyle C. and Carino J., Middlesex University, PIPLinks & ECCR (2013), *www.ecojesuit.com/wp-content/uploads/2014/09/Making-FPIC-a- Reality-Report.pdf*.

9. Các công cụ quốc tế được đề cập trong bảng dưới đây nêu rõ các trường hợp mà FPIC có liên quan, ví dụ trong trường hợp cần tái định cư.

10. Có ý kiến đề xuất FPIC có thể được hiểu là một hình thức tham gia của cộng đồng được nâng cao và chính thức hơn. Do đó, trong một số trường hợp nhất định, công ty có thể có động lực tham gia vào một quy trình tham vấn chính thức hơn khi phát triển một dự án trên hoặc gần lãnh thổ bản địa có thể có những tác động bất lợi đáng kể. Xem Lehr & Smith, *Thực hiện chính sách về sự đồng thuận tự nguyện và báo trước của công ty,* *www.foleyhoag.com/publications/ebooks-and-white-papers/2010/may/implementing-a-corporate-free-prior-and-informed-consent-policy*, Foley Hoag (2010), trang. 8. Viện Tài nguyên Thế giới khuyên các công ty đang cố gắng vượt qua những thách thức trong vận hành các thủ tục FPIC nên thừa nhận tính hợp pháp của quy trình - ví dụ: thỏa thuận chính thức, kết hợp với các thông lệ phổ biến khác cho sự tham gia các bên liên quan. Xem *Phát triển mà không xung đột: Trường hợp kinh doanh vì sự đồng thuận của cộng đồng, Phát triển mà không có xung đột: Trường hợp kinh doanh vì sự đồng thuận của cộng đồng*, Viện tài nguyên thế giới (2007), *http://webcache.googleusercontent.com/search?q=cache:KBxXOS9628IJ:pdf.wri.org/development_without_conflict_fpic.pdf+&cd=1&hl=en&ct=clnk&gl=fr*.

11. Bộ Hướng dẫn của OECD, II.B.18-19 và IV.40 & 42.

12. Cần có chuyên môn pháp lý để làm rõ các nghĩa vụ pháp lý liên quan đến sự tham gia với người bản địa.

NHÀ XUẤT BẢN OECD, 2, rue André-Pascal, 75775 PARIS CEDEX 16
(20 2016 01 1 P) ISBN 978-92-64-25095-6 – 2016

Hướng dẫn của OECD-FAO đối với Chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm

OECD và FAO xây dựng Hướng dẫn này để giúp các doanh nghiệp tuân thủ các tiêu chuẩn về ứng xử kinh doanh có trách nhiệm và cam kết thẩm định dọc theo chuỗi cung ứng nông sản nhằm đảm bảo rằng hoạt động của họ đóng góp vào phát triển bền vững. Hướng dẫn này bao gồm:

- một chính sách mẫu của doanh nghiệp, nêu rõ các tiêu chuẩn mà doanh nghiệp cần tuân thủ để xây dựng các chuỗi cung ứng nông sản có trách nhiệm
- một khuôn khổ thẩm định dựa trên rủi ro, mô tả năm (5) bước doanh nghiệp cần tuân thủ để nhận diện, đánh giá, giảm thiểu và giải trình về cách thức giải quyết các tác động bất lợi từ hoạt động của doanh nghiệp
- mô tả các rủi ro chính mà doanh nghiệp phải đối mặt cùng với các biện pháp giảm thiểu những rủi ro này
- hướng dẫn doanh nghiệp tiếp xúc với người dân bản địa.

OECD publishing
www.oecd.org/publishing

ISBN 978-92-64-25095-6
20 2016 01 1 P

9 789264 250956